

ĐC

196

ĐẾN CẦU

Nổi sóng

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN HÀ NAM NINH VÀ
CƠ QUAN CHỦ NHIỆM CÔNG BINH QUÂN KHU III

895-922803

ĐC. 83

B. 254.C

Bến Cầu nổi sóng

(Tập truyện ký về công binh của nhiều tác giả)

~~ĐC. 196~~

ĐC. 196

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN HÀ NAM NINH VÀ CƠ QUAN
CHỦ NHIỆM CÔNG BINH QUÂN KHU III XUẤT BẢN 1985

LỜI GIỚI THIỆU

Ra đời cùng với sự phát triển của các lực lượng vũ trang quân khu sau khi vừa đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, bộ đội công binh Quân khu III đã nhanh chóng trưởng thành, xứng đáng với vị trí một binh chủng chiến đấu và đảm bảo chiến đấu trong lực lượng binh chủng hợp thành của quân khu.

Từ năm 1965 - 1972, do sức quyết liệt với hai cuộc chiến tranh phá hoại điên cuồng của giặc Mỹ, bộ đội công binh đã cùng các lực lượng vũ trang, lực lượng giao thông vận tải và lực lượng nhân dân, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bằng không quân và hải quân, bảo vệ vững chắc miền Bắc, hoàn thành nhiệm vụ chi viện hết sức to lớn, nặng nề cho sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Trên địa bàn Quân khu III vào những năm kể trên, mặt trận bảo đảm cơ động chiến đấu, giao thông vận tải đã trở nên quyết liệt nhất, nóng bỏng nhất trên mọi phương diện. Vượt muôn ngàn khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ bộ đội công binh đã xứng đáng với vị trí của mình. Trong hơn một ngàn ngày đêm chiến đấu kiên cường đã bắc hàng vạn lượt mét cầu nổi, ghép hàng ngàn con phà, bảo đảm cho trên 20 vạn lượt xe pháo, tên lửa qua cầu phà vượt sông an toàn trong các chiến dịch cơ động

chiến đấu, bảo đảm huyết mạch giao thông vận tải. Hàng trăm công trình công sự, sở chỉ huy, đường chiến lược cũng được bộ đội công binh quân khu xây dựng bằng trí tuệ và tinh thần chiến đấu dũng cảm, sáng tạo của mình. Hàng chục vạn quả bom, đạn chờ nổ do đế quốc Mỹ ném xuống địa bàn cũng được tháo phá kịp thời, an toàn góp phần thông đường, thông bến, thông luồng nhằm thực hiện khẩu hiệu « Mở đường mở tiến, đánh địch mà đi » và « Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược ».

Bàn chân của các chiến sĩ công binh Quân khu III còn in dấu trên đường chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh toàn thắng, in đậm trên chiến trường tại hai nước Lào và Căm-pu-chia anh em. Ngày nay, công binh Quân khu III phát huy truyền thống vẻ vang của mình, lại tiếp tục cùng toàn dân và các lực lượng khác chấp nhận cuộc đọ sức mới với kẻ thù xâm lược phương Bắc, hoàn thành thắng lợi những tuyến hầm, đường cơ động trên 7 tỉnh biên giới và hoàn thành thắng lợi nhiều công trình hạng mục kinh tế có tầm cỡ quốc gia trên địa bàn quân khu và các địa phương khác trên đất nước bằng trọng trách và tinh cảm « Vì đời tựa thân yêu », « Vì sự nghiệp phòng thủ vững bền của Tổ quốc XHCN ».

Những chiến công anh liệt, hào hùng đó không chỉ được thể hiện bằng các chiến tích và cơ sở vật chất kỹ thuật của binh chủng, còn được các chiến sĩ công binh với tâm hồn sôi nổi, lạc quan cách mạng, yêu đời, yêu nghề đã ghi lại đậm nét nhiều sự kiện, nhiều suy nghĩ và rung động của mình trước cuộc sống chiến đấu vô cùng phong phú bằng nhiều thể loại và bút pháp văn học. Ngay từ khi những mét cầu đầu tiên các anh bắc cho lên lửa vượt sông đánh thắng trong trận cơ động

bắn rơi cả lớp máy bay Mỹ tại khu vực Cúc Phương (Ninh Bình) cũng là lúc phong trào sáng tác trong binh chủng được nhen lên và cứ thế, chiến công nối tiếp chiến công hàng trăm truyện, ký, ghi chép, hàng ngàn bài thơ do các chiến sĩ công binh viết ngay trên các nhịp cầu phao, bến phà lửa đạn, đã ra đời. Cảm động biết bao khi đọc những sáng tác tự biên của các chiến sĩ công binh, chúng ta thấy hiện lên ngồn ngộn những sự kiện, những hình ảnh chiến đấu kiên cường bất khuất đầy hy sinh gian khổ của người chiến sĩ công binh trong chống Mỹ, cứu nước, trong cuộc chiến đấu chống bọn bành trướng phương Bắc xâm lược, biểu hiện tinh thần chiến đấu « Quyết chiến quyết thắng » của quân dân ta và những tâm hồn cao đẹp của người chiến sĩ công binh. Trong các bài viết ta thấy thấm đượm cả mồ hôi và xương máu của anh em.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập binh chủng Công binh Việt Nam và nhân dịp Đoàn 513 công binh chủ lực của Quân khu III vừa được Hội đồng Nhà nước tặng danh hiệu cao quý « Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân », Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nam Ninh cùng với cơ quan chủ nhiệm công binh quân khu, chọn một số truyện, ký tiêu biểu giới thiệu với bạn đọc qua cuốn « Bến Cầu nổi sóng » để cán bộ và nhân dân, chiến sĩ ta hiểu thêm, hiểu một cách sâu sắc về người công binh yêu quý của chúng ta. Tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc tác phẩm quý giá này.

Hà Nam Ninh, ngày 22-12-1985

AN VIỆT ĐÀM

Phó giám đốc Sở VH TT, ủy viên
BCH Hội văn nghệ Hà Nam Ninh

DẤU ẤN ĐỒNG BẰNG

Truyện ký

Vào những ngày cuối thu bầu trời trong xanh, cao vợi vợi. Giữa lúc các chiến sĩ công binh đoàn N13 đang lao vào chiến dịch hạ dốc đường ở khu vực đèo Trê – vua Bà thì được lệnh hành quân cấp tốc lên biên giới phía Bắc. Mọi người vội vã thu dọn hiện trường, tạm biệt những công trình còn dang dở ở hậu phương để đến với những người đồng đội của họ ở tuyến một nóng bỏng.

Đại đội trưởng đại đội bảy, tiểu đoàn 23 Phạm Văn Trường, từ công trường chạy vội về căn nhà nơi ban chỉ huy đại đội ở. Ông bà chủ nhà khi nghe Trường báo tin đã đứng lặng đi hồi lâu rồi vừa nắm chặt lấy bàn tay của Trường vừa òa lên khóc. Tuy mới chỉ đến khu vực đèo Trê – vua Bà hơn một tháng nhưng các chiến sĩ đoàn N 13 đã để lại cho nhân dân địa phương những tình cảm sâu nặng. Riêng đối với ông bà chủ nhà, tình cảm đó còn mang đầy ân tình. Cách đây không lâu, vào giữa đêm, đứa con thứ năm của họ đột ngột lên cơn co giật rồi mất tại bệnh viện vì bệnh viêm màng não cấp tính. Trong những giờ phút đau đớn ấy, Trường

cùng các chiến sĩ trong đại đội đã đưa đưa trở từ bệnh viện về nhà và các anh lo đóng ván, chôn cất chu đáo như đối với một đứa em ruột thịt, cũng bắt đầu từ đó, mối tình giữa Quỳnh Nga, cô con gái lớn của ông chủ nhà với đại đội trưởng chớm nở. Năm ấy Nga tròn 18 tuổi, cô là giao viên mẫu giáo của xã. Quỳnh Nga đã khước từ rất nhiều chàng trai, những kỹ sư, giáo viên đề dền với Tường, người mà cô biết rằng sự sum họp chỉ được tình bằng giờ, phút.

Hôm ấy, khi Tường và các chiến sĩ khoác ba lô, đưa dụng cụ lên xe thì Quỳnh Nga còn đang ở lớp học. Cô không hề biết gì về sự ra đi của Tường và khi đoàn xe bắt đầu lên đường cô mới từ lớp học trở về nhà. Một tiếng gọi dội xuống từ thùng xe làm cô đứng sững lại. Khi nhận ra Tường, cô chỉ kịp đưa cả hai bàn tay lên vẫy. Lần đầu tiên, cô hiểu được đầy đủ cuộc sống của người lính và tình yêu thương trong cô đối với Tường càng được nhân lên nồng nàn và mãnh liệt.

Đoàn xe rời đồng bằng sông Hồng, rời vùng trung du trù mật đến với mảnh đất cuối cùng của Tổ quốc ở phía Bắc đang bị quân Trung Quốc lấn chiếm. Đỉnh cao nằm sừng sững giữa một vùng rừng núi hiểm trở sát đường biên, nơi đây đã diễn ra những trận đánh quyết liệt giữa các chiến sĩ bộ binh đoàn Y, với quân Trung Quốc xâm lược. Đỉnh cao bị cày xới nham nhở như vừa qua một trận bom B52 rải thảm. Những hố đạn lớn đất đá cháy xạm, đạn chồng chéo lên nhau, có hố sập lút đầu người. Hầu hết các công sự chiến đấu đều bị phá vỡ, các đường hào chẳng chịt trên đỉnh tựa đều bị sụt lở, vừa đánh trả những đợt xung phong ở ạt của địch, các chiến sĩ bộ binh vừa sửa sang lại hầm hào, công sự. Ban ngày cầm súng, đêm đến cầm cuốc,

xêng cũng cố công sự. Trước mắt họ, bên kia đường biên là trận địa pháo bắn thẳng của địch. Bốn bánh trưng mở một con đường lớn đã mở, tới sát chân cột mốc. Tiếng xe tăng địch thỉnh thoảng lại rú lên từng đợt, ngắt quãng. Sau lưng diêm cao X là thung lũng và thị trấn T trừ phú. Các chiến sĩ hiểu rõ sinh mệnh của thị trấn, của cả vùng rừng núi giàu đẹp này đã được gắn liền với đôi tay cầm súng của họ. Đã có những người đồng đội của họ hy sinh, thi hài được những người dân trong thung lũng đưa về mai táng bên bờ sông Kỳ Cùng. Nhiều lớp chiến sĩ đã trưởng thành, lớn lên và trở thành bất tử trên diêm cao ấy.

Cho đến bây giờ, những người chỉ huy trên diêm tựa vẫn thường kể cho các chiến sĩ mới nghe về tâm lòng của nhân dân trong thung lũng đối với đơn vị. Đó là những ngày tháng 4 nóng bỏng. Khi những đợt tấn công đầu tiên của quân Trung Quốc lên diêm cao X vừa bị đánh bật trở xuống thì hàng trăm người mẹ, người chị trong thị trấn đã tự động góp gạo, góp đậu thối xối, gói bánh suốt đêm và ngày hôm sau các mẹ, các chị đã mang quà bánh lên diêm cao. Bắt đầu từ đó, một phong trào đóng góp, chi viện cho diêm tựa đã diễn ra sôi động trong toàn huyện biên giới. Các chiến sĩ trên diêm tựa thường xuyên nhận được thư quà của các đoàn thể, các địa phương trong huyện. Những cuộc thăm nom, săn sóc giữa hai đợt pháo kích đã để lại cho các chiến sĩ trên diêm tựa một sức mạnh mới. Có những đoàn người ngày đêm chuyển bê tông lên tiếp lên xây dựng công sự. Ban ngày hầm của các chiến sĩ bị pháo địch bắn sập ban đêm người dân dưới thung lũng đã có mặt cùng các chiến sĩ bộ binh xây dựng lại. Có căn hầm được đào đắp hàng chục lần. Sự

chi viện không mệt mỏi, gần như vô tận của hậu phương vùng biên giới đã làm cho thế đứng của điền tựa X ngày càng vững chắc, và trở thành một pháo đài kiên cường.

Điền tựa X đối với Tưởng là bao nhiêu điều ngỡ ngàng, bao ngày anh và đồng đội háo hức mong đợi, hôm nay đơn vị anh được hành quân lên đây xây dựng cho vùng biên này một đường hầm xuyên lòng núi, tạo thành điền tựa che đơn vị bạn chặn giữ mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc. Tưởng thuộc lớp thế hệ lớn lên và trưởng thành trong hòa bình, bởi vậy, những tiếng nổ của đạn đại bác địch, những hố pháo chông chéo lên nhau trên điền tựa X phần nào đã làm cho anh bỡ ngỡ. Ngay buổi sáng đầu tiên, cả đại đội Tưởng đã xúc động đứng dẹp ra vệ đường để vĩnh biệt một chiến sĩ chưa hề quen biết, nằm trên một chiếc cang đang được các chiến sĩ từ điền tựa khênh xuống. Máu vẫn thấm qua lần vải liệm trắng. Lòng Tưởng nhói lên một nỗi đau xót. Anh ân hận nghĩ rằng, nếu như đơn vị công binh của các anh được lên điền tựa sớm hơn, biết đâu cái chết đường đột vì đạn đại bác địch đã không đến với anh chiến sĩ này.

Bắt đầu từ buổi sáng hôm ấy, một sức mạnh, một quyết tâm mới đã đến với các chiến sĩ trong đại đội. Họ khẩn trương lao vào chuẩn bị nhà ở, lên quan sát hiện trường, lập phương án thi công đường hầm và đã thành một thói quen, tranh thủ cuộc đất gieo một vạt rau cải trước lán ở.

Những cơn mưa rừng thu rả rích, kéo dài trên thung lũng, điền tựa X chìm trong màn mưa, mờ ảo. Ngày 20 tháng 9 Tưởng cùng các chiến sĩ trong đại đội bắt đầu

bước vào một cuộc chiến đấu thâm lặng mà họ đã nắm chắc phần thắng với một quyết tâm sắt đá « Kiên quyết đào lấp xong đường hầm trước thời hạn »

...

Ngon đèn đất chao qua chao lại, tỏa ánh sáng xanh lét trong đường hầm. Hơi đất đèn bốc lên nồng nặc, tức thở. Để bảo đảm tốc độ thi công, các chiến sĩ khi ngồi nghỉ, cũng nghỉ ngay trong đường hầm mà không ra ngoài cửa vì sợ thay đổi không khí dễ làm cho họ mất một thời gian để làm quen lại với ánh sáng trong hầm, với mùi đất đèn. Thoạt đầu, Tướng tổ chức đại đội làm một ca, đào từ hai phía cửa hầm. Sau ngày đầu, năng suất bình quân chỉ đạt 1,2 mét. Tướng tính, với năng suất như vậy, đại đội anh không thể nào hoàn thành vượt mức kế hoạch trước thời hạn nên đã chia làm 3 ca, đào suốt ngày đêm. Các chiến sĩ đổi thay ca giữa đêm được tổ chức nghỉ ngay tại lán giao ca hoặc nghỉ nhờ lán của khẩu đội 12 ly 7.

Đêm trên diêm tựa thật yên tĩnh. Bên ngoài chỉ có tiếng mưa rơi và tiếng chân các chiến sĩ đổi gác. Gió lạnh lùa vào trong hầm. Thỉnh thoảng mới có một loạt súng bắn vu vơ của địch từ các diêm cao đối diện và tiếng chó sủa hốt hoảng ở bên kia đường biên. Không ai biết rằng trong lòng diêm cao X một con đường hầm đang hình thành và đại đội công binh của Tướng vẫn thức với những ngọn đèn đất đã trở thành quen thuộc, với cuộc xẻng, cang tre... Đôi lúc, một mảnh đất đá trên nóc hầm lại bất ngờ đổ ụp xuống những khuôn mặt, những tấm lưng trần bóng nhẫy mồ hôi và đen nhẻm muội đèn. Một vài dòng máu ứa ra lạnh lẽ. Công việc tạm dừng giây lát rồi lại tiếp tục với một nhịp độ hết sức khẩn

trương. Mọi người đều hiền, mảnh đất họ đang sống, làm việc là tiền tuyến, là đêm tựa, là thể đứng của cả một vùng rừng núi rộng lớn của Tổ quốc.

Buổi trưa hôm qua, khi ngồi nghỉ ở lán của khẩu đội 12 ly 7, hồ trí ngay ngoài cửa hầm. Tướng đã lặng đi bàng hoàng trước bữa ăn qua kham khổ của các xạ thủ. Bảy người một chậu cơm nguội cứng và một đĩa nước muối. Điều khiến Tướng ngạc nhiên hơn là bữa ăn đã diễn ra vui vẻ và rất ngon miệng. Tuy cũng là những người lính, đảm đương những công việc riêng trong mọi hoàn cảnh khó khăn chung của đất nước, nhưng nỗi gian khổ, vất vả của các chiến sĩ công binh dưới đồng bằng không thấm thía vào đâu so với những gian khổ mà các chiến sĩ bộ binh đang gánh chịu trên các đêm tựa này. Dầu sao, ở đồng bằng, bữa ăn của đại đội Tướng có thể còn thiếu cá, thiếu thịt, nhưng rau xanh thì không bao giờ thiếu. Tướng không đủ can đảm để ngồi nhìn các chiến sĩ khẩu đội 12 ly 7 ăn hết bữa. Chiều hôm ấy, Tướng về bếp ăn của đại đội và toàn đơn vị đã phải phân trí san sẻ cho tiểu đội 12 ly 7 ba ki lô gam thịt lợn và năm ki lô gam rau xanh, số thực phẩm ấy trích ra từ khẩu phần ăn bồi dưỡng làm đêm của đơn vị. Một buổi lễ kết nghĩa đơn giản và cảm động được tổ chức ngay ở cửa hầm. Lán 12 ly 7 trở thành nơi giao ca, nghỉ ngơi của các chiến sĩ trong đại đội của Tướng.

Con đường mỗi ngày, một chui sâu vào lòng đất. Từ năng suất 1.2 mét các chiến sĩ trong đại đội đã nâng lên 1.5 mét, 2 mét rồi 2.5 mét bình quân mỗi đầu người. Tướng hầu như có mặt suốt ngày đêm trong đường hầm. Những lúc nghỉ, một thoáng nhớ đến Quỳnh Nga, đến đồng bằng, chỉ một thoáng thôi công

việc đã lại cuốn hút lấy anh. Phải tính toán làm sao để hai trung đội ở hai đầu đường hầm có thể gặp nhau giữa lòng đất không chệch hướng. Đây là một công việc khó. Dụng cụ của Tưởng không có gì khác ngoài một chiếc địa bàn. Đường hầm lại hơi uốn cong hình cánh cung. Bởi thế, Tưởng cùng với các nhân viên kỹ thuật xác định, tính toán từng mét. Đêm thứ ba, vào lúc Tưởng và mọi người đang ngồi nghỉ trong đường hầm thì có tiếng chân bước vội vã của một chiến sĩ bộ binh.

- Báo cáo đồng chí đại đội trưởng. Tiểu đoàn thông báo địch đang mò lên diềm tựa, đề nghị đại đội công binh triển khai lực lượng phối hợp chiến đấu.

Rất nhanh, Tưởng đứng phắt dậy. Các chiến sĩ của anh cũng đứng bật dậy theo, mỗi người nhanh chóng cầm lấy khẩu súng của mình bước ra ngoài cửa hầm. Mưa vẫn rơi lác đác. Diềm tựa tối đen. Tưởng ra lệnh cho các chiến sĩ về vị trí đã quy định sẵn theo hiệp đồng với đơn vị bạn, đại đội của Tưởng nhận nhiệm vụ bảo vệ sườn phía Nam diềm tựa, sẵn sàng chặn đánh những mũi vu hồi nham hiểm của địch.

Không gian lúc đó yên lặng. Bỗng một tiếng nổ dội lên ở sườn đồi bên kia. Tiếng nổ của một trái mìn bố phòng, lập tức, tiếng súng trung liên, đại liên, lục đạn cũng nổ theo dồn dập. Đạn ta nổ, đạn địch nổ tạo thành những chớp đỏ, những quầng sáng trên đỉnh đồi. Giá mình được lên trên đó nhỉ? « Cậu chiến sĩ liên lạc thì thảo bên tai Tưởng, giọng rục rục. Từ phía bên kia cột mốc, có tiếng xe tăng gầm lên ngắt quãng và tiếng đạn pháo trên xe tăng bắt đầu nổ « có thể sẽ xảy ra một trận đánh lớn trên diềm cao đêm nay » Tưởng thăm nhủ và anh bỏ sát tới từng trung đội.

động viên nhắc nhở anh em bình tĩnh, sẵn sàng chiến đấu. Minh lên chậm quá, giá đường hầm đã đào xong...
Tuồng nói với trung đội trưởng Hữu.

Thời gian nặng nề trôi qua. Mười phút sau, tiếng súng trên diêm tựa im bật. Tất cả lại chìm vào yên lặng như không có gì xảy ra. Tiếng gầm rít của xe tăng cũng câm bật và anh chiến sĩ bộ binh lại từ sở chỉ huy tiêu đoàn đi xuống, lần này là những bước chân thong thả, mệt mỏi:

– Báo cáo đại đội trưởng, địch đã rút. Tiêu đoàn nhận định tốp địch vừa rời chỉ là bọn thám báo, đề nghị anh cho bộ đội trở lại làm việc.

Tuồng đứng dậy trong lòng hào. Các chiến sĩ lại trở về căn hầm đang đào dở, dựa súng vào vách hầm, chia nhau với các chiến sĩ 12 ly 7 một miếng thuốc Lào rồi họ lại cầm lấy cuốc, xẻng.

Một ngày đêm trôi qua trên diêm tựa là một thử thách mới đối với đại đội công binh của Tuồng. Các chiến sĩ của anh đều hiểu rằng họ không thể nào chia xẻ hết được nỗi vất vả, sự hy sinh lớn lao của các chiến sĩ bộ binh trên diêm tựa này và họ chỉ biết lao vào công việc. Đó là cuộc chiến đấu của họ. Cả đơn vị đang dốc sức đào một con đường hầm vững chắc, vừa là nơi cất giấu lực lượng, vật chất, vừa là nơi xuất kích sẽ là một món quà quý giá của những người lính của quân khu đồng bằng sẽ tặng những người đồng đội trên diêm tựa này.

Ngày hai trung đội công binh từ hai đầu núi đào hầm gặp nhau giữa lòng đất là một ngày vui hiếm có của đại đội này. Khi những tiếng cuốc thậm thịch trong lòng đất xích lại gần nhau và một lỗ nhỏ vừa được phá

ra nổi thông hai đường hầm, tiếng gọi, tiếng cười, tiếng hò hét không ghim được đã vang lên. Rồi nắng tường đất cuối cùng đổ ụp xuống. Những người lính công binh, sau bốn ngày đêm làm việc cật lực, không mệt mỏi đã lao vào ôm chầm lấy nhau, một cậu nào đó cao hứng hét vang lên «Hoan hô đại đội trưởng, hoan hô kỹ sư Long, hoan hô anh em ta, không chệch hướng một ly nào nhé». Tường cảm động như muốn ứa nước mắt. Anh cứ đứng ngáy ra giữa đường hầm cho đến lúc có người nào đó nhắc đến Quỳnh Nga, đến đèo Trê—vua Bà.

— Đề nghị các đồng chí trật tự. Tường xách chiếc máy ghi âm đi lại phía cây đèn đất. Mừng thông đường hầm trước thời hạn, trung đoàn gửi cho chúng ta một cuộn băng ghi âm. Tôi xin tuyên bố; nghỉ mười lăm phút!

— Mọi người ồn ào thu dọn cuốc xẻng, dựa lưng vào vách hầm chờ đợi. Tường bấm máy, sau tiếng sồn sột của băng từ một giọng nói trong trẻo vang lên :

«Kính thưa chú Oánh trung đoàn trưởng, kính thưa các đồng chí cán bộ, chiến sĩ trung đoàn N13 đang làm nhiệm vụ chi viện cho tuyến một... em là Quỳnh Nga, giáo viên mẫu giáo xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh, xin gửi tặng các anh bài hát «Làng quan họ quê tôi»...

Ngập ngừng vài giây, lời ca bất ngờ vang lên, duyên dáng một dải dòng băng trù phú và con sông Cầu uyển chuyển chọt hiện ra lung linh trong đường hầm. Mọi người đều cảm thấy xao xuyến, nỗi xao xuyến pha lẫn niềm tự hào khi họ ý thức được rằng: sự ra đi của mình, nỗi gian khổ của mình chính là để giữ cho những cánh đồng, những dòng sông mãi mãi sáng đẹp như lời ca mà Quỳnh Nga đang hát...

Sau đêm vui ngắn ngủi ấy, đại đội bảy bước ngay vào giai đoạn lắp ghép đường hầm. Thời gian này, một con đường ô tô đã được mở từ chân đồi tới lưng chừng diềm tựa, nhưng do trời mưa, đường sạt lở, ô tô chỉ chuyên bê tông được một phần ba đoạn đường. Hai phần ba đường còn lại phải dựa hoàn toàn vào sức đàn và đôi vai của các chiến sĩ đại đội bảy.

Những người dân tham gia chuyên bê tông lên diềm tựa cứ ba người thay nhau khiêng một thanh, nhưng các chiến sĩ đại đội bảy chỉ hai người. Có anh một mình vác cả thanh nặng 75 kg vượt dốc lên diềm tựa như tiêu đội trưởng Nguyễn Đình Thụy. Trong việc đào đường hầm cũng như việc chuyên bê tông, tiêu đội của Nguyễn Đình Thụy luôn luôn là tiêu đội dẫn đầu.

Đường lên diềm tựa X cao và dốc, trời lại đổ mưa không dứt, xen lẫn trong đội hình vận chuyên bê tông của các chiến sĩ công binh là từng lớp các cô gái Tây, Nàng, thỉnh thoảng một quả đạn cối của địch lại rít lên trên đầu đoàn người nỗ vu vơ ở cánh rừng dưới chân đồi, nhưng không hề làm cho tốc độ vận chuyên chậm lại. Người lên, lên rất nhanh, người xuống, xuống cũng rất khẩn trương. Đến bãi đổ bê tông, xếp vào bốc ngay lên vai không hề nghỉ. Nước mưa thấm qua quần áo, thấm vào bờ vai trầy da buốt rát. Vất vả nặng nhọc, thở không ra hơi nhưng vẫn không ngăn được những câu bông đùa tinh nghịch của các cô gái dân công, của các chiến sĩ. Trưởng hồng nhiên ao ước nếu Quỳnh Nga của anh được là một trong những cô gái trẻ ấy...

Hiếm có chiến dịch nào, các chiến sĩ công binh đoàn N13 lại làm việc với tất cả sức lực của mình như vậy. Họ không muốn trường hợp hy sinh của người chiến sĩ

không quen biết hôm đầu tiên mới đến lập lại vì sự chậm trễ của họ. Họ làm việc quên mình còn vì những người dân trong thung lũng và xa hơn nữa, vì sự yên tĩnh của đồng bằng mà, cô giáo Quỳnh Nga và đội văn nghệ nghiệp dư xã Hoàng Hoa Thám đã nói thay tấm lòng của họ.

Hơn 70 tấn bê tông đã được vận chuyển bằng đôi vai dưới trời mưa rớt làm đường hầm. Trung đội trưởng Nguyễn Văn Hữu đã làm việc cho đến lúc ngấm lạnh, ngất đi trên bãi bê tông, nhưng ngày hôm sau, Hữu đã lại có mặt ở hiện trường, anh thấm thía hiểu rằng: công việc của người chiến sĩ công binh cũng đòi hỏi sự hy sinh gay gắt không thua kém hơn so với sự hy sinh quên mình của các binh chủng khác.

Ngày các chiến sĩ công binh đại đội bảy bàn giao đường hầm cho các chiến sĩ bộ binh và bàn giao cả vạt rau vườn họ đã gieo trước lúc. Khi gieo những hạt giống rau xuống vạt đất vừa khai phá, họ không nghĩ mình sẽ ở lại diêm trại cho tới khi kịp thu hoạch vạt rau ấy mà chỉ biết chắc rằng: những bữa cơm có rau xanh sẽ là mọi món quà tuy nhỏ nhưng hết sức quý giá đối với những người đồng đội của họ trên diêm trại.

Buổi chiều cuối cùng ở biên giới, đại đội bảy chuẩn bị trở lại đồng bằng thì Trưởng nhận được mệnh lệnh mới: gấp rút lên đường đi xây dựng các đường hầm khác ở Hà Tuyên.

Rừng biên thủy chấp chờn trong sương chiều xa xa tiếng mõ trâu về bản, những làn khói lam nhẹ nhẹ bay trên nóc nhà sàn ẩm cúng, thấp thoáng ở cửa đơn sơ ấy

một ánh lửa nhà bà con Ho-mông nào đó vào bữa cơm lam. Vào giờ ấy, những chiến sĩ C7 xốc ba lô và khẩu AK, cái cốc chim, cái xà beng gọn gàng trên những đôi vai dày dạn gió sương và khói lửa. Họ xuống núi, từ già điếm tựa X để hành quân về hướng Hà Tuyên. Các sĩ chiến công binh C7 ra đi, họ để lại bao nhớ thương, bao chiến công trong đường hầm xuyên suốt lòng điếm cao X.

Tướng nắm tay một sĩ quan bộ binh trên chốt, anh ghéng ngào đứng bên tấm biển gỗ do đơn vị C7 của anh mới cắm trước cửa hầm. Trên tấm biển ghi đậm những dòng chữ:

« Công trình chi viện biên giới

Khởi công ngày 25-9

Hoàn thành 20-10

Đơn vị thi công: C7--D23--N13

quân khu X »

Tấm biển đơn sơ ấy trải bao mùa mưa nắng biến thù, bao phen bão đạn, khắc sâu trong lòng người dân và chiến sĩ vùng biên, một kỷ ức về đoàn công binh Đồng bằng.

N.T.H

BẾN CẦU NỒI SÓNG

Truyện ngắn

TRỞ VỀ BẾN CŨ :

Đại đội tôi lại được trở về bảo đảm giao thông ở đoạn đường quen thuộc và bến sông chia lỵ này. Đối với tôi, đây cũng là niềm vui thích, nhưng cũng là một mối lo lắng. Vui thích vì được trở lại cái nơi tôi đã cống hiến hết sức mình để xây dựng nên chiếc cầu này, nó là tác phẩm kỹ thuật đầu tay của tôi, người thiết kế cầu. Còn gì vui hơn khi được trở lại ngắm cái công trình do chính bàn tay mình vẽ ra và trực tiếp xây dựng nó, nhưng cũng lo lắng, liệu nhịp cầu còn được nguyên vẹn không, đã bị bom đạn giặc bắn hư hỏng, liệu tôi có sửa chữa và giữ gìn cho nó được mãi mãi vững đẹp không? Mỗi khi nghe tin máy bay giặc Mỹ đến bắn phá chiếc cầu này, tôi thấy như nghẹn nơi cổ họng. Và mỗi khi nghĩ đến việc mình phải tự tay phá nó đi để làm lại một chiếc cầu khác, thì tôi lại rùng mình, bởi lẽ không những nó chỉ là chiếc cầu đầu tay mà còn là chiếc cầu duy nhất của tôi, trước khi vào bộ đội. Và đó cũng là điều may mắn cho tôi, sau khi tốt nghiệp đại học ít lâu, tôi được về công tác ở vùng rừng núi thuộc tỉnh miền Trung này.

nơi ít người muốn đến công tác ở cái đất «khỉ ho cò gáy» này. Đất rừng hoang vu ấy, cán bộ kỹ thuật trai trẻ như tôi đã được trọng dụng. Cho nên chẳng bao lâu, chỉ vài năm sau, tôi đã cho ra đời được tác phẩm đầu tay này. Nhiều bạn bè cùng lớp đã ghen tỵ với tôi. Chúng nó, có đũa hàng chục năm trời cũng chưa làm nên nổi trò trống gì, nhiều cậu cho đến trước khi đi bộ đội cũng vẫn chỉ là thân giúp việc, kỹ sư phụ tá hoặc chỉ là kỹ sư sửa chữa ô gà công rãnh... mà thôi.

Chúng tôi vào bộ đội, chiến tranh nhưng không mấy người được trực tiếp cầm súng chiến đấu ở các đơn vị bộ binh phía trước. Nghề nghiệp cũ đã đưa chúng tôi trở về với những chiếc cầu, những đoạn đường cũ và mới. Tôi lại được làm quen với nhip cầu quân sự thật là giản đơn, nhưng cũng thật là phức tạp và ác liệt. Cái phức tạp ở đây không phải là ngồi tính toán, như thiết kế cầu bê tông vĩnh cửu trước đây, phải giải quyết hàng loạt những bài toán, những phương trình học búa về móng, về kết cấu, và thi công v.v... tất cả những cái đó đã được người ta giải quyết rất khoa học và đã chế tạo sẵn thành những bộ cần «chế thức» tiên tiến. Cái phức tạp là ở chỗ làm sao bảo đảm thời gian, bảo đảm tốc độ, hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống khó khăn phức tạp về địa hình, thời tiết và bom đạn gạc mà vẫn bảo đảm được an toàn cao nhất, để đưa xe, pháo ra chiến trường được nhanh và nhiều...

Trường đại học thứ hai của tôi. Tôi vẫn thường gọi cuộc đời bộ đội của tôi như vậy - quả là một trường rèn luyện tổng hợp cho con người, không những về ý chí, về bản lĩnh mà còn nâng cao về khả năng kỹ thuật phù hợp với những thực tế khắt nghiệt mà chưa thấy có trong giáo trình giảng dạy ở đại học nào.

Với lòng căm thù giặc Mỹ xâm lược, với nhiệt tình của tuổi trẻ và với bản lĩnh kỹ thuật sẵn có, tôi đã hăng say lao vào tất cả, không từ một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp nào. Từ một chiến sĩ công binh cầm búa, cầm chèo, khiêng dầm, vác ván, đào hào, đắp ụ, đánh mìn phá bom, tôi đã được đi nhiều chiến trường và đã trưởng thành. Đại đội của tôi, do tôi làm đại đội trưởng hiện nay, vốn là một đại đội có truyền thống chiến đấu giỏi. Tôi đã tự hào về nó và cũng không đến nỗi xấu hổ với nó. Truyền thống của đại đội đã rèn luyện và nâng bước tôi trưởng thành, và chính tôi cũng đã góp phần xương máu của mình vào truyền thống đó.

Đại đội chúng tôi đang bảo đảm giao thông ở một đoạn đường phía trong, cách đây hơn 100 ki-lô-mét, bỗng được lệnh quay ra bảo đảm giao thông ở đoạn cầu chia ly này. Khi giao nhiệm vụ, đồng chí binh trạm trưởng có giải thích cho tôi biết « Đây là một trọng điểm bị địch đánh phá nhiều, nên phải đưa một đại đội mạnh ra chốt ». Binh trạm cũng biết tôi là « tác giả » của chiếc cầu này, đã quen thuộc địa hình và nắm chắc kỹ thuật, nên đưa tôi ra đây, binh trạm hy vọng sẽ bảo đảm được thông suốt liên tục. Cuối cùng đồng chí Binh trạm trưởng còn bắt tay thân mật và dặn dò tôi thêm :

— Phải có những hành động chiến đấu và xử lý kỹ thuật thật vững chắc và táo bạo mới có thể đánh thắng được bọn giặc Mỹ ở đây. Minh tin ở cậu.

— Vâng, xin thú trưởng cứ yên tâm. Nó là « đứa con đầu lòng » của tôi đấy. Tôi xin kiên quyết bảo vệ nó đến cùng!

SUỐI CHIA LY:

Không hiểu ai đã đặt ra cái tên suối chia ly này và được gọi từ bao giờ? Mà mới nghe người ta đã có một

cảm giác bâng khuâng như có một sự tan vỡ, biệt ly nào đó. Cái tên ấy cũng hấp dẫn tôi trong những ngày đầu khảo sát, thiết kế và xây dựng nhịp cầu chia ly này.

Đó là những năm hòa bình cuối cùng, trước khi bọn giặc Mỹ gây chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta. Chúng tôi về đây khảo sát tuyến đường mới, đi qua một con suối, một con suối khá sâu và nước xanh đen dễ sợ; phía thượng lưu chảy lên vào giữa những khe núi đá vách đứng rất cao, phía hạ lưu trải rộng ra như một con sông nhỏ giữa hai sườn đồi thấp và thoải. Bồng nhiên giữa sông nổi lên một hòn núi đá không lớn lắm, chia đôi dòng thành hai ngã suối chảy xuống những ghềnh thác có độ chênh lớn, tạo nên những tiếng róc của nước đổ; hai dòng suối chảy về hai ngã: một Bắc, một Nam — rồi nhập vào những lưu vực sông đồng bằng, không bao giờ gặp nhau.

Đó là con suối mà tìm trên bản đồ nhiều bạn không thấy tên, chỉ đến khi đến đây, ở những làng bản xung quanh này, nghe bà con đều gọi như thế. Một cụ già kể lại với tôi rằng: ngày xưa có một đôi trai gái yêu nhau, nhưng không lấy được nhau. Đó là con gái một hào trưởng giàu có và một chàng nô lệ nghèo khổ. Họ liền trốn lên rừng ăn ở với nhau, hào trưởng cho người đi lùng sục, tìm bắt về. Họ phải đóng một cái nằng để nhờ dòng nước đưa họ trốn đi xuống vùng xuôi. Nhưng không ngờ họ gặp phải một con lũ chảy xiết, con nằng của họ đâm vào một hòn đá bị vỡ đôi, mỗi người mỗi ngã, rồi lao xuống ghềnh thác bị dòng nước cuốn đi. Dòng nước xoáy đã cướp họ đi. Từ câu chuyện tình ấy, dân bản gọi suối ấy là suối chia ly. Ở đây, ghềnh thác luôn luôn khốc thương họ, tiếng nước chảy như rền rĩ suốt ngày đêm, cũng như nước mắt dân

làng thương xót họ chảy về hai dòng suối không bao giờ cạn. Mùa nước cũng như mùa khô, suối này không bao giờ cạn. Trước đây khi thiết kế cầu qua suối chia ly chúng tôi đã không tính toán làm ngầm đi trong mùa cạn được, như nhiều đoạn suối khác ở vùng này, mà vẫn phải bắc cầu.

Có những người dân khác nói về con suối kỳ lạ đó nước rất độc, chảy qua một rừng lim bạt ngàn từ trên nguồn xuống, nên nước xanh đen nhia mà rợn người, mùa khô lội xuống có thể rụng chân lông, đi rừng trời nóng đang khát nước mà uống vào dễ bị đau bụng mà chết, hoặc về nhà cũng bị ốm mà từ già nơi rừng thiêng nước độc. Họ còn kể nhiều về chuyện huyền bí, về con suối chia ly này nữa: người phượng xa đến con suối kỳ lạ này, nếu không cúng ma thì sẽ bị nước độc chết, hoặc bị thác nước cuốn đi, hay đá lở xuống vỡ đầu mà chết. Ở ngay hốc đá trên bờ suối, người ta đặt mấy bát hương đèn cúng ma, ai qua đây cũng thắp hương khấn vái rồi mới lên rừng hoặc lội qua. Bọn thầy-mo, thầy cúng cũng theo dật, bịa đặt thêm thắt những chuyện ly kỳ, ma mãnh để kiếm ăn ở quanh vùng này.

Đạo đó, công ty cầu đường chúng tôi đã phải giải quyết nhiều vụ rắc rối trong cuộc vận động nhân dân ở đây để phá bỏ những «miếu ma cô», «đền ông mãnh»... giải thích để bác bỏ những chuyện hoang đường xung quanh việc mở tuyến đường, làm mặt bằng và xây dựng chiếc cầu chia ly này.

Tôi nhớ lại những ngày khảo sát và thiết kế cầu. Thật là phấn khởi và hào hứng. Lần đầu tiên tôi được làm chủ đề tài thiết kế cầu này. Cũng có nhiều phương án được đề ra, như phương án làm cầu vòm, phương án làm cầu xây đá, rồi kiểu dầm mút thừa... Đó là ý

kiến của mấy kỹ sư trên lĩnh, trên Bộ, nghe qua tình hình tôi báo cáo trên những tài liệu khảo sát và sơ đồ mặt bằng - rồi nêu ý kiến. Nhưng rồi cuối cùng cũng chẳng ai quyết định cả vì họ sợ nếu giữ ý kiến đó, họ phải trực tiếp đi thiết kế hoặc thi công chiếc cầu theo phương án của họ. Mà ở cái đất «khỉ ho cò gáy», «ma thiêng nước độc» này dù phải đi công tác một vài ngày, họ cũng không muốn, huống chi là phải ở lại hàng năm trời để xây dựng cầu. Cuối cùng chỉ còn phương án của tôi là tồn tại: đó là phương án kiến cầu dầm đơn giản, mà tôi cho là phù hợp với sức vóc của mình. Tôi cũng đã phải tính toán nhiều để lựa chọn cho mình một phương án kỹ thuật tối ưu. Nói cho cùng, tôi cũng thích, ma địa hình, địa chất ở đây cũng chớ phép làm cầu vòm rất phù hợp. Cầu vòm là loại cầu có dáng đẹp, hơn nữa là một kiểu cách riêng trong ngành cầu đường bộ của ta. Nhưng tôi thấy quá nhiều khó khăn, việc tính toán khá phức tạp, riêng tôi tính một mình không xuể, mà tôi lại không muốn nhờ vả người khác trong lúc này. Đã vậy, giai đoạn thi công chúng tôi lại chưa ai làm bao giờ, chưa hề có một chút kinh nghiệm nào về cầu vòm cả, nếu được thì là công lao của tập thể, mà nhờ không xong thì mình tội «được ăn cơm tù». Những bậc đàn anh đi trước đã từng khuyên tôi như vậy.

Cuối cùng phương án của tôi được Bộ duyệt, vì thực ra cũng chẳng còn phương án nào khác, ở đây mới có một mình tôi là kỹ sư, còn toàn là anh chị em trung cấp cả. Tôi và một vài đồng chí nữa trong tổ thiết kế chỉ việc sao chép một kiểu cầu định hình của Bộ giao thông ra, thêm bớt ít nhiều về trang trí hành lang và lan can cho nó mang tính chất độc đáo của riêng mình mà thôi. Tôi cũng tự an ủi mình: «Bất chước người ta

mà làm được cũng đã là giỏi rồi, tôi sẽ dành sự sáng tạo của mình vào những công trình sau.

Khi tính toán phải trụ mố cầu, một số anh em trung cấp kỹ thuật đề nghị gả bỏ khối lượng vật tư cho tiết kiệm, nhưng tôi gạt đi:

— Các cậu thông cảm, công trình đầu tiên của chúng ta phải thật chắc chắn, thật an toàn. Cốt sao hệ số an toàn thật cao là yên tâm rồi.

Và dĩ nhiên hệ số $K = 2$ của tôi được sử dụng trong mọi tính toán, có chỗ quan trọng tôi còn nâng lên cho $K = 3$ nữa. Tôi nhớ thêm: « Các thầy ở cấp trên có ai xuống đây đâu mà biết địa hình, địa chất cụ thể ra sao? Minh tính sao thì duyệt vậy thôi, chứ ai dám mò đến nơi mà thiếng nước độc này mà kiểm tra cụ thể được ». -

Đúng như tôi nghĩ, khi đưa thiết kế lên trên duyệt, cũng có một vài người bảo tôi:

— Chết chưa, cậu tính toán thế nào mà lại dặt gập đôi tiêu chuẩn Nhà nước thế này?

Tôi lại dùng bài gỡ bẫy đồ địa hình, địa chất ra, báo cáo một vài số liệu, một vài yếu tố nguy hiểm và quan trọng và « đặc biệt » ở đây ra... rồi mọi việc đều trôi lọt.

Đến giai đoạn thi công, tôi lại được bổ sung vào ban chỉ huy đội cầu, với cương vị đội phó kỹ thuật, lại tạo điều kiện cho tôi thực hiện được phương án thiết kế của mình. Khỏi phải nói, đây là những ngày tháng sôi nổi của đời tôi. Ngay đêm tôi lao vào công việc, say sưa và bền bỉ, hầu như lúc nào tôi cũng có mặt trên khắp công trường: xương cốt thép, xương ván khuôn, công trường khai thác đá... tôi luôn có mặt kiểm tra sâu sát

từng công việc cụ thể. Tôi không muốn công trình đầu tiên của tôi lại có những sai lầm, những hư hỏng lớn trong quá trình thi công.

Bằng sự nỗ lực của mình và sự nỗ lực của tập thể đội cầu và có cả phần giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương, điều mong mỏi của tôi đã được thực hiện, sau gần hai năm lao động gian khổ, chiếc cầu bê tông cốt thép của chúng tôi đã hoàn thành. Cầu dài dưới 100 mét, chỉ xếp vào loại cầu cỡ nhỏ. Nó chưa đẹp lắm, bước đầu thi công cũng còn nhiều bỡ ngỡ. Nhưng dầu sao nó là cái cầu đầu tiên trong đời tôi chủ trì thiết kế và thi công, so với kế hoạch chúng tôi cũng đã vượt được gần ba tháng trời. Một tương lai hứa hẹn đang chờ trước mắt tôi, từ nhịp cầu này tôi sẽ đi những bước vững chắc. Tôi vui mừng phấn khởi thực sự.

Trong buổi khánh thành cầu, chính tay tôi đã đốt một dây pháo dài vắt qua gần suốt thành cầu. Máy ai đã hiểu được hạnh phúc của người đốt pháo như tôi.

HẠNH PHÚC:

Sau chiến công cầu chia ly đó, tôi được khen thưởng, được kết nạp vào Đảng và được nâng bậc lương. Hạnh phúc của tôi đã đến với tôi đẹp như thế đấy.

Đạo đó, vào giữa mùa thi công cầu, đội chúng tôi được bổ sung thêm một số cán bộ trung cấp kỹ thuật mới ra trường. Trong số đó có một cô gái có một cái tên rất cứng như tên coa trái, làm tôi phải để ý, đó là Hoàng Anh Thục. Thục là cô gái đẹp nhất trong đám mới về. Nói đúng hơn, là hoa khôi của công trường chúng tôi lúc bấy giờ. Đó là một cô gái Hà Nội, vừa rời ghế nhà trường và lần đầu tiên phải tiếp xúc với

một vùng rừng núi âm u, hiu quạnh như thế này, Thục lúc nào cũng như muốn khóc. Và một hôm tôi đã bắt gặp cô ta ngồi bên bờ suối khóc một mình. Khóc thành tiếng như trẻ con. Đến nỗi tôi đi vòng lại phía sau cô ta mà cô ta không biết. Không hiểu tại sao lúc đó tôi cũng khẽ ngồi xuống cách đó vài mét, ngắm nhìn cô ta khóc. Một cái khóc rất hồn nhiên và... rất đẹp. Tôi thăm nghĩ như vậy, và cứ dề yên nhìn cô ta khóc. Mãi đến khi, chừng như nổi nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ Hà Nội đã nguội, thôi không khóc thành tiếng nữa, chỉ còn lại cơn mắt đỏ hoe và đôi hàng mi ướt, nước mắt vẫn còn chảy ròng xuống má, tôi mới khẽ đứng dậy làm cô ta giật thót mình quay lại, rồi há hốc mồm nhìn thấy tôi đã ngồi yên ở đây từ lúc nao. Thục ngượng ngùng cúi xuống, má bừng đỏ.

— Sao không khóc nữa đi Thục? Khóc đi cho hết nỗi nhớ nhung! — Tôi hỏi nhỏ ra vẻ của một người anh.

Như được người thông cảm và an ủi mình, Thục liền giải bày tâm trạng của mình một cách thật thật, rất ngây thơ:

— Em nhớ nhà, nhớ mẹ quá... anh Hải ơi!

— Không, em còn nhớ Hà Nội nữa, nhớ ánh đèn nê-ông, nhớ đường phố, nhớ công việc... nữa chứ?

Thục nghe tôi nói, chỉ gật đầu không hề từ chối.

Từ đó, ngoài trách nhiệm diu dắt Thục và các bạn của Thục về kỹ thuật, tôi cũng tự xác định trách nhiệm giúp đỡ họ về tinh thần tư tưởng, xác định thái độ phục vụ, chịu đựng gian khổ trên miền rừng núi, hòa mình vào cuộc sống lao động chung với toàn công trường. Đặc biệt là đối với Thục, tôi thấy cần phải được săn sóc, giúp đỡ nhiều hơn. Trong công tác, cô ta thông minh, tiếp thu nhanh và có năng lực hơn các

bạn: chẳng bao lâu Thục nhanh chóng hòa mình với hoàn cảnh mới. Một thời gian sau tôi cũng đã tiếp nhận được những tín hiệu của tình yêu từ nơi Thục truyền sang tôi.

Trong giai đoạn thi công cuối cùng đầy khó khăn phức tạp ở công trường, Thục là người tăng thêm sức mạnh cho tôi, không những vì Thục đã gánh vác cho tôi một phần công việc, mà cái chính có Thục bên cạnh, tôi cảm thấy lúc nào cũng phấn khởi, yêu đời. Một nhọc, vất vả là vậy, nhưng mỗi lúc cảm đến cây đàn ghi-ta cùng các bạn trong đó có Thục, hát vang những bài yêu thích, thì mọi mệt nhọc như tiêu tan. Đối với Thục tôi nhận thấy năng đã chịu đựng được cuộc sống ở đây và hòa mình vào lao động với bao sôi nổi, hăng hái, có lẽ vì có tôi ở đây. Tôi bỗng nhớ đến một câu ngạn ngữ: « Tình yêu là sức mạnh » trong hoàn cảnh chúng tôi, có sức mạnh nào hơn sức mạnh của hai chúng tôi.

Cũng có lúc hai chúng tôi nảy ra những bất đồng trong công tác và kỹ thuật, đôi khi Thục cũng góp ý kiến với tôi, ví như: « Việc gì phải kiểm tra cốt thép kỹ cho mất thời gian ? » « Làm gì phải bắt cán bộ kỹ thuật ngồi phơi nắng suốt ngày để kiểm tra sàng cát ? » v.v.. hoặc những ý kiến tương tự, để giảm bớt mệt nhọc cho cán bộ kỹ thuật giám sát thi công, hoặc chưa hiểu hết những nguyên nhân khắt khe trong kỹ thuật, nhưng lần nữa vậy thì bao giờ Thục cũng phải công nhận cái đúng về phía tôi.

Về mặt sinh hoạt, đôi khi tôi cũng góp ý với Thục, đại loại như: « Ra hiện trường mà em ăn mặc chau chuốt và kiểu cách quá, e anh chị em khó gần », hay « Ở công trường không nên dùng nước hoa », hay

« Không nên bảo mẹ gửi quà bánh từ Hà Nội vào luôn
Tổn kém và phiền phức » v.v... toàn là chuyện xung
quanh việc ăn thên của Thục. Nhưng tôi lại bị Thục hỏi
vấn luôn « Thế anh không muốn cho em ăn mặc chải
chuốt, đẹp đẽ, sạch sẽ à ? » « Em không muốn để anh
xấu hổ vì em đây chứ ! » hoặc là : « Miễn là em không để
ảnh hưởng tới công tác là được chứ gì ? ».

Quả thật như vậy, Thục ít khi mặc quần áo lao động.
Tuy ra hiện trường năng vẫn diện thật, nhưng mỗi khi
cần thiết, Thục sẵn sàng xắn quần xa tanh, lội vào đầm
bê-tông để kiểm tra đầm đê, hoặc sẵn sàng ghé vai đỡ
đòn khương làm bần tẩm áo trắng là cứng nếp của
mình. Những lúc ấy, thế nào Thục cũng được tôi khen
một câu : « Dững cảm ghê ! ». Nhưng tôi cứ cảm thấy
điều bộ của nàng nó thế nào ấy. Và những lần bàn với
Thục về chuyện này, thì ngược lại, bao giờ tôi cũng
phải nhượng bộ và im lặng. Tôi nghĩ rằng : chẳng qua
Thục chưa quen rèn luyện nên mới như vậy. Rồi đây,
trải qua năm tháng, công trường sẽ làm thay đổi được
tính tình ấy, con người sẽ được cải tạo theo thời gian.
Cái chính là nàng không để ảnh hưởng tới công tác là
được rồi. Ở cái lứa tuổi đó, giận hờn trong tình yêu chỉ
là cái vụn vặt, và cũng dễ tha thứ cho nhau.

Và cùng với niềm vui kết thúc công trường, hạnh
phúc đã đến với chúng tôi. Đám cưới của chúng tôi
được đơn vị tổ chức ngay tại công trường, vui vẻ và
liệt sự tưởng chừng không kém gì ở Hà Nội, với đầy
đủ các tiện nghi mà anh em, bạn bè và gia đình đã
chuẩn bị đưa từ Hà Nội vào, cũng du hoa lay-on trắng,
com-lê, áo dài điện, màu sắc sỡ lập lòe, nhạc nhảy và
bánh kẹo, chè thuốc toàn loại hảo hạng nhãn hiệu thú

đồ v.v... lại đượm thêm về núi rừng, bà con dân bản đến chúc mừng chúng tôi với những sản phẩm địa phương và những bài dân ca vùng cao.

Đó là những ngày vui sướng nhất đời tôi. Hạnh phúc được trọn vẹn ở công trường chia ly này.

Sau khi kết thúc công trường, chúng tôi lại chuẩn bị tiếp những công trình mới.

Nhưng rồi chiến tranh nổ ra, tôi phải lên đường nhập ngũ, sau đó ít lâu.

XE VẬN QUA CẦU:

Hôm đầu tiên quay trở lại bến sông này, tôi đã lặng người đi, khi nhìn thấy chiếc cầu bị lỗ chỗ về bom đạn, một nhịp cầu bị sập, gục xuống sông, một nhịp khác bị vỡ hẳn một mảng lớn, những cốt sắt lòi ra uẩn lại, nhìn mà xót xa. Ở chỗ nhịp cầu gãy, nước dâng lên, tung bọt trắng xóa, chảy réo rắt như những tiếng khóc thương tiếc nhịp cầu.

Ai đã từng có một đứa con duy nhất mà lại đang bị què quặt, ốm yếu, nằm trên giường bệnh mới thấu hiểu tâm trạng tôi lúc này. Những kỷ niệm xưa trôi dạt trong tôi, biết bao nhiêu mồ hôi công sức của tôi, của đồng đội tôi, mới có được chiếc cầu này. Vậy mà giờ đây nó đã bị thương. Bọn giặc Mỹ đã man đã trút xuống đây hàng trăm tấn bom đạn để phá hoại nhịp cầu vô tội này à? Tôi phải làm gì đây để cứu lại nó - công trình đầu tiên trong cuộc đời kỹ thuật của tôi.

Tôi sẽ phải khôi phục lại nó, trả cho nó cái chức năng của một chiếc cầu, và phải trả lại cho nó cả những hình dáng hài hòa từ ban đầu và để cho nó đi vào nhiệm vụ tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của nó, mãi mãi là dấu ấn của thời đại ở chốn này, có thể là 10

năm, 20 năm sau vẫn có những đoàn xe rầm rập qua lại đây. Tôi sẽ dùng mọi biện pháp kỹ thuật, và bằng mọi giá, sẽ khôi phục lại nó, bằng cách chắp vá, hàn gắp lại những vết thương, và bằng những biện pháp kỹ thuật trang trí, tôi sẽ tô vẽ cho nó, chắc hẳn đã may người có thể nhìn thấy được những thương tích của nó?

Tôi suy nghĩ như vậy, và hầu như suốt mấy ngày đêm nên tôi lặn lội xung quanh chiếc cầu, đo, vẽ, tính toán. Có khi đang đêm tỉnh giấc, tôi lại dậy, khoác áo rét, cầm đèn pin, chống gậy mò ra chiếc cầu để đo lại một chỗ nào đó mà tôi đang suy nghĩ tính toán chưa rõ ràng.

Ngày hôm sau, những biện pháp đơn giản để bắc dầm gao thông qua cầu đã được thực hiện gấp rút. Trước hết chúng tôi phải dùng sắt, gỗ để bắc thành những nhịp cầu tạm để lên nhịp cầu gầy, và những đoạn hư hỏng, lát ván cho xe qua cầu. Sau đó tôi sẽ cho hàn những thanh sắt cứng vào những chỗ vỡ, nứt mẻ, khi có điều kiện sẽ cho đổ bê-tông vá lại. Riêng nhịp cầu gầy, tôi sẽ cho kích lên rồi hàn sắt tăng cường...

Có thể nói, các thủ trưởng Bình trạm đã không nhầm khi đề nghị đại đội tôi về đây. Chỉ hai ngày sau, cầu chia lỵ đã lại thông xe. Bình trạm thưởng liền điện xuống bên đương đại đội và khen ngợi tôi. Tôi càng thêm phấn khởi để lao vào tính toán và cho sửa chữa cầu cũ theo bước thứ hai. Nhưng tôi bỗng giật mình khi đồng chí sĩ quan khí tài của đại đội, cũng là một cán bộ trung cấp kỹ thuật, sau khi tổng hợp lại những bản thiết kế sửa chữa của tôi để dự toán vật tư xin trên cung cấp thấy số liệu sắt quá lớn, cậu ta nhìn tôi nói:

- Báo cáo đại đội trưởng, số lượng sắt ta định xin để sửa chữa kheo cao hơn số lượng sắt ban đầu của nó rồi... Thà làm lại một cái mới có kh. lại còn dễ dàng và nhanh chóng hơn đây, bởi vì phần bên móng hư hỏng phải sửa chữa không đáng kể, chỉ cần làm lại mặt cầu thôi!

Tôi nhìn lại bản thống kê. Ủ, đúng rồi, số lượng sắt cao quá-Tôi rà lại toàn bộ tính toán của mình xem sao. Cũng không thể bỏ bớt cái nào được cả, tôi không dám hạ thấp sức chịu tải của cầu, lại còn hệ số an toàn nữa, dầu sao, tôi vẫn cứ phải sử dụng hệ số $K = 2$ truyền thống của tôi.

Tôi nghĩ: « Ý kiến cậu khí tài cũng có lý đấy », nhưng nếu như thế thì còn gì là chiếc cầu cũ của tôi nữa chứ! Tôi liền gạt ý kiến cậu ta đi, mà giải thích với lý do là: theo ý định của cấp trên, cần phải khôi phục lại cầu cũ chứ không phải làm mới. Và lại, chúng ta còn phải vừa bảo đảm giao thông vừa sửa chữa kia mà, làm sao có thể bỏ thời gian để làm mới được, với trình độ hiện nay của ta, nhanh cũng phải mất vài tháng chứ có ít đâu.

Địch vẫn tiếp tục đánh phá mạnh, nhưng với sự đánh trả máy bay tích cực nhất của đại đội chúng tôi, bọn chúng phải bốc lên cao, bom rơi ít trúng cầu, giao thông của ta vẫn thông suốt.

Ở đây chúng tôi có những ưu thế địa hình thuận lợi cho việc đánh trả máy bay địch, bảo vệ cầu. Đó là những điểm cao lợi hại ở xung quanh khu vực bến sông; cấp trên lại tăng cường cho chúng tôi thêm một phân đội cao xạ, cho nên hầu như chúng tôi đã bảo vệ an toàn được cây cầu suốt mấy tháng liền. Cấp trên

cũng đã cho chúng tôi một bộ cầu nổi để dự trữ từ dạo mới về, nhưng tôi vẫn cho cất giấu ở tít trên thượng lưu, trong một khu vực kín đáo, chưa phải dùng đến.

Mùa khô sắp đến, việc chi viện cho chiến trường ngày càng phải khẩn trương để chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô sắp tới, đánh cho địch những đòn quyết định. Lưu lượng xe ngày càng cao. Nếu như nước đầy mỗi đêm chúng tôi chỉ bảo đảm 200-300 xe qua cầu, thì gần đây đã tăng lên 400-500 xe, và khả năng còn có thể lên cao nữa, mà chiếc cầu của chúng tôi ngày càng bị yếu đi, những dầm, những ván lát thay liên tục mà không bảo đảm chịu nổi số lưu lượng trên. Có nhiều hôm tôi đã phải kéo dài thời gian thông xe đến 6-7 giờ sáng. Bọn địch không đánh được cầu, chúng ném bom phá đường, nhiều xe bị bắn cháy do bị tắc đường ùn lại, hoặc chạy ban ngày chưa kịp đến vị trí giấu xe.

Tôi lại phải vật lộn suốt ngày ở ngoài cầu, để trực tiếp chỉ dẫn những mối hàn, đặt từng thanh sắt, từng tấm ván. Tôi cũng lao vào khiêng dầm lát ván với chiến sĩ, có lúc còn phải hàn điện một vài ca để thay cho các chiến sĩ hàn. Tôi ra sức chấp vá, chống đỡ để bảo đảm giao thông mà vẫn không rời bỏ ý định kết hợp khôi phục chiếc cầu, do vậy tốc độ có bị chậm hơn. Tôi khắc phục bằng cách động viên cán bộ, chiến sĩ nỗ lực làm thêm ca kíp, tăng thêm cường độ lao động để bảo đảm thời gian thông cầu hàng ngày.

Đồng chí binh trạm trưởng đã một vài lần phê bình nhẹ chúng tôi về việc chưa bảo đảm tỷ lệ thông xe trong đêm. Binh trạm cũng lại thông báo chi viện cho đại đội tôi mấy nhíp cầu sắt để khi cần có thể phá bỏ

cầu cũ, rồi lao cầu sắt qua, nhưng tôi chần chừ chưa muốn nhận. Tôi tin vào khả năng tôi vẫn có thể sửa chữa được cầu cũ theo phương án của mình.

— « Miễn là tôi vẫn bảo đảm thông xe qua cầu chứ sao! »

Tôi lập luận với mọi người như vậy. Quả thế, ở một vài bên của các đơn vị bạn khác còn bị tắc cầu kia, chứ chúng tôi đã bị tắc cầu bao giờ đâu, chỉ chậm tốc độ thôi, tôi đã khắc phục cho chạy quá sang bao ngày, xe bị địch đánh trên đường thuộc trách nhiệm của lái xe, chứ không phải tại cầu. Có lúc tôi đã gần cố cãi nhau với mấy cậu cán bộ kỹ thuật ở binh trạm như vậy.

Tôi lại lao vào sửa chữa, mất ăn mất ngủ, người tôi gầy sòm đi, da cháy nắng.

Tuy nhiên, tốc độ thông xe của chúng tôi vẫn chưa tiến bộ được là bao.

CÔ GIÁO VÙNG CAO:

— Chú Hải ơi, dậy ăn cháo đi, dậy ăn cho nóng. Cháo mẹ cháu này đây. Đây này ngon lắm cơ! Nào chú Hải, dậy ăn cháo đi...

Tiếng con bé Thắng. Con chị chủ nhà gọi mãi làm tôi bưng lên dậy. Một nồi cháo nhỏ đang bốc hơi nghi ngút ở trên một bàn và một bát bánh sống đã xắt nhỏ để bên cạnh. Mùi cháo hành thơm thơm, gọi cảm. Tôi ngồi dậy, kéo cháu bé vào mình, vỗ nhẹ nhẹ lên vai nó.

— Cảm ơn cháu nhé, để rồi chú ăn, mẹ cháu đi đâu?

— Mẹ cháu ra trường rồi!

— Sao cháu chưa đi học?

— Mẹ cháu dặn ở nhà gọi chú dậy ăn cháo xong, cháu mới được đi.

— Cháu đi học đi, để đây chú ăn xong rồi chú dọn.

— Không, chú ăn ngay đi cơ! Mẹ cháu bảo, cháo hành phải ăn nóng mới ra mồ hôi. Cháu bị sốt đấy, chú ăn đi, cháu dọn xong cháu mới đi học. Còn kịp chán mà!

Tôi phải chiều lòng con bé. Tôi ăn một bát cháo hành, rồi cất dọn xong con bé mới chịu đi học. Nhìn cái bím tóc như đuôi chuột lúc lắc đằng sau, con bé cắp cặp vừa chạy vừa nhảy một loáng đã khuất sau ngõ, xuống ven đồi về phía trường cấp 1-2 của xã, bất giác lòng tôi lại thấy buồn ngùi. Mẹ cháu là cô giáo Thuận dạy cấp hai. Từ khi về đây, bộ phận tiền trạm đã bố trí cho ban chỉ huy đại đội chúng tôi ở đây, mé sườn đồi có thể nhìn thấy cầu rất rõ ràng. Tôi và một đồng chí liên lạc ở nhờ nhà cô Thuận, còn đồng chí chính trị viên và các đồng chí khác ở mấy nhà phía đằng sau.

Cô Thuận là người ở dưới xuôi, sau khi tốt nghiệp trường 10 + 3 cô xung phong lên dạy học ở miền núi này. Thuận có nước da của gái vùng biển, màu nâu khỏe mạnh. Cái Thắng — con gái của Thuận, năm nay 10 tuổi, vậy mà chưa ai đoán Thuận năm nay đã đến 31 tuổi. Thuận đã phải đẻ tang chồng bảy năm rồi, nếu như Thuận có hạnh phúc trọn vẹn, chắc hẳn cô còn trẻ hơn nhiều. Anh Chiến — chồng chị — trước cũng là giáo viên, anh cưới vợ trước ngày lên đường nhập ngũ chưa đầy một tuần lễ. Anh vào chiến trường chiến đấu. Sau ba năm, người ta đưa về cho gia đình Thuận một bằng vàng Tổ quốc ghi công, ghi tên liệt sĩ Nguyễn Đình Chiến. Anh để lại cho Thuận một mẹ già ngoài

60 tuổi và đưa con gái chưa biết mặt cha. Từ đó Thuận âm thầm vừa dạy học vừa nuôi mẹ chồng, nuôi con và ở hẳn trên vùng đất miền núi này. Cách đây vài năm, mẹ chồng Thuận cũng đã qua đời. Gia đình Thuận cũng chỉ còn vài anh chị em đi công tác mỗi người mỗi phương, năm thì mười họa mới gặp nhau ở dưới quê. Chính quyền và bà con địa phương thương xót mẹ con Thuận và quý tính tình dịu dàng, nét na của Thuận, quý cô giáo nhiệt tình và có tài giáo dục con trẻ, nên đã đùm bọc, giúp đỡ mẹ con Thuận. Ngôi nhà gỗ ba gian cao ráo sạch sẽ này là mối tình của dân bản đối với người liệt sĩ đã khuất và cũng là đối với cô giáo hết lòng vì con em dân bản.

Từ khi đại đội chúng tôi trở lại bến sông này, làng bản càng thêm nhộn nhịp hẳn lên. Tiếng hò, tiếng hát âm vang trong những đêm bắc cầu làm đường, những ngày gặt lúa bên trận địa bắn máy bay, và bằng những câu chuyện bên bếp lửa hồng và những nụ cười của con trai con gái. Nhà Thuận khi có chúng tôi đến cũng bình như ấm cúng hẳn lên, ít ra cũng còn có tiếng đàn ông như Thuận nói vui—chứ không chỉ lùi thui hai mẹ con đàn bà. Ấy là nói vậy thôi, chứ nhà Thuận trước đây có lúc nào vắng tiếng trẻ con, trai gái ẽ a suốt ngày ở đây. Từ ngày có các chú bộ đội về, nhà cô giáo Thuận lại càng vui, những lúc nghỉ ngơi, cái Thăng lại bắt chúng tôi dạy hát. Cây đàn ghi-ta của chú liên lạc thường được gõ «phập phình» cho bọn trẻ hát, múa suốt buổi tối.

Đã mấy tháng trời ở đây, tôi cũng chưa có dịp nào nói chuyện về gia đình với cô chủ nhà, bầu như suốt ngày lẩn lộn ở ngoài cầu, lúc nào về nhà nếu không nắm vạt ra ngủ thì cũng bỏ ra về, viết. Nhiều hôm mệt

mỏi quá, tôi ngủ thiếp đi trên giường không kịp cởi giày dép.

Cô giáo Thuận đã cung cấp cho tôi khá nhiều chuyện xung quanh chiếc cầu, nhất là những trận máy bay giặc Mỹ đến đánh phá cả những chuyện ma mành mà cô đã thu được từ trước tới nay. Trong sinh hoạt, cô giáo Thuận tỏ ra đặc biệt quan tâm săn sóc tới chúng tôi. Trước khi đi dạy học, thế nào cũng hầm ầm ché xanh trên bếp, khi thì đĩa sắn, lúc thì mấy củ khoai luộc đặt sẵn trên bàn. Buổi tối hoặc đêm khuya ở ngoài cầu về, đã có sẵn một phích nước nóng, giường chiếu của chúng tôi luôn luôn được giặt giũ sạch sẽ, một hôm, chú liên lạc kêu lên với tôi :

- Cô Thuận toàn sẵn đón hỏi về chuyện thủ trưởng.

- Hỏi chuyện tớ ấy à? Thế cậu kể sao? - Tôi thăm dò.

- Thì có sao em kể vậy, chứ có thêm bớt gì đâu? Mà cô giáo xem chừng thương hoàn cảnh gia đình thủ trưởng lắm!

- Thôi, chết tao rồi! Sao mày lại đem cả lý lịch của thủ trưởng kể cho cô giáo nghe là thế nào? - Mất cảnh giác rồi? - Tớ nửa đùa nửa thật dọa cậu ta.

Chú liên lạc nhỏ con, chưa đầy 18 tuổi, cứ há hốc mồm nhìn tôi mà lo lắng. Cậu ta sợ bị kỷ luật. Tôi bỗng phá lên cười và khuyên cậu ta lần sau không nên nói như vậy. Cậu ta lại chống chế :

- Là cô giáo hỏi thì em mới nói, chứ ai em cũng nói cả đâu!

Từ hôm ấy, lòng tôi bỗng xốn xang khó tả. Một niềm vui, một nỗi buồn thoát ần thoát hiện trong tôi.

Một buổi tối, tôi ngồi tính toán lại một số bản vẽ, còn cô giáo thì ngồi chấm bài hoặc soạn giáo án gì đó

ở bên kia bàn. Suốt cả buổi tối đến ba, bốn tiếng đồng hồ, việc ai người ấy làm, không ai nói với ai. Chỉ có một lúc, đèn hết dầu, cô giáo đứng dậy rót dầu rồi lại ngồi vào bàn làm việc. Tôi vội làm việc để kịp mai có số liệu cho người đưa lên bình trạm báo cáo. Đã khuya lắm rồi tôi làm vẫn chưa xong, mà đầu cứ nặng trĩu xuống, mắt díp lại, tôi bỗng gục xuống bàn lúc nào mà không biết. Trong lúc mơ mơ màng màng, tôi cảm giác thấy có một bàn tay nhỏ nhắn cứ vuốt nhẹ lên đầu tôi. Tôi bỗng đưa tay lên cầm lấy bàn tay ấy áp ấy, đặt vào trán mình, bàn tay đó vẫn để yên, tôi lại từ từ gục xuống trên lòng bàn tay ấy, không biết là bao lâu. Tôi sực tỉnh dậy, mồ hôi vã ra trên trán, bàn tay cô giáo cũng bị ướt nhưng vẫn để nguyên. Tôi ngượng ngập nhìn cô, nói khẽ:

— Chết chửa, xin lỗi, tôi buồn ngủ quá!

Cô giáo nói với một giọng dịu dàng:

— Anh cứ ngủ nữa đi, có lẽ anh lại bị sốt rồi đấy!

Tôi khẽ gỡ cánh tay cô giáo ra khỏi tập giấy của tôi, rồi lắc đầu:

— Tôi không thể ngủ được, cầu chưa sửa chữa xong.

Cô giáo ngược mắt nhìn tôi, vẻ đăm đối. Tôi nhìn cô, rồi như thấy lại, đôi mắt của Thục ngày nào, tôi bỗng rùng mình đứng lên.

Sự hoài nghi với phụ nữ đột nhiên lan rộng và ngày càng giãy vò lòng tôi.

NHỮNG TIẾNG XÌ XÀO:

Cuộc hội đàm giữa ta và Mỹ ở Pa-ri đang có nhiều chuyển biến có lợi cho ta. Bọn Mỹ có khả năng phải chấp thuận điều kiện ngừng bắn, hoặc ít ra cũng buộc phải thu hẹp địa bàn hoạt động của máy bay, tức là Mỹ phải lùi về « chiến tranh phá hoại có hạn chế ».

Các binh trạm, các tuyến đường được lệnh nhanh chóng chuẩn bị khôi phục, sửa chữa và làm mới để nâng cấp tuyến đường, bảo đảm cho lưu lượng xe nhiều hơn, trọng tải xe lớn hơn, đi nhanh chóng chở hàng chi viện cho chiến trường, mở những chiến dịch lớn có tính chất quyết định trên tuyến đường vô Nam, các binh trạm tranh thủ thời cơ, lao vào sửa chữa và xây dựng cầu đường vẫn bảo đảm giao thông với lưu lượng tối đa các bến phải có đường ngầm hoặc cầu phụ, cầu tạm, các đoạn đường trọng điểm đều có đường vòng, đường tránh, đồng thời đề cao cảnh giác, sẵn sàng thường trực chiến đấu bắn máy bay và phá vỡ bom đạn, đề phòng họa địch bất ngờ đánh lại.

Giữa lúc đó, đại đội tôi được tăng cường thêm một kỹ sư về làm đại đội phó. Đó là thiếu úy Tuấn, tốt nghiệp trường đại học kỹ thuật quân sự anh đã vào chiến trường và được rèn luyện trong bom đạn gần một năm nay, hiện đang là trợ lý kỹ thuật của binh trạm. Đó là một sĩ quan trẻ tuổi và khỏe mạnh, có nước da nâu vùng quê biển. Tuấn không những thân hình lực lượng, cân đối phong thái nhanh nhẹn, có nụ cười rất tươi và hoạt bát, cậu ta có sức quyến rũ lạ thường, ngay cả đối với cánh con trai cũng muốn gần gũi chàng kỹ sư ấy.

Tôi hy vọng Tuấn sẽ là một chân giúp tôi đặc lực trong việc sửa chữa và khôi phục lại chiếc cầu cũ theo phương án của tôi. Nhưng sau một ngày một đêm lăn lộn nghiên cứu, phải nói cậu ta cũng có tác phong tỉ mỉ và xông xáo giống tôi và tôi rất ưa - cậu ta lập một phương án khác hẳn và đưa tôi xem, rồi cậu ta nói với tôi bằng giọng nửa đùa nửa thật.

— Thôi, phá nó đi thôi! Sửa chữa làm gì cho mất công vô ích mà lại chẳng ra trò trống gì. Cứ phá hẳn nó đi, làm lại một cầu khác còn nhanh hơn, bố ạ!

Tôi bỗng như người bị dội nước lạnh, mắt trừng lên nhìn cậu ta, không nói được câu nào, tôi đang định nói: «A, lại thêm một ông tướng ngựa non háu đá này nữa! Cái ý kiến đó, cái tư tưởng đó, ở đây cũng đã có rồi đấy! Nhưng tao đã vùi dập nó đi từ mấy tháng nay rồi, bây giờ mày mới về, lại muốn kêu lại sao? A! Bọn trẻ chúng mày chẳng biết tôn trọng gì công lao của người đi trước cả, lại muốn lập công mới trên xương máu của người khác hay sao? Không dễ ngon ăn đâu! Đạo trước tao đây còn phải sây vây gần hai năm trời mới làm xong nó đấy, mấy ông nhóc đòi làm vài tháng thôi ư? Đúng là bọn điếc không sợ súng thật».

May sao lúc đó, đồng chí chính trị viên vừa đến, nên tôi đã kịp dừng lại mà không cho Tuấn một cú phủ đầu.

Đồng chí chính trị viên mời chúng tôi họp chi ủy đề bàn về phương án sửa chữa cầu. Chi ủy gồm có chính trị viên làm bí thư, tôi và Tuấn mới được trên chỉ định bổ sung trong cuộc họp chi ủy, với vẻ kể cả, Tôi đề Tuấn trình bày phương án của cậu ta trước.

Tuấn trình bày phương án rất đầy đủ, tỉ mỉ, có lý lẽ phân tích và so sánh về lợi hại các mặt quân sự kinh tế, chính trị, mà trước mắt là với nhiệm vụ sắp tới. Phải nói phương án của cậu ta tương đối đầy đủ và tỉ mỉ, tôi không ngờ trong một thời gian rất ngắn mà Tuấn lại chuẩn bị được tương đối đầy đủ như vậy, mà không ngờ trong cái miệng non choẹt ấy mà biết phân tích những ý nghĩa chiến thuật, chiến lược tron

tru cứ như cậu ta đã tốt nghiệp trường trung cao quân sự.

Tuấn phân tích phương án kỹ càng nhất là về thời gian ngắn, cậu ta hy vọng thuyết phục được tôi, hoặc ít ra cũng tranh thủ được đồng chí chính trị viên, rồi lấy đa số biểu quyết trong chi ủy đề bước tôi phải nhượng bộ. Nhưng rất buồn cho Tuấn, đồng chí chính trị viên của tôi không hiểu một tý gì về kỹ thuật cả. Anh cũng không phải từ chiến sĩ công binh trưởng thành lên. Anh vốn là nhân viên thống kê ở ban cán bộ phòng chính trị của binh trạm, trong đợt vận động cán bộ cơ quan hạ phóng, anh từ cấp trung sĩ được bổ nhiệm xuống làm chính trị viên của đại đội tôi. Anh nhanh chóng hòa mình được với chiến sĩ, bằng những buổi nói chuyện thời sự, lên lớp chính trị. Tuy nhiên, khi bàn bạc đến vấn đề kỹ thuật thì anh giữ được thái độ lãnh đạo, nghĩa là anh nghe ý kiến quần chúng xem họ ngã về bên nào đông hơn thì anh theo họ. Theo anh, đó là bước đi đúng đắn nhất. Nếu ai hỏi riêng ý kiến của anh, thì anh không phát biểu, mà cười xuề xòa, một nụ cười dễ mến «Hề hề, đấy là việc của các nhà kỹ thuật, tớ thì biết gì mà tham gia, ê hề!». Câu nói của anh như muốn nhắc nhở người nghe nhớ đến vai trò lãnh đạo của anh chứ không phải trách nhiệm chỉ huy của cán bộ quân sự.

Và trong cuộc họp chi ủy hôm nay Tuấn không tranh thủ được ý kiến của đồng chí bí thư. Giữa hai phương án của Tuấn và của tôi, đồng chí bí thư không phân được thắng bại, đành phải đề nghị đưa ra hội nghị cán bộ đề thảo luận.

Trong cuộc họp cán bộ, phương án của Tuấn tất nhiên sẽ được nhiều ý kiến ủng hộ hơn, điều đó tôi

cũng đã lường được trước. Tuy nhiên, đây không phải là cuộc họp chỉ bộ đề biếu quyết mà chỉ bộ cũng không biếu quyết những vấn đề kỹ thuật cụ thể này. Bởi vậy, cuộc họp cán bộ chỉ có tính chất lấy ý kiến tham khảo về phương án của Tuấn, cũng không kết luận gì, mà để dành lại cho quyền quyết định của thủ trưởng quân chính. Do đó trong hội nghị này tôi cũng không trình bày lại phương án cũ của tôi nữa, mà cuối cùng tôi chỉ phát biểu :

— Rất hoan nghênh các đồng chí đã tham gia thảo luận, nhưng đây cũng mới chỉ là một phương án, chúng ta còn tiếp tục nghiên cứu thêm để đi đến một phương án tối ưu hơn. Trong quá trình nghiên cứu, tôi lưu ý các đồng chí một ý kiến là : việc cho phá đi làm lại trên bến thì không có gì khó khăn lắm, mà việc cải tạo, sửa chữa cái cầu bị bom trở lại thành chiếc cầu như cũ mới là khó. Đó mới là một công trình kỹ thuật, phức tạp. Liệu chúng ta có ngại khó khăn không ? Truyền thống của đơn vị chúng ta không bao giờ chùn bước... !

Sau hội nghị cũng có nhiều ý kiến bàn tán xì xào ám chỉ sau lưng tôi. Tình cờ cô chủ nhà nghe thấy và kể lại với tôi. Nào là cái cầu này có đáng phải tập trung nhân lực vật lực vào đây để bảo tồn nó không ? Nếu tất cả mọi người đều muốn giữ lại những công trình của mình thì xã hội này làm sao có những công trình tiến bộ được ? ». Nào là : « Cái gì đã lỗi thời rồi thì phải bỏ nó đi, xây dựng cái mới phù hợp hơn, tiến bộ hơn. Phải có gan dứt bỏ cái cũ lạc hậu đi mới được ! »

Riêng Tuấn chỉ nói : « Nếu sửa chữa cầu cũ thì không thể kịp thời gian. Mà nếu có sửa được kịp thì cũng không thể bảo đảm trọng tải và lưu lượng theo

yêu cầu nhiệm vụ chiến dịch mùa khô sắp tới được!»

Cũng cỡ câu nói một câu làm đau nhói lòng tôi: « Ông ấy cứ muốn giữ mãi cái cầu lạc hậu này, cũng như không dứt bỏ nỗi cô vợ hư hỏng của ông ta đâu!»

Cô giáo Thuận kể lại cho tôi nghe, hình như có dụng ý cũng muốn khuyên tôi nghe theo Tuấn và ý kiến anh em, linh tinh có điều gì, cô muốn lo lắng cho tôi và đề đặt hỏi:

— Vậy ý anh định thế nào?

Một cái gì đó chen lấy họng tôi, một sự tự ái hay thói độc đoán chen lấn trong tôi. Tôi gắt gỏng và trả lời cộc lốc:

— Dẫu sao thì chiếc cầu vẫn phải được sửa chữa!

— Anh đến kỳ lạ! Cô giáo nguyệt một cái dài, rồi đứng đây bỏ đi.

LÁ THƯ VINH BIỆT:

Gửi anh Hải,

« Tôi tưởng lấy anh sẽ được hạnh phúc, nên tôi đã gắng chịu đựng thời gian ở công trường để được lòng anh, vì anh. Sau đó hy vọng anh và tôi sẽ được trở về Hà Nội hoặc ít ra cũng về gần Hà Nội. Không ngờ anh lại đi bộ đội, bỏ tôi ở lại chốn « Khỉ ho cò gáy » với những công việc khổ sai.

Tôi sinh ra không phải để bị dày dạn và làm việc như vậy, nên tôi buộc phải bỏ về Hà Nội. Từ đó đến nay tôi vẫn sống dang hoàng. Anh không phải lo cho tôi, mà cũng đừng biền thư cho tôi nữa. Tôi không còn ở chỗ cũ nữa đâu. Tình nghĩa giữa anh và tôi không còn gì để nói. Tôi không xứng đáng là « đồng chí của anh được. Anh hãy tìm lại « lý tưởng » của anh ở một cô gái khác thì hơn...

Tôi hiện nay sống khá đầy đủ và « rất hạnh phúc » ở Hà Nội. Và chỉ ở Hà Nội mà thôi. Chỉ ăn hận một điều : Một tý nữa thì chôn vùi hết tuổi xuân của tôi ở nhịp cầu chia ly của anh. Đã đến lúc chúng ta phải chia ly. Mong anh đừng uổng công cứu vãn.

Đây là lá thư cuối cùng của tôi.

Vĩnh biệt anh

Thục »

Đó là toàn bộ bức thư cuối cùng của Thục gửi cho tôi.

Những hình ảnh về trước ngày đi bộ đội như sống lại trong tôi.

Sau ngày hoàn thành công trường, hay nói đúng hơn là sau ngày cưới ít lâu, chúng tôi được về phép gần một tháng, về quê tôi ở gần Hà Đông và quê Thục ở nội thành Hà Nội. Có thể nói là, hai gia đình nội, ngoại đều rất hài lòng về chúng tôi, con dâu cũng như con rể. Duy chỉ có mẹ tôi hơi phàn nàn về tính dỏng dảnh của nàng dâu một chút thôi, nhưng không sao, Thục lấy được lòng mẹ tôi rất nhanh. Những ngày phép ở Hà Đông hay ở Hà Nội chúng tôi đã sống toại nguyện.

Trong thời gian ở Hà Nội, theo nguyện vọng của Thục tôi cũng đã tìm cách chạy thầy chạy thợ, để tạo điều kiện cho cả tôi và Thục đều được trở về Hà Nội công tác. Thục không muốn xa Hà Nội. Một cuộc sống ở núi rừng hay lang thang này đây mai đó không phù hợp với một phụ nữ đã có chồng. Rồi đây sẽ có con cái. Lập luận đó của Thục đã thuyết phục được tôi. Còn tôi, với một công trình đầu tay, một cái bằng thực tiễn của mình tôi có thể về công tác ở một phòng kỹ thuật nào đó, hoặc giảng dạy ở nhà trường được rồi, thật lòng tôi

cũng muốn vươn lên bằng con đường học tập nữa.
Muốn vậy, phải ở Hà Nội.

Tôi tìm đến thầy học cũ của tôi, và nguyện vọng của tôi được thầy ủng hộ, trước đây tôi là một trong những sinh viên khá của thầy. Cho đến những ngày cuối của kỳ nghỉ phép, tôi đã nhận được giấy báo gọi về trường làm công tác giảng dạy, riêng Thục thì chưa được, vì thời gian đi thực tiễn còn quá ít nên chưa đầu nhận. Chúng tôi bàn nhau sau khi trả phép tôi sẽ về Hà Nội, còn Thục vẫn cứ theo đội cầu một thời gian, chờ tôi sẽ vận động xin cho Thục sau. Tôi tin rằng nếu tôi về trường thì chỉ cần vài tháng sau tôi có thể tìm cách xin cho Thục về Hà Nội được, vì Thục sẵn sàng bỏ nghề kỹ thuật, làm nghề gì đó cũng được, miễn là ở Hà Nội. Tôi cũng đồng ý với Thục như thế: «Việc gì cũng là vinh quang» cơ mà!

Nhưng đến ngày tôi trả phép, một tình huống éo le xảy đến. Chiến tranh phá hoại xảy ra ở miền Bắc. Tôi liền ghi tên xung phong nhập ngũ. Nhưng ngay hôm đó, Thục đã khóc suốt một đêm, không muốn cho tôi đi. Tôi giải thích thế nào Thục cũng không nghe. Đồng chí, bạn bè trong đội phải vận động mãi Thục mới tạm yên, để tôi đi. Tôi đã nhờ các đồng chí ở lại trông nom giúp đỡ Thục.

Buổi lên đường của tôi, Thục chỉ nằm lý ở nhà, không ra tiễn chân. Tôi ra đi mà lòng nặng trĩu.

Rồi những tháng ngày luyện tập trên thao trường tôi cũng nguôi đi. Có thể nói, thời gian đầu không tuần nào là tôi không biên thư về cho Thục, để động viên an ủi Thục, ít ngày sau, Thục biên thư báo cho tôi một tin mừng là «Thục có mang» và do đó Thục đã xin phép về Hà Nội nghỉ ít ngày. Các anh ở đội cầu cũng báo là

Thục cứ nằng nặc đòi về, nên cũng phải chiều Thục và cho về ít ngày để người nổi nhớ khi xa chồng. Tôi được tin mừng nên rất phấn khởi, và cũng tự tha thứ cho Thục về chuyện xin về Hà Nội nghỉ. Tôi hy vọng và chờ đợi một đứa con của tôi, cũng như trước đây tôi đã hằng ấp ủ một công trình đầu tay của tôi vậy.

Sau này khi được tin Thục đã bỏ đội cầu không vào nữa, mặc dầu đội cầu đã cho người ra gọi mấy lần mà cô ấy cũng không vào. Lúc đầu tôi cũng giận, sau nghĩ lại cũng thấy thương, cũng lo Thục vào đấy, e không chịu đựng nổi, sẽ ảnh hưởng đến con mình sau này. Một lần nữa tôi lại tha thứ cho Thục, miễn sao Thục giữ được mẹ tròn con vuông. Sau này—mà ở Hà Nội cũng đã phải chạy sơ tán—liệu Thục có về quê tôi ở Hà Đông không? Tôi biên thư về cho mẹ và em gái tôi nhắc ở quê phải đi lại chăm sóc Thục.

Cuối năm ấy, đơn vị tôi vào chiến trường. Tôi hằng hái tham gia chiến đấu với một niềm vui của một người sắp được làm cha. Từ đó cũng không nhận được tin tức gì của Thục và gia đình nữa.

Ba năm sau, khi tôi được trở về binh trạm 14, tôi mới lại có dịp biên thư về và nhận được tin tức của gia đình. Lá thư của cô em gái tôi đã làm tôi đau đớn. Sau khi về Hà Nội ít ngày, Thục xin vào làm ở một hợp tác xã thủ công đóng giày dép, rồi lại bỏ và chuyển sang một tổ quay mì sợi. Được vài tuần, cô ta chuyển về tổ đan len. Nhưng không đủ tiền tiêu, cô ta lại xoay sang đi «phe» ở chợ giới. Rồi lại buồn chung một cửa hàng phụ tùng xe đạp với một gã lái xe buôn ma lanh. Cũng thời gian đó, Thục báo tin cho gia đình biết là cô ta đã bị sảy thai với lý do là khi báo động chạy máy bay bị ngã, cô ta phải vào bệnh viện cấp cứu. Bà mẹ

để đến thăm cứ tiếc mãi cái thai là một hình hài đứa con trai 5 tháng. Nhưng bác sĩ cho biết là người mẹ đã uống thuốc trụ thai chứ không phải do ngã. Ngành y gọi trường hợp này là « sảy thai nhân tạo ».

Sau đấy Thục đến ở hẳn với gã lái buôn phụ tùng xe đạp. Ít lâu sau, cô ta lại đi với một tay lái buôn thuốc tây khác, vốn bự xài xả láng.

Bạn tôi ở Hà Nội cũng xác minh điều đó và gửi thư cho tôi, khuyên tôi nên xóa tên và hình ảnh Thục trong tư duy.

Nhân một dịp có xe của đơn vị ra Bắc, tôi xin phép theo xe đi lấy hàng, về Hà Nội tìm gặp Thục với hy vọng kéo cô ta ra khỏi đống bùn lầy nhơ nhớp. Tôi sẽ sẵn sàng tha thứ cho cô ta, nếu cô ta biết trở lại con đường người vợ chân chính. Tôi tin rằng tôi sẽ cải tạo được cô ta, như thời gian đầu vào công trường tôi đã cải tạo được cô ta một lần rồi đấy sao? Tôi tìm đến nhà mẹ vợ, rồi lần tìm mãi, mấy ngày vẫn không sao gặp được. Cô ta lảng tránh tôi. Mãi đến hôm xe phải quay vào, tôi mới đón gặp được cô ta, nhưng tôi đã lầm, thái độ Thục khác hẳn, như một người xa lạ. Tôi vẫn kiên nhẫn mềm dẻo, nhẹ nhàng thuyết phục nhưng vẫn không chuyển. Cô ta còn nói những điều không thể có được ở con người đã có bằng đại học trong tay.

— Cũng may tôi không đẻ, giá đẻ ra thì con anh cũng chết đói rồi! Thôi đi anh, cái lý tưởng của anh, và ngay cả cái lương trung úy của anh bây giờ có đủ nuôi tôi ăn quà sáng không? Thôi, tôi không còn chuyện gì để nói với anh nữa, anh đi đi!...

Thục vùng vằng bỏ đi, để lại mình tôi với nỗi đau xen lẫn điều tức giận.

Trở về đơn vị, tôi vẫn kiên trì biên thư khuyên nhủ Thục và lá thư cuối cùng cô ta đã biên cho tôi cách đây ít lâu tàn nhẫn như thế đấy!

Tôi buồn rầu vì mất mát mỗi tình đầu của tôi. Tôi xấu hổ vì mang tiếng là « bị cảm ứng » có anh nhiệt tôi trước đây chiều vợ quá mức, không chịu giáo dục ngay từ đầu. Và mọi điều tiếng hay dở, cũng từ chuyện ấy mà ra.

Nhiều người khuyên tôi bỏ con vợ lẳng loạn hư hỏng ấy đi và sẵn lòng tìm giúp tôi một hạnh phúc mới đẹp hơn, nhưng tôi chần chừ mãi. Những hình ảnh hạnh phúc ban đầu không dễ gì xóa nhòa trong tôi được. Dĩ nhiên tôi cũng không nghĩ rằng: tôi có thể nối lại hạnh phúc với Thục được nhưng tôi cứ băn khoăn, bằng cách nào đây kéo cô ta ra khỏi vũng bùn sa đọa ấy. Và tôi cũng nghĩ rằng sự mất mát này sẽ làm cho trái tim tôi khô lại, không thể nào có thể rung động với một mối tình nào khác nữa, và đàn bà con gái đối với tôi sẽ có thể là mối đổ kỵ sâu sắc lâu dài.

Tuy thế tôi vẫn tiếp tục biên thư về Hà Nội và chờ đợi hy vọng.

TAI HỌA :

Nghe rục rịch tình hình bọn giặc Mỹ có lẽ sắp buộc phải tuyên bố ngừng bắn ở miền Bắc, tôi tranh thủ thời cơ tập trung lực lượng sửa chữa cầu. Thời buổi chiến tranh, tranh thủ được ngày nào sớm ngày ấy. Trước đó, tôi đã bàn với Tuấn, đề tranh thủ cậu ta làm một cách tự giác hơn. Tôi bảo :

— Tớ đồng ý phương án của cậu, mà trước đây anh em ở đây cũng đã nêu ra rồi. Nhưng bây giờ, trước hết cậu giúp mình chữa thử theo phương án cũ xem sao đã.

Nếu khó khăn quá mà không được thì ta lại làm theo phương án mới chứ lo gì? Hơn nữa, phương án mới này cũng còn phải chờ trên binh trạm duyệt nữa. Trong khi chờ đợi, ta cứ theo kế hoạch đó mà làm, có gì sai đâu?

Tuấn đồng ý với tôi, nhưng cậu ta đề nghị cho chữa thử từng nhịp một đã. Tôi đồng ý như thế. Chúng tôi chữa một nhịp bờ bắc trước, tương đối đơn giản hơn.

Tôi lại lao ra hiện trường, lăn lộn suốt ngày đêm cho quên đi nỗi buồn day dứt và chợ nhịp cầu của tôi được mau chóng « bình phục ».

Anh em trong đơn vị cũng đều hăng hái làm việc quên mình. Đồng chí chính trị viên cũng luôn luôn cùng tôi ở hiện trường.

Chúng tôi đã phải tung nhịp cầu phao ở bến phụ ra để đảm bảo giao thông, và yên tâm tháo cầu hồng ra để sửa chữa mà không ảnh hưởng gì đến việc thông xe trên tuyến.

Một tuần sau, chúng tôi mới sửa được nhịp cầu bờ Bắc, nhưng đó chỉ là những bước sửa tạm mà thôi, để bảo đảm có thể thông được xe chắc chắn hơn thôi, chứ chưa thể làm hoàn chỉnh để đỡ vá bê-tông nguyên khối được, chúng tôi chỉ dùng những thanh sắt to, hàn chập làm dầm đỡ rồi lát tấm bê tông đã được đúc sẵn lên trên có thể bảo đảm cho xe đi được, nhưng không thể bền vững lâu dài được. Vì tính toán lại thấy chậm quá, có thể không kịp, nên tôi cũng phải đồng ý với cậu Tuấn hạ thấp yêu cầu xuống như vậy.

Khi bước vào sửa nhịp cầu thứ hai, phức tạp hơn, đã có nhiều người phản nản:

— Cứ cái đá này thì ba tháng nữa chưa chắc đã sửa xong cái cầu này.

— Mà có sửa xong thì cầu hỏng vẫn là cầu hỏng, trông nó có ra hồn dáng gì đâu. Lại còn phải sửa vài ba lần nữa !

Tôi liền đến gặp mấy cậu và quát trống lên :

— Chưa làm đã bàn dùn, làm đi !

Nói xong, tôi bực tức chạy lại giật lấy mỏ hàn trên tay một chiến sĩ, rồi cặm cùi cắt những thanh sắt bị cong queo ở mảng bê-tông bị rạn nứt. Vì mỗi cắt nên cũng không đề ý đến một thanh dầm sắt chữ I đang đè lên mảng bê tông, làm mảng bê tông từ từ gãy xuống. Một tiếng thét giật hẳn lên :

— Đại đội trưởng, vào ngay !

Một chiến sĩ vội chạy lại và ôm lấy tôi kéo vào lòng cầu. Nhưng không kịp nữa rồi, mảng bê-tông bị gãy gập, rơi xuống sông, kéo theo cả hai chúng tôi cùng rơi xuống. Tôi chỉ còn kịp nhìn thấy những cây sắt cong queo ngổa ngang ở dưới tựa tựa như bàn chông, nước sông chảy xiết một tiếng thét thất thanh ở trên mặt cầu, một sự đổ vỡ ở đâu đây, có ai đó như ôm lấy tôi rồi lại buông ra, rồi như rơi trong chân không, một cái gì đó đập vào đầu tôi, tôi ngất đi không còn biết gì nữa...

BÀNG HOÀNG :

Tôi tỉnh dậy trong một trạm quân y binh trạm, đầu tôi quấn đầy băng, tôi cố ngẩng đầu lên nhìn, nhưng không sao cất đầu lên được, tôi lại ngất đi.

Một lát sau, tôi nửa mê nửa tỉnh, tôi chợt mở mắt và, tôi nhìn thấy một bộ mặt quen thuộc mờ mờ ảo ảo, có đôi mắt như nhìn sâu xoáy vào tôi, một mái tóc mềm mại như lướt vào má tôi, một hơi thở âm âm phả nhẹ lên mặt tôi. Rồi những tiếng lao xao quanh tôi, tôi lại thiếp đi.

Mấy ngày sau tôi mới tỉnh hẳn. Tôi chỉ còn thấy đau đầu. Tôi nhồm ngồm ngồi dậy, sờ chân tay, mình mẩy còn nguyên vẹn cả, tôi trút một tiếng thở dài, và mừng thầm : « Còn làm việc được ! »

Một cô hộ lý chạy đến săn sóc tôi và kể cho tôi nghe. Thì ra tôi được đưa vào đây cấp cứu đã sáu ngày hôm nay. Phải mất ba ngày tôi mê man bất tỉnh, ba ngày nửa-tỉnh nửa mê. Tôi bị thương vào đầu, vết thương làm chấn thương sọ não. Hích như một, hai thanh sắt đập vào đầu làm bị rách hai, ba miếng da, các bác sĩ đã mổ và khâu vết thương lại. Cô hộ lý an ủi tôi :

— Anh cứ yên trí, cũng may mà không bị vết nào ở mặt.

Rồi cô lại kể, ngày nào cũng có người ở đơn vị đến thăm tôi. Tôi bảo cô ta tả người xem những ai ? Cô ta nói nhiều lắm không nhớ hết, nhưng có mấy người hay đến luôn. Theo cô ta tả thì tôi đoán là đồng chí chính trị viên, Tuấn, đồng chí liên lạc và mấy anh em cơ quan. Lại có cả các cụ già ở dân bản nữa.

— Có một chị ngày nào cũng đến. Có phải là vợ anh đấy không ? Cả cháu gái nữa. Con bé nó thương bố cứ khóc hoài thôi.

Cô hộ lý nhìn tôi. Tôi lắc đầu và bảo cho cô ta đấy là cô giáo, chủ nhà tôi ở nhờ.

— Ôi, chị ấy tốt quá nhỉ ? Hôm nào chị ấy cũng lên săn sóc anh, ngồi với anh hàng giờ liền. Chị ấy lo lắng lắm, chỉ sợ anh chết thôi. Bây giờ chị ấy lại sắp lên rồi đấy ! — Cô gái nói nhiều chuyện làm cho tôi vui.

Đến chiều đồng chí chính trị viên lên, mới kể lại cho tôi nghe được đầu đuôi sự việc tai nạn đã xảy ra đối với tôi.

Khi phát hiện mảng bê-tông sắp rơi, thì đồng chí Sơn - chiến sĩ thợ hàn - trông thấy vội chạy lại định ôm lấy tôi kéo vào trong cầu, nhưng không kịp, cả tôi và Sơn cùng rơi. Sơn vẫn ôm chặt lấy tôi vì cầu ấy có dây bảo hiểm nên sau khi rơi chỉ bị treo lơ lửng trên không. Cầu ấy cố giữ lấy tôi, nhưng không nổi. Tôi bị tuột khỏi tay Sơn, rơi xuống sông, đập đầu vào một đồng sắt tròn nằm ngang. Cũng may không có thanh sắt nào chọc vào người. Sau đó ôi bị nước cuốn đi. Nhiều người lao xuống mới vớt được tôi, một tý nữa thì bị cuốn xuống thác chia ly thì không tài nào cứu được. Sau khi vớt lên anh em liền cho xe, đưa tôi đi cấp cứu ngay. Cầu Sơn cũng bị choáng, ốm mất mấy ngày, đã khỏi và đi làm được rồi.

Tôi hỏi về tình hình công việc, đồng chí chính trị viên nói :

— Anh cứ yên tâm, mọi việc đã có chúng tôi lo. Cầu Tuấn thay anh làm ăn tháo vát lắm.

Tôi đã thích tác phong của Tuấn từ những ngày đầu gặp nhau. Chính trị viên kể tiếp cho tôi biết là : Sau ngày tôi bị thương, tức là trước lúc tuyên bố ngừng bắn, bọn Mỹ lại đến bắn phá một trận cuối cùng cũng khá ác liệt. Nhưng quân ta vẫn giữ được cầu, chỉ bị thêm một quả rốc-két vào nhịp cầu bờ Bắc mới chữa xong. Sau đó có một đoàn cán bộ kỹ thuật của trên xuống kiểm tra và quyết định cho phá cầu cũ, sửa chữa trụ, mố và làm lại mặt bê-tông mới. Toàn bộ xe tạm thời đi bằng cầu phao.

— Thế đã phá xong cầu cũ chưa ? — Tôi sốt ruột hỏi.

— Yên trí, phá xong rồi ! Chỉ sau có một ngày là quân ta đã phá bẳng hết. Cầu Tuấn đã cho lao các nhịp cầu

sắt UIKM để làm cầu thì công ghép ván khuôn đổ bê tông rồi.

— Thế ván khuôn, cốt sắt đã triển khai chưa ?

— Triển khai rồi. Kế hoạch của cậu Tuấn đề ra phần đầu toàn bộ trong hai tháng xong bằng phương pháp đổ bê-tông tại chỗ. Anh thấy liệu có xong được không ? Tôi cũng lo. Có phiêu lưu quá không ? — Chính trị viên bản khoán.

— Kể cũng mạo hiểm đấy, nhưng tôi tin cậu ta. Anh cố gắng động viên đơn vị.

— Việc đó anh khỏi phải lo. Từ hôm được thực hiện phương án làm lại cầu mới đến nay, anh em hăng hái phấn khởi lắm. Lại có cả bà con dân bản ra ủng hộ nữa, sàng cát, rửa đá, đào đất... Vui vẻ lắm ! Công trường rất nhộn nhịp.

Ngày hôm sau, Tuấn nhờ cô giáo Thuận cầm bản thiết kế mặt cầu mới lên cho tôi xem và đề nghị tôi cho ý kiến. Bản vẽ mặt cầu này, lần trước nhiều anh em đã phát biểu : Mặt cầu cũ đáng cở qua... Phải xây dựng lại mặt cầu mới có đáng đẹp đẽ hơn, và hiện đại hơn.

Sau khi xem xong bản vẽ, tôi nói với Thuận :

— Toàn bộ chiếc cầu cũ đã phá đi rồi thì còn luyến tiếc gì mặt cầu cũ mà không thay ? — Nói xong tôi ký luôn vào một góc bản vẽ dành cho kỹ sư trưởng.

Thuận nhìn tôi lắc đầu :

— Có phải là phá hết cả cầu, cái gì tốt thì vẫn còn lại, cái gì xấu mới phải phá đi. Anh em họ vẫn bắc cầu trên trụ mố cũ của anh làm trước đây đấy chứ ! Có phải phá bỏ toàn bộ cầu ?

Tôi bỗng thấy cảm động, bàng hoàng, khẽ nói :

- Liệu trên những cái trụ mố cũ đã bị rạn nứt ấy, có thể xây dựng lại được một cái cầu mới đẹp và bền vững được không ?

Thuận khẽ gạt đầu linh cảm, rồi ngẩng lên nhìn tôi với đôi mắt trong sáng lạ kỳ. Giọng Thuận bỗng ngập ngừng :

- Sao lại không có thể xây dựng được? ...! Nếu chúng ta biết hàn gắn lại... Nếu biết thương yêu nhau...!

Bốn mắt chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu. Thuận từ từ ngả đầu về phía tôi. Tôi khẽ đưa tay kéo đầu Thuận áp sát vào đầu tôi.

Một làn gió nhẹ nhàng lướt qua, mỏng man, bao trùm lấy chúng tôi.

thọc sâu vào thành phố. Đồng chí chính trị viên đại đội đang ở bờ Bắc liền đến thảo luận xin chi viện. Trước tình hình khẩn trương và khó khăn của chúng tôi. Tuy không phải nhiệm vụ ở tuyến này, nhưng đồng chí đại đội trưởng công binh đồng ý cử một trung đội hạ khí tài, phối hợp với chúng tôi bắc cầu. Còn tôi xông lên phía trước để chỉ huy phân đội mở đường, khi tôi quay lại thì đại đội công binh ấy đã được lệnh hành quân theo đơn vị xe tăng ngay sau khi thông cầu. Nên tôi không được gặp trung đội đó nữa, chỉ được nghe anh em kể lại:

— Trung đội công binh ấy toàn tay linh trẻ, thể mà họ làm cả đại đội mình lác cả mắt. Động tác họ mới điêu luyện làm sao, cứ như là làm xiếc vậy. Công binh hiện đại có khác, thích thật!

Và anh em ca ngợi nhiều nhất là đồng chí trung đội trưởng:

Sau khi bắc xong nửa cầu phía Bắc, chính đồng chí trung đội trưởng người bé nhỏ ấy đã dẫn một tổ chi viện nửa cầu phía Nam cho cánh mình, một quả bom nổ gần cầu hát anh ấy xuống sông, mà không hiểu sao anh ấy vẫn ghim dây giữ được mấy khoang thuyền không bị trôi. Bị thương chảy máu đầu mà vẫn chỉ huy bắc cầu được ngay, thật là một chỉ huy nhanh nhẹn, tháo vát và dũng cảm!

Tôi nghe chuyện lòng đầy cảm phục và chỉ ân hận một điều là không được gặp các đồng chí ấy.

Hôm ấy cầu chúng tôi hoàn thành, bảo đảm đúng giờ G qui định các đơn vị tăng, pháo và bộ binh xung kích đã kịp thời vượt sông chiến đấu. Ngay lúc đó đại đội tôi được Bộ chỉ huy mặt trận điện khen ngợi, các đơn vị bạn rầm rập tiến qua sông nhìn mà sững mắt.

Băng đi vài năm sau, nhân một chuyến đi phép từ Sài Gòn ra Bắc, tôi xuống ga Phủ Lý, rẽ theo đường 21 ghé về thăm đơn vị cũ — Một tiểu đoàn công binh quen thuộc và lưu luyến của tôi năm xưa. Tôi quyết định về thăm đơn vị cũ trước khi về thăm gia đình, không phải chỉ vì tiện đường đến trước, mà vì từ những ngày chấp chững của đời lính cho đến lúc trưởng thành, tôi đã để lại đây nhiều kỷ niệm vui buồn. Ở đây còn có « Vinh còm » một thằng bạn nổi khổ, chần trâu cắt cỏ của tôi. Hai chúng tôi ở cùng làng và cùng tuổi với tôi nhưng vóc người cậu ấy yếu nên mới được bọn tôi gọi là « Vinh còm ». Những buổi chăn trâu cắt cỏ thì Vinh phải tôn tôi làm « sư phụ ». Nhiều keo vật trên đồng cỏ, bao giờ Vinh cũng bị tôi « võ bụng » còn ở trường thì Vinh không chịu kém, luôn luôn đuổi điếm sát nút tôi, kể cả môn bắn súng tự vệ.

Học xong cấp 3, Vinh mách tôi :

« Này, có cách nào để tao cùng đi với mày đợt này chứ, mày định bỏ tao đi một mình à ? »

Tôi đáp: « Yên trí, tao không bỏ rơi mày đâu ! » — Tôi bắt tay nó, nhưng khó nghĩ quá, hôm cân thử ở sân kho hợp tác Vinh chỉ nặng có 40 kg thì đi làm sao được. Chúng tôi phải bày một trò « xiếc » theo mưu mẹo của Vinh sẽ đánh tráo tôi vào khám thay tên cậu ấy. Quả nhiên Vinh trúng tuyển nhưng cũng phải lên lút bí mật lắm mới nhảy được lên xe về đơn vị. Chúng tôi được vào cả công binh — binh chủng nặng nhọc này đối với Vinh thật khá vất vả. Tuy nhiên có tôi ở cùng tổ, rồi sau tôi lại là tiểu đội trưởng nên cũng « san sẻ » « đỡ dần » cậu ta được ít nhiều. Nhớ hôm đi bà mẹ Vinh có dặn tôi :

— « Anh cố gắng diu dắt em nó, cho bằng anh bằng em. Đạo ấy bố nó là du kích vừa bị hy sinh trong trận

chống càn, tôi sinh nó ở dưới hầm bí mật, bọn lấy lòng bắt phải chạy trốn hết xó này xó khác, đói khổ, thiếu thốn nên em nó gầy yếu chẳng bằng người».

Vi thể cái ý nghĩ «dở dãn» Vinh còn làm tôi vui vu và xem là trách nhiệm của tôi.

Đạo cuối năm ngoái nghe tin Vinh vẫn còn ở đơn vị cũ. Sau ngày giải phóng Sài Gòn, tôi đã biên thư về cho Vinh vẫn tất nói là: «Minh còn sống, làm ăn khá, đợi mình về cùng nghỉ phép». Chẳng biết «tay còm» có nhận được không?

Tôi còn một điều băn khoăn nữa là không hiểu tình hình đơn vị cũ bây giờ ra sao? Liệu đã củng cố được chất lượng và làm ăn khấm khá như đạo chúng tôi còn ở đấy không? Dọc đường hầm một tôi «cuộc» rất khỏe, bao chuyện xira ăn hiện trong ký ức tôi. Tôi còn nhớ một chuyện cách đây ba năm về trước.

Đạo ấy, tiểu đoàn chúng tôi được cử một đại đội mạnh đi chi viện chiến trường — đó là đại đội 4, một đại đội đặc biệt — Tôi được biết trong cuộc họp Đảng ủy tiểu đoàn, khá gay gắt về việc sản xuất chất lượng đơn vị như thế nào? — Nhưng mệnh lệnh cấp trên vẫn được thực hiện nghiêm chỉnh. Cán bộ chiến sĩ đều là những tay có «máu mặt» và cỡ cự phách trong các đại đội rút lên. Một đại đội mạnh toàn diện, chỉ huy cũ, kỹ thuật giỏi, trẻ, khỏe đề ưu tiên tất cả cho chiến trường. Các đại đội còn lại tưởng chừng như rỗng. Những người ở lại cứ nhìn chúng tôi mà thèm. Hôm sắp lên đường tôi và Vinh còm ôm nhau tâm sự suốt một đêm. Buổi chia tay Vinh dặn tôi:

— Cậu cứ đi đi, nhớ phát huy truyền thống làng ta và đơn vị đấy nhé!

- Cứ yên trí, cậu khỏi lo cho mình. Ngược lại tớ chỉ lo cho cậu ở lại. Tôi định nói thêm : « Cậu không có chỗ dựa của tớ nữa » Nhưng lại thôi. Nắm chặt tay Vinh tôi chỉ nhắc :

- Nhớ lời giao ước đấy, hay là ở ngoài này, gần gũi quê nhà mà lại... Vinh vội xua tay lia lịa và giơ ngón tay chỏ ra - Hai chúng tôi móc tay nhau cười. Trước khi rời quê hương nhập ngũ, chúng tôi cuộc với nhau rằng « Khi nào hết chiến tranh, nước nhà thống nhất hai đứa sẽ cùng về và cùng... lấy vợ ». Nỗi lo lắng cho đơn vị và cho Vinh cứ ám ảnh tôi trong những năm ở chiến trường. Không biết tiêu đội 3, cái tiêu đội cờ đàn anh của mình và liệu thằng Vinh còn giữ được không? ».

Hôm nay về thăm đơn vị cũ, lòng tôi tràn ngập một niềm vui xôn xang như trở về nhà mình vậy. Tôi hình dung đến những nét mặt thân quen, những nụ cười hân hoan chào đón tôi. Tôi dự định trước hết đến thăm nhà Vinh bên góc hồ. Qua Vinh tôi sẽ nắm được tình hình đơn vị ai mất, ai còn. Tôi sẽ lên thăm các thủ trưởng tiêu đoàn. Rồi với danh nghĩa một chiến sĩ cũ ra đi đã trưởng thành, tôi sẽ ghi tên vào sổ vàng truyền thống của tiêu đoàn về những chiến công đã lập được ở chiến trường; rồi sẽ đi thăm các đại đội chắc anh em sẽ rất vui mừng và nồng nhiệt đón tiếp mình. Những người chiến thắng từ tiền tuyến về mà lại. Tôi sẽ kể cho anh em nghe về chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Rất tiếc cho anh em ở đây không được tham dự! Và nhất là tôi sẽ kể về nhịp cầu sông Rạt lưng lầy rất đáng tự hào của đại đội tôi của bản thân tôi...

Trong suốt cả chiến dịch, nhịp cầu này của chúng tôi đã trở nên nổi tiếng. Những cánh xe tăng, pháo binh, tên lửa thì truyền cho nhau chuyện : Một chiếc cầu kỳ

lạ, như có phép thần, các loại thuyền, phao, bồng dưng ở đâu xuất hiện ùn ùn đến, rồi chưa kịp hút xong một điếu thuốc lá đã thấy lệnh thông cầu. Cảnh lái xe thủ thi với nhau: Chính mắt họ trông thấy tay đại đội trưởng công binh trẻ tuổi, nhanh nhẹn như con thoi trên cầu. Bom ném cạnh chỗ tay trung đội trưởng công binh bé nhỏ, anh ta liền nhảy đại xuống nước lặn một hơi dài ra xa tránh bom rồi lại ngoi lên. Tôi cứ áy náy mãi, rất tiếc cho Vinh giá cậu ta được vô Nam như tôi, chắc cũng làm nên nhiều chuyện. Tôi sẽ xin cho Vinh cùng về phép hai tháng chúng tôi sẽ cùng về quê coi như vẫn cùng một đơn vị cũ, ở chiến trường về.

Khi về tới đơn vị cũ, tôi bỗng ngạc nhiên, sững sờ tưởng mình đi nhầm lối. Trước mắt tôi là một khu doanh trại lớn bằng gạch ngói, to đẹp đàng hoàng. Những hàng dừa xanh in bóng trên mặt hồ lung linh. Phía bên kia hồ, khu vực đại đội cũ, một tòa nhà 4 tầng, sừng sững hiên ngang, bâng bức tượng Bác Hồ to lớn trên cao, soi bóng xuống mặt hồ, trông thật nguy nga. Tôi đang ngỡ ngàng ngắm phong cảnh thì có tiếng gọi phía sau:

- A Chính! Đồng chí Chính đã về!

Tôi quay lại và reo lên.

Ồi, chính trị viên Tiệm, chào thủ trưởng Tiệm!

Đó là chính trị viên Trần Huy Tiệm, anh đang cùng một số bộ đội xây nhà. Tôi chạy lại ôm chầm lấy anh. Những anh em đang làm việc gần đây cũng chạy ủa lại vây quanh lấy tôi.

- Hoan hô anh Chính, hoan hô những chiến sĩ từ thành phố Hồ Chí Minh chiến thắng trở về! Hoan hô - Những tràng vỗ tay reo vang. Mặt tôi đỏ bừng lên. Lòng tôi bỗng dưng hân hoan khó tả. Trong số những người

xúm xít quanh tôi phần lớn là anh em trẻ tuổi mới, nhưng hầu như rất nhiều người biết tên tôi.

Trước đây, khi còn ở đơn vị, chúng tôi mới chỉ dám ước mơ được ở một doanh trại tương đối chính qui, và các chi đoàn thanh niên chúng tôi lúc đó đang có dự định lao động xây dựng nhà truyền thống. Để kỷ niệm ngày Bác Hồ về thăm đơn vị năm 1966 và Bác tặng lẵng hoa cho tiểu đoàn năm 1969 đó là nguyện vọng của mọi người. Ai cũng muốn để lại một kỷ niệm đáng tự hào ấy. Trong vòng mấy năm đơn vị đã thực hiện vượt quá những ước mơ của chúng tôi trước đây. Và thật không ngờ Vinh còn thắng bạn gây yếu của chúng tôi, không những thay đổi giữ vững được tiểu đội nề đầu đàn của đơn vị mà nó lại trở thành tay thợ xây khá, trong thời gian xây dựng khu doanh trại này và nhiều công trường khác của quân khu. Bỗng tôi thấy vui lây và thầm khen « Không được đi chiến trường, ở lại làm thế được là tốt »: Nói thế nhưng có một cái gì nhen nhúm lên trong lòng tôi, tôi bỗng chớm có sự so sánh giữa tôi với Vinh. « Thế là Vinh hơn mình một điều, vừa có thành tích xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, lại vừa có tay nghề thợ xây ». Tôi vội bỏ đi tìm Vinh. Bỗng tôi đứng sững lại, khi nghe một chiến sĩ trả lời:

Anh ấy cũng đang ở chiến trường miền Tây cơ ạ! Hồi ra mới biết, ngay từ đầu xuân năm 1975, tiểu đoàn đã liên tục bảo đảm cầu phà vào chiến dịch, trong nhiều tình huống ác liệt. Sau đó được cử một đại đội đi hộ tống xe tăng vào Sài Gòn. Còn toàn tiểu đoàn được lệnh chuyển sang miền Tây, chi viện quốc tế để phối hợp ba chiến trường. Tiểu đoàn bây giờ do Ngô Doãn Hành và Nguyễn Hữu Vược chỉ huy. Đó là hai thủ trưởng đại đội 2 cũ của tôi. Riêng chính trị viên Tiệm, sau ngày

toàn thặng thì được trên cho về nghỉ chờ hưu. Nhưng anh đã ở lại tình nguyện như một chiến sĩ, tham gia xây dựng nhà bảo tàng, tượng đài và những công trình cho xong. Tôi bổng thưởng người chính trị viên già, trong suốt thời gian mười năm qua làm chính trị viên ở đây đã bồi dưỡng cho bao lớp trẻ tiến lên nay tuy đã được nghỉ, nhưng anh vẫn dừng lại đây, cống hiến nốt sức mình cho đơn vị. Tôi nghĩ đến các đồng chí ở bên kia: «Chà, giữa mùa mưa lũ này, anh em mình bên ấy khá gay go ác liệt đấy» – Tôi bổng thấy thương Vinh lắm, liệu có chịu nổi với những thời tiết khắc nghiệt bên ấy không «Tiếc quá, mình không được đi như nó – hiện nay đất nước đã thanh bình rồi thì sự chi viện quốc tế càng có nhiều ý nghĩa, thăng Vinh lại tha hồ mà làm chuyện hay».

Đến khi theo chính trị viên Tiêm lên thăm nhà truyền thống và tượng đài Bác Hồ. Vào các phòng trưng bày, tôi bổng ngạc nhiên trước một hiện vật – đó là một đoạn dây neo, được đặt trang trọng trên nền nhung, trong một hộp kính với dòng thuyết minh:

«Đoạn dây neo cầu Rạt trong chiến dịch Hồ Chí Minh, do trung đội 2 đại đội 1 phối hợp với một đại đội công binh sư đoàn Y, bắc chiều ngày 27-4-1975».

«Trời» tôi reo lên hóa ra là đơn vị ta ư? – thế mà tôi tìm mãi không thấy – Tôi bổng đứng bàng hoàng như trong cơn mê. Một lát sau, tôi mới bồi hồi nhớ lại chuyện bắc cầu sông Rạt mà bao nỗi vui buồn xen lẫn trong tôi với một giọng đầy xúc động, tôi kể cho mọi người đang đứng dưới chân tượng đài nghe:

– Vâng, đúng ngày hôm ấy là ngày 27-4-1975 đại đội chúng tôi được lệnh bắc cầu sông Rạt...

Mọi người đều chăm chú lắng nghe tôi kể, đôi lúc có những ánh mắt nụ cười và những câu xuýt xoa tán thưởng. Và không hiểu sao, tôi bỗng ngập ngừng chỉ kể về đoạn một đại đội công binh đi qua và một trung đội chỉ viện chúng tôi.

— ... Tôi ân hận mãi vì không được gặp các đồng chí đó: Vậy mà về đây thật không ngờ...

— Đó là đại đội 1 do đại đội trưởng Lê Đức Tài chỉ huy đấy! Chính trị viên Tiêm nói với tôi.

— Đại đội 1 à? Có phải Lê Đức Tài, tiểu đội trưởng lái xe nổi tiếng toàn quân cùng thời với tôi đấy ư? Tôi hết ngỡ ngàng này đến lạ lùng khác.

— Còn đồng chí trung đội trưởng kia là ai?

Đó là Phạm Ngọc Vinh của cậu chứ còn ai nữa. Bây giờ đang là đại đội phó ở miền Tây đấy!

— « Ôi » Vinh còn của tôi ấy à! — Thành thật! — Trời! Sao mà nó im hơi lặng tiếng thế?

Mọi người bỗng phá lên cười trước bộ mặt ngờ ngạc của tôi. Ai đó thốt lên:

— Cậu lạ lắm à, con chị nó đi con dì nó lớn chứ! Cậu cứ tưởng... Tôi tíu tít hỏi chuyện của Vinh. Anh em cho tôi biết thêm khi đi chiến đấu về, Vinh chỉ kể về sự táo bạo của một đại đội công binh mà không nói gì về chuyện cậu bị thương để được cấp trên cho sang chiến trường miền tây. Khi viết thuyết minh về đoạn dây neo trong nhà truyền thống, có đồng chí đã viết là do trung đội 2 bắc và ghi cả tên người chỉ huy Phạm Ngọc Vinh nhưng Vinh đã xóa đi, yêu cầu viết lại và nói:

— Đây là chiến công chung của đơn vị có riêng gì của người chỉ huy đâu.

Nghe tôi đẩy tôi hơi then với sự tự hào « vô Nam » của tôi về chiến công bến Rạt đầu phải của riêng tôi mà có Vinh, cố cả bao đơra vị đánh vào đây nữa chứ !

Tôi ngược mắt nhìn lên tượng đài Bác Hồ trên cao, gió lồng lộng thổi. Người tôi lặng đi xúc động ; nghẹn ngào, quì xuống dưới chân tượng đài. Tôi cảm thấy mình quá bé nhỏ trước tâm vóc tượng đài, trước đồng đội cũ và bạn bè của tôi. Tôi thầm cảm ơn Vinh và Vinh còn là tự hào của tôi.

Tháng 11 năm 1975

NGUYỄN SƠN HẢI

TÌNH NGƯỜI ĐÃ THĂM TRONG TÔI

Ca bê tông buổi chiều tối

Truyện ký

Chúng tôi ra đời ca khi trời đã gần tối. Vài ngôi sao mọc sớm đã lấp lánh trên bầu trời. Tôi ngây ngất trước vẻ đẹp của công trường khi hoàng hôn. Đèn trong công trường đã bật sáng. Trên cầu công tác, dòng người nhộn nhịp qua lại. Tiếng loa đang thông báo:

- Hiện nay bê tông đã đổ được quá nửa khối lượng còn không đầy một ca nữa chúng ta sẽ hoàn thành. Các đồng chí mới vào ca đêm, nhanh chóng ra hiện trường để thay ca...

Tổ kỹ thuật của tôi trực ca đêm nay, gồm có tôi, Hòa khênh, và Tân lùn. Chắc hẳn cấp trên rất tin tưởng bọn tôi, cho nên giao hẳn cho một ca toàn quyền chỉ huy kỹ thuật. Bọn tôi lấy đó là niềm vinh dự. Kể ra chúng tôi vừa rời ghế nhà trường là đi bộ đội, vào một đơn vị công binh cầu phà, nào có biết những kỹ thuật xây dựng nề tế ra sao. Thế rồi đơn vị chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, chúng tôi được cấp trên lựa chọn cho đi học tập một lớp kỹ thuật ngắn ngày.

rồi thực tập làm nhân viên kỹ thuật ở ngay công trường này. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn cố gắng học hỏi, do đó có nhiều đêm kỹ thuật, chỉ nhờ các « thầy » hướng dẫn một vài lần, là chúng tôi nắm được ngay. Những lần đổ bê tông trước, chúng tôi có thể đảm đương được một mình những hạng mục quan trọng. Qua những lần công trường kiểm tra chất lượng kỹ thuật, bê-tông khá tốt.

— Chào « nhóm kỹ sư trẻ »! — Đồng chí Sơn, ca trưởng, bốc chúng tôi lên cỡ kỹ sư — có các cậu thì ca bê tông tối nay vững rồi! Đến giờ giao ca rồi đấy, ta tranh thủ chuẩn bị cho tốt đi!

Bọn tôi đã có mặt đầy đủ ở các vị trí nhận ca. Sau 15 phút giao ca, chúng tôi bắt tay ngay vào công việc. Những cỗ máy trộn bê-tông đang bắt đầu chuyển động, thùng phối liệu quay hồi hải. Những chiếc xe chở bê tông lao như bay trên cầu công tác. Tiếng bê tông đổ vào các máng rào rào.

Tôi trèo qua lan can cầu, xuống một cốt pha, thấy Hòa khềnh đang cùng một tổ đầm dùi làm việc. Nhìn thấy tôi, Hòa mỉm cười gật gật, dáng điệu cậu ta ra chiều muốn nói: « Ông cứ yên tâm, ông tổ trưởng kỹ thuật của tôi ạ ».

Trên cầu công tác, mấy anh đang vừa gạt bê-tông, vừa tán chuyện. Một cậu nói oang oang:

Nhất định xong sớm các cậu ạ, chỉ tới hai giờ là xong, thôi.

— Có chắc không? — một cậu khác hỏi lại

— Rồi đấy mà xem chúng tớ tin vào tốc độ đổ bê-tông xưa nay của công trường, đã từng đạt 25 tấn 30 mét khối một giờ. Bây giờ đường đi có khó cũng phải

đạt được chín đến mười mét khối một giờ, thế mà đã đổ được 60 mét khối rồi đấy.

Mọi việc cứ trôi chảy và bê-tông đã đổ gần xong. Phía cuối đã đầy, mấy chiến sĩ đang cầm bay tuyết trên mặt cho nhẵn. Tân lùn đã có mặt ở đó rồi. Tôi yên tâm đứng ung dung, ra dáng một anh kỹ thuật trưởng. Chỉ còn đầu trên là chưa đầy, thì đã có Hòa khênh túc trực rồi. Chà! Mà cũng chẳng có gì đâu. Cũng chỉ đổ bê-tông xuống rồi đầm là cùng! Tôi chắc mâm phen này nhất định xong sớm và cảm thấy yên lòng. Có tiếng đồng chí ca trưởng đứng trên mặt cầu hỏi vọng xuống.

— Thạch! Còn khoảng mấy khối nữa hở Thạch? —
rồi anh nhìn tôi! Thấy mắt cười có vẻ hài lòng lắm. Tuy chưa bấm đo số cụ thể, tôi cứ trả lời như vậy.

— Còn ít thôi! Đại khái khoảng 2 khối nữa là cùng.

Không chờ tôi nói hết câu, đồng chí ca trưởng đã quay về đài truyền thanh. Tiếng đồng chí phấn khởi vang lên trên loa phóng thanh:

— Ca bê-tông cuối cùng của ngày hôm nay đã sắp hoàn thành. Chỉ còn hơn hai khối nữa là hoàn chỉnh. Mỗi máy, các đồng chí trộn thêm ba mẻ nữa rồi cho máy nghỉ.

Hòa khênh vội đến gặp tôi, nói:

— Phải hơn bốn khối nữa anh à! Thế ai báo còn hai khối nữa đấy, anh ra báo lại cho các máy trộn tiếp đi!

Mình vừa báo đấy! Thì cũng chỉ còn hơn hai khối nữa thôi, đào đâu ra hơn bốn khối? Cứ nhìn, khoảng cách chiều dài còn lại và xem chiều sâu của các vỉ đầm là tính toán ra chứ, làm gì phải đo cụ thể. Cậu cứ yên trí, xong đến nơi rồi đấy!

Hòa không trả lời tôi, vừa đi về phía máy đầm tôi đoán chắc hẳn Hòa sẽ phục sát đất về cách đo đạc của

tôi. Chẳng là mấy lần trước, đồng chí ca trưởng đã nói với tôi về cách đo. Tôi càng bước lại gần tổ máy điện thấy Hòa khềnh đang trêu mấy cô 202 - dân công thủy lợi - đang phết giấy ở kẽ ván tầng dưới, cười khúc khích với nhau:

- Các em ơi, cần thận, đừng mãi nhìn các anh mà ngã xuống thì khổ các anh đấy!

- Cảm ơn các anh đã quá lo lắng đến chúng em! Các anh cứ lo sao cho tốt công việc của các anh đi đã. Còn riêng anh đứng cho chắc nhé. Chớ liếc ngang liếc dọc ngã xuống đập vỡ bê tông thì khổ đấy! - Một cô có đôi mắt hóm hỉnh mặc chiếc áo tím trả lời.

Nghe đến đó, Hòa khềnh đang cười, mím ngay môi lại cho kín chiếc răng khềnh và trèo nhanh lên mặt cầu giữa những tiếng cười giòn của mấy cô gái. Cô áo nâu bả, cô áo tím.

- Cái Hiền nói quá lời về anh ấy tự ài!

Chộp được tên cô áo tím, tôi lên tiếng:

- Cô Hiền ơi, cô tên là Hiền mà chả hiền tý nào cả, phải tên là Chanh, là Chua thì mới đúng! Thế là cô đã giải khát cho anh bạn tôi một bữa ra trò rồi đấy!

- Vàng, tên thế cũng được, vốn dĩ mà! Thế anh có cần giải khát không, em sẵn sàng giải khát cho cả anh nữa đấy!

« Cô gái này ghê thật » - tôi nghĩ thầm và định tìm một câu trả lời thì thấy phía sau xôn xao cả lên:

- Ô, sao lại ngừng cả lại thế này nhỉ? Chưa xong mà đã kêu gào về sinh hiện trường.

Mấy ông kỹ thuật đâu, ra gọi bê tông về đây mau lên, còn đến hai khối nữa chứ ít à?

Tôi vội vã quay lại nhìn vào lòng cốt-pha. Tôi sững sốt « Sao lại thế này nhỉ? Còn khoảng hơn hai khối nữa

thật!» Tôi lưỡng cuống, đỏ cả mặt khi nhìn thấy ngoài kia các cô đội 202 đang gọi nhau về. Tôi hấp tấp trèo lên mặt cầu, chạy về đài chỉ huy, thấy đồng chí ca trưởng, tôi báo cáo:

— Đồng chí ca trưởng ơi bê-tông bây giờ vẫn thiếu đầm đồ chưa xong, đề nghị đồng chí cho gọi đội 202 lại đầm đồ tiếp.

— Còn nhiều là bao nhiêu? Đồng chí nói rõ đi! — qua ánh điện tôi thấy đã có sự bối rối hiện trên nét mặt ca trưởng. Tôi lắp bắp đáp:

— Còn hai khối nữa ạ!

— Còn hai khối? Hừ, anh báo cáo kiểu gì đấy? lúc này 2 khối, bây giờ lại 2 khối! Làm ăn như thế có bằng giết nhau không. Lúc nào cũng qua loa đại khái, không chú ý tới công việc, cứ tưởng nuốt chửng ngay đấy. Chuyển này người ta không cuốc mặt cả tôi lẫn các anh ra ấy à?

Vội dánh điệu vội vã, trưởng ca bước nhanh về hồ móng. Tôi lật đật chạy theo. Tiếng mấy cậu lính đầm bàn tán:

— Mọi hôm ông Sơn ông ấy đi sâu sát thế mà hôm nay chỉ ngồi một chỗ ôm lấy cái đài mà la hét, cho nên mới ra nông nỗi này đây.

— Ủ mà phải, mấy bữa trước các bố được khen, tưởng như thế là ghé gôm lắm, khinh tuốt tất cả, thì bây giờ cứ cho cấp trên khen...

— Còn mấy ông kỹ thuật nhà ta thì sao? mới tập tành mà đã đòi đỡ ông đỡ thẳng, ra cái điều ta đây biết lắm, hiểu nhiều, có ông còn chưa có lấy một mảnh giấy chứng nhận sơ cấp kỹ thuật, mà đi đâu cũng lên mặt kỹ sư.

Thấy chúng tôi đến, tốp chiến sĩ đó im lặng. Hòa khênh và Tân lùn cũng đứng lặng suy nghĩ.

T. trông ca soi đèn vào hố móng rồi làm toáng lên :

— Thước đâu, sao không đo, sao không tính toán mà lại ước lượng đại khái thế này ?

Tôi đứng im lặng, Hòa khênh lên tiếng :

Tôi đã bảo với đồng chí Thạch ngay từ đầu là còn khoảng bốn khối, mà đã định đo cụ thể nhưng đồng chí Thạch gạt đi...

Tôi cứ im lặng, đành nghe mọi người nói, tôi nghĩ « Chắc chuyện này Hòa khênh tha hồ trả đũa tôi ! » Tôi nhớ lại, mới tuần trước, giữa tôi và Hòa đã có một va vấp với nhau, về kỹ thuật. Hôm ấy Hòa được cử trực kỹ thuật ở một ca bê-tông, tiến độ thi công đang tốt thì xảy ra chuyện bất ngờ : ván khuôn bị hở, mà Hòa không biết cách xử trí, Hòa chưa hiểu cấu tạo của thành cốt-pha ra sao. Đáng lẽ lúc đó tôi phải bình tĩnh giải thích nhẹ nhàng cho Hòa hiểu, nhưng tôi đã không làm thế, mà cứ to tiếng, thật lòng, lúc đó tôi có ý lên mặt với mấy cô gái gần đấy :

— Cậu là kỹ thuật hay là gì mà cứ đề thế này mà làm ? Cậu không biết ván khuôn à ?

— Tại tôi không biết cấu tạo của thành cốt-pha ở phía dưới, Hòa thành thật trả lời, cho nên không biết là ván khuôn bị hở.

Khi họp tổ kỹ thuật tôi đã nặng lời buộc tội cho Hòa trước mặt các cán bộ chỉ huy thi công.

— Anh định đổ trách nhiệm lên đầu tôi chứ gì ? Tôi bực tức nói với Hòa, sau đó tôi tạo « lá chắn » cho mình. Nhưng cái căn bản là tốc độ đổ bê-tông của công trường ta tương đối nhanh nên tôi sợ thừa như mấy lần trước.

— Ông bảo thủ lắm, Ông Thạch ạ! — Tôi lên lên tiếng, ai mà chả có sai lầm? Thì rõ ràng sai lầm này của tổ kỹ thuật chúng ta là làm chưa đến nơi đến chốn. Bây giờ cãi vã nhau cũng vô ích, hãy cùng nhau bàn cách khắc phục đề tiếp tục hoàn chỉnh phần việc còn lại.

Tôi hỏi trưởng ca :

— Làm thế nào bây giờ hả thủ trưởng? Hay ta lên loa gọi các chị em 202 trở lại làm nốt công việc.

— Gọi? Không thể làm thế được! Trưởng ca trả lời — đã tuyên bố xong rồi, người ta về, còn mặt mũi nào gọi họ lại nữa kia chứ! Thôi, bây giờ lát nữa các đồng chí còn lại ở đây, ta tổ chức nhau làm tiếp vậy.

Nghe đến đó, mấy chiến sĩ trẻ nhào nhác:

— Ai thông báo sai thì ở lại mà làm. Chúng tôi không thể đảm đương được phần việc của nhiều người. Ai làm thì làm, còn chúng tôi về.

Hải là tay cứng cổ có tiếng ở tổ, nổi khùng và lên giọng:

— Cố gắng! Lần nào các anh cũng kêu gào, chúng tôi cũng cố gắng nhiều rồi, lần này chúng tôi không cố được. Sức khỏe chúng tôi có hạn. Anh nào cố được thì ở lại mà cố với mấy ông « kỹ sư trẻ » và ông chỉ huy quan liêu, để khiêng nốt phần việc còn lại.

Tôi cứ lặng im nhẫn nại nghe mọi người nói, mặt nóng bừng. Chắc chuyến này họ tha hồ được trả thù tôi thoải mái vì những xích mích kỹ thuật trong thời gian qua. Từ « kỹ sư trẻ » mà Hải dùng để mỉa mai tôi. Tôi giận Hải lắm, mà cũng tức với Hòa nữa, cùng tổ kỹ thuật với nhau, khi gặp « hoạn nạn » không đỡ cho nhau một vài câu lại còn vùng vằng thế này, thế khác. Thế là uy tín của tôi và cả tổ kỹ thuật bị giảm sút. Vừa

giận bạn, vừa giận mình, tôi ngồi phệt xuống đồng vấp hai tay lay đầu.

Trưởng ca lên tiếng:

— Chúng ta không cãi vã nhau làm gì. Đẳng nào, chúng tôi cũng khuyết điểm rồi! Muốn hay không, chúng ta cũng phải làm nốt phần việc còn lại, thà cứ cùng nhau làm đi cho xong chuyện còn có ích hơn là cãi vã. Bây giờ chúng ta bắt tay làm luôn. Các đồng chí cào gạt và đảm giao dụng cụ cho tổ kỹ thuật đảm nhận, còn các đồng chí chở bê-tông với máy cò 202 còn lại.

Một cậu bật dậy sốt sắng hưởng ứng:

— Trưởng ca nói nghe được đấy, nào quay lại làm đi các cậu ơi!

Có tiếng con gái lao xao. Tôi ngẩng lên thấy mấy cô đã đến ngay trước mặt, và không khỏi ngạc nhiên, vẫn cô Hiền áo tím bản nãy. Cô bước lại gần đồng chí trưởng ca nói:

— Báo cáo đồng chí trưởng, tôi đề nghị đồng chí cho chị em tôi tham gia cùng làm với các anh bộ đội cho chóng xong công việc.

Tôi mừng quá, đứng dậy nói:

— Cảm ơn cô Hiền, và các cô đã trở lại cứu nguy cho bọn tôi một bàn thua trông thấy.

Mấy chiến sĩ định bỏ về, nhưng thấy mấy cô gái quay lại làm giúp, bảo nhau ở lại tiếp tục ca đêm.

Hòa khèn nằm ngay hai càng xe cút kít xóc lên và đẩy nhanh về phía trạm trộn.

Ngoài kia, máy trộn đang tiếp tục chuyển động, vẫn những vòng quay hối hả, đã thấy mấy cô gái đẩy những xe cút kít, đẩy bê-tông lên giàn dáo, tôi cầm lấy chiếc cào mái miết cào vội bê-tông xuống. Khi

ngẩng lên bắt gặp ánh mắt của Hiền áo tím đang nhìn tôi dịu dàng, tươi tắn. Hiền mỉm cười và đẩy mạnh chiếc xe bê tông hòa vào dòng người hối hả, thấp thoáng bóng áo nâu, áo trắng có xen vào màu áo xanh của các chiến sĩ.

Bên cạnh tôi, Hòa và Tân đang mãi miết đấm. Mồ hôi đã ướt đầm lưng áo hai người. Tôi bắt gặp ánh mắt của Hòa đang nhìn tôi động viên. Tôi phàn khởi hẳn lên, và hiểu Hòa, Tân tuy có gay gắt trong đấu tranh phê bình những thiếu sót của tôi, nhưng cũng sẵn lòng cùng tôi khắc phục những sai sót đó.

Đồng chí ca trưởng bây giờ cũng luôn chân luôn tay, lúc đẩy giúp xe này, lúc đỡ giúp xe kia, mồ hôi ra ướt đầm lưng áo.

Đến về khuya phần việc còn lại đã hoàn thành. Mọi người đều vui vẻ, dường như quên đi những chuyện xảy ra lúc nãy. Ánh điện soi rõ mái tóc hoa râm của đồng chí ca trưởng bết trên vầng trán có nhiều nếp nhăn ru ru, mấy ai đã biết lòng tôi đang xúc động và hối hận: «Ừ nếu mình làm tốt ngay về những gì đã xảy ra vào cuối ca bê tông đêm nay từ đầu thì đâu đến nỗi đề cho mọi người vất vả, phải gánh vác lấy mệt nhọc vào người». Tôi cứ đứng tần ngần suy nghĩ

Bỗng có tiếng Hải gọi:

— Về nghỉ đi anh Thạch ơi, đề mai có sức tiếp tục làm việc.

Tháng 6 năm 1982

LÁ THƯ TRẢ LẠI NGƯỜI GỬI

Gần kết thúc buổi liên hoan văn nghệ mừng xuân mới của lưu học sinh Việt Nam tại thành phố Leningrát, tôi bỗng nhận ra một dáng người rất quen thuộc, trên sân khấu đang say sưa hát một bài hát Việt Nam. Có lẽ đó là Bảo - cô bạn gái cùng phố tôi năm xưa.

Không còn tin ở mắt mình nữa, tôi rời chỗ ngồi đi về phía sân khấu. Vừa dứt tiếng hát, cô gái lùi về phía sau trong tiếng vỗ tay râm ran ngoài hội trường. Tôi nhìn cô gái một lần nữa để xác định cho thật dáng người mình muốn tìm. Còn đang xúc động, khuôn mặt Bảo ửng đỏ với cặp mắt to, trong sáng, thông minh, đôn hậu và hiền dịu. Tôi nhận ra Bảo qua cặp mắt ấy: Người ta nói cặp mắt là : « Cửa sổ của tâm hồn ».

Bảo đi về phía hội trường nhẹ nhàng né người, tránh tôi đang đứng cản lối.

- Bảo ! Có phải Bảo không ? Tôi dặt giọng gọi khi cô đi qua tôi

Cô quay lại, chưa nhận ra tôi ngay :

- Vâng chào anh ! À... hình như...anh ở... Bảo hơi ngập ngừng vẫn chưa nhận ra người vừa hỏi mình.

- Bảo không nhận ra anh ? Không lẽ, anh già và thay đổi quá nhiều hay sao ?

— Anh Trang! Trời, anh Trang thật — Bảo kêu lên gần như lạc giọng. Anh thay đổi nhiều quá! Trông anh đồ sộ, chững chạc và anh lại mặc quân phục nữa thì làm sao em nhận ra được — Bảo vỗn vã đến mức làm tôi lúng túng.

Tôi mời Bảo về kí túc xá của chúng tôi. Trời sáng lắm, tuyết như những chùm bông nhỏ trắng nõn bám vào áo, vào mũ chúng tôi. Bảo cho biết cô sang Leningrat nghiên cứu đề tài về nuôi cấy một loại vi sinh vật trong sản xuất dược liệu chữa bệnh. Gần một năm nữa cô bạn sẽ hoàn thành bảo vệ luận án phó tiến sĩ. Còn tôi, cũng khoảng nửa năm nữa sẽ tốt nghiệp học viện quân sự.

Sau phút xúc động ban đầu về buổi gặp gỡ bất ngờ. Bây giờ cả hai chúng tôi đều im lặng: Im lặng đầy suy tư. Bằng ấy năm đối với Bảo và tôi bao nhiêu đổi thay... chúng tôi đi xuống ga tàu điện ngầm tôi nhớ lại cách đây đã lâu ở nước nhà có lần tôi đã gặp Bảo ở ga Đồ Lèn vào buổi chiều cuối năm 64 kỷ niệm ấy đã sống lại trong tôi.

Chuyến tàu Vinh ra hãm dần tốc độ rồi dừng bánh. Tôi nhanh nhẹn bước lên tàu, người nhẹ tênh, thanh thản với bộ quân phục sạch sẽ gắn đôi cấp hiệu binh nhì. Tôi được lệnh về sư đoàn khám sức khỏe để chuẩn bị đi học. Học gì thì chưa ai cho biết. Từ Đồ Lèn, nơi đại đội tôi đóng quân — về Bim Sơn — vị trí sư đoàn bộ, có hai ga xe xếp, tôi không mang hành lý. Gần một năm làm lính, tôi đã có kinh nghiệm: càng nhẹ nhàng đơn giản bao nhiêu, càng tiện lợi bấy nhiêu. Tôi phác nhanh phương án lưu trú ở Bim Sơn như sau:

Nửa tiếng đồng hồ nữa, kể cả tàu dừng tại ga Cầu Cừ 3 phút, tôi sẽ có mặt tại nhà khách sư đoàn bộ. Ngày mai, khám sức khỏe xong — mà nhiều lắm là hết buổi sáng — chiều, cũng giờ này, tôi sẽ lại có mặt ở Đồ Lèn. Chọn một chỗ nơi đầu toa, tôi đứng ngắm trời Thanh Hóa buổi chiều. Mặt trời chưa lặn hết xuống núi, gió cuối năm se se lạnh.

Chuyến tàu Hà Nội — Vinh hú một hồi còi dài phía ngoài ga rồi xồng xộc lao vào. Tiếng phanh rit ken két hai tàu tránh nhau ở đây.

— Anh Trang, anh Trang ơi ! Có, tiếng con gái gọi tôi lạnh lạnh.

— Tôi đảo mắt nhìn. Kia rồi. Bảo — Cô bạn gái cùng phố. Bảo chạy đến chỗ tôi, nói trong hơi thở.

— Anh đi đâu, anh Trang ?

— Anh đi công tác. Còn Bảo đi đâu ?

Em đi học trung cấp được anh ạ. Ông chú em ở Ty y tế Thanh Hóa giới thiệu em thi vào trường được Thanh Hóa. Trúng tuyển, thế là em đi, em định học tiếp cấp 3 nhưng lớn quá rồi, ngưng chết.

Trông Bảo cũng lớn lắm rồi. Đã ra dáng một thiếu nữ. Chiếc áo xanh Bảo vẫn mặc, nay chật cứng, làm nổi những đường cong của một cô gái đang độ dậy thì. Chưa đầy năm xa quê, đi nghĩa vụ, chưa đầy năm không gặp Bảo, nay trông khác hẳn. Bảo kém tôi 2 tuổi, học sau tôi 3 lớp. Ngày còn ở nhà có bao giờ Bảo gọi tôi là anh đâu. Còn bé thì mày tao, cậu tớ, lớn một chút và những lúc tỏ ra nghiêm túc Bảo gọi tôi là ông, xưng tôi. Có lẽ hôm nay, lần đầu tiên Bảo gọi tôi là anh. Chúng tôi đang đứng giữa những người tứ xứ trên toa. Một điều nữa : Nhìn tôi trong bộ quân phục có lẽ trông chừng lắm, lần đầu Bảo gọi tôi bằng « anh ».

— Kia ! Anh Trang nghĩ gì mà nhìn em ghê thế ?

— Không ! chỉ thấy Bảo... tôi định nói « xinh ra » nhưng tôi kìm lại, e sỗ sàng quá : — Tôi thấy Bảo lớn lên nhiều quá. Mới 10 tháng xa nhau.

Cánh học sinh, làng nhàng như bọn tôi đều công nhận Bảo xinh. Ở Bảo không có cái gì xuất sắc nhưng nước da khỏ người, khuôn mặt, cặp mắt đến mái tóc, dáng đi... Hình như được sắp xếp hài hòa cân đối làm cho Bảo nổi bật lên trong số các cô gái cùng lứa tuổi. Cái biệt danh « Bảo hợp lý » do vậy mà có.

Ở gần nhà Bảo nên tôi biết có khá nhiều bạn trai muốn làm thân với Bảo. Có cả một anh bộ đội đã 25 - 26 tuổi gì đó, công tác ở 1 đoàn văn công quân đội cũng ngấp nghé « tìm hiểu » Bảo. Nhưng Bảo chỉ thân có mình tay Trọng - bạn thân nhất của tôi. Vì vậy mà giữa Bảo và tôi có một tình cảm rất đặc biệt : Thân thiết nhau nhưng tôn trọng nhau và sẵn sàng bảo vệ nhau nữa. Sắp tới ngày đi và Trọng lên đường nhập ngũ thì Bảo với Trọng dường như đã thực sự gắn bó rồi. Nhà tôi thường là nơi hẹn gặp của hai đứa. Cũng chỉ là những câu chuyện không đâu, có xen kẽ những câu nghiêm túc nhưng nghe chúng nó nói chuyện, tôi thấy là lạ, vui vui. Có lần Trọng nói với tôi : Tao thật khó lý giải, một ngày chưa gặp mày, tao thấy nhớ nhớ như chưa làm xong việc gì. Nhưng nếu không gặp Bảo, tao thấy nao nao thế nào ấy ! Vậy là gì, Trang ? Trọng thừa biết có hỏi tôi cũng không thể giải thích được điều gì. Hơn tôi một tuổi, nhưng về chuyện này, Trọng hơn hẳn tôi. Thật lòng Trọng thú nhận với tôi về việc cậu ta đã yêu Bảo.

Tàu sắp chạy, Bảo về toa mình rồi vội vã trở lại gặp tôi và đưa tôi một phong thư :

- Em định vào trường, ôn định đâu đấy mới gửi lá thư này cho anh Trọng, nhưng tiện gặp anh đây, nhờ anh chuyển giúp. Bạn quá, em chưa kịp trả lời mấy lá thư vừa qua, chắc anh ấy đang mong.

Đến lúc này tôi mới chợt nhớ ra và nói với Bảo.

- Trọng đang rất nóng lòng vì không thấy thư Bảo đấy.

Còn nhớ Trọng vừa nói với tôi tối qua : đã viết cho Bảo ba thư mà vẫn không thấy trả lời. Hay Bảo giận ?

- Đoàn tàu chúng tôi chuyển bánh, tôi nói to trong tiếng tàu chạy xinh xịch :

- Bảo yên trí nhé, anh sẽ chuyển tới Trọng, tối mai là cùng. Đi, học giỏi nhé, nhớ thư luôn !

Bóng Bảo đứng trên sân ga Đò Lèn nhỏ dần, chỉ còn bàn tay vẫy vẫy. Tôi nhớ mãi cặp mắt như chứa đầy hy vọng của Bảo lúc đó.

∴

Một tiếng đồng hồ sau khi khám sức khỏe, tôi được gọi lên tiểu ban quân lực trung đoàn. Anh Lại Khắc Đăng - trưởng tiểu ban, người gầy nhỏ nhưng nổi tiếng cần thận, tỉ mỉ, anh nói với tôi :

- Cậu là một trong số anh em sẽ đi học đào tạo sĩ quan khóa tới. Vì có việc đột xuất, trung đoàn quyết định cậu ở lại trung đoàn bộ làm một số việc. Từ nay, cậu sẽ là người của tiểu ban quân lực. Ngủ, sẽ ở chỗ kia - anh chỉ tay về góc nhà có chiếc phản trống : chỗ cậu Thành đang đi viện.

-- Báo cáo anh, công việc chừng bao lâu xong ? Tôi mạnh dạn hỏi.

— Ba ngày, nhưng sao?—thấy tôi có dáng bần khổ, anh hỏi ngay.

— Sau đó tôi được về đại đội chờ lệnh đi học?

— Có thể sẽ không về đại đội nữa. Lúc đó còn tù.

— Nhưng... tôi ngập ngừng: còn quần áo, tư trang tôi để dưới « xê », hôm qua không mang theo gì về đây cả.

— Việc đó mình đã nghĩ tới. Ban trưa gọi điện xuống gặp anh Trà, anh Cường dưới « xê » các cậu, anh ấy đồng ý rồi. Anh Hòa người tiêu banta đang ở dưới đó, chiều mai về sẽ mang theo tất cả cho cậu. Tối nay mình sẽ lo mành cho cậu ngủ. Được không?

Tôi quen sống đơn giản, nhẹ nhõm. Không lo số tư trang, quần áo của mình, chỉ bần khổ; đáng lẽ chiều nay Trọng sẽ được đọc thư Báo—lá thư Trọng đang nóng lòng chờ và hình như lá thư này còn rất hệ trọng đối với cuộc đời hai người. Thư rất dày, cộm túi áo ngực tôi!

Mọi việc như có sắp đặt sẵn rồi. Tôi bắt đầu làm việc dưới sự phân công của anh Đăng. Anh giao tôi sao lại toàn bộ danh sách có cả phần trích yếu lý lịch của cả trung đoàn sang một sổ mới đẹp hơn. Công việc cần xong trong 3 ngày. Tôi bắt tay vào viết, viết lu bù, chữ tôi vốn đã khá đẹp, anh yêu cầu viết đẹp nữa. Tôi cố viết thật nhanh, hy vọng có thể sớm được một buổi. Ba ngày nữa đã là thứ bảy, nếu xong, tôi sẽ xin phép, đáp tàu về Đồ Lèn gặp Trọng.

Buổi trưa thứ bảy, tôi viết xong. Anh tỏ ra hài lòng, khen tôi và giao tôi kẻ một số mẫu biểu vào các quyển sổ mới. Sổ theo dõi tồn thất, mất mát trang bị, vũ khí trong chiến đấu, sổ theo dõi tình hình thương vong, sổ theo dõi đào lạc ngũ và mất tích...

Tôi cảm thấy có một cái gì đó rất hệ trọng đang đến với trung đoàn tôi. Và bây giờ tôi mới để ý thấy : cơ quan trung đoàn bộ mấy hôm nay chộn rộn khác thường, người đi lại nhiều. Buổi họp ban chỉ huy trung đoàn đêm qua đèn sáng rất khuya. Sớm nay, cán bộ đơn vị vội vã lên rồi lại vội vã ra về...

Buổi chiều, cơm xong, anh Đăng bảo tôi dọn tất cả sổ sách đã chuẩn bị vào một túi bảo mật rồi mang theo anh. Gần một giờ đi bộ, chúng tôi tới một khu đất bằng phẳng xen giữa hai quả đồi nằm ở phía tây thị trấn Bim Sơn. Trong bóng tối, tôi thấy lỗ nhỏ nhiều bóng người. Từng tốp đi lại, tiếng nói chuyện thì thảo luận thuốc lá lập lóa. Đây là những cán bộ thuộc ba cơ quan trung đoàn và các phái viên tiền trạm của các « xe » bộ binh và các « xe » trực thuộc.

Lát sau, các đơn vị rậm rịch tới, Tiếng chân người bước, chạy. Tiếng trang bị va nhau, tiếng khẩu lệnh ngắn, sắc, gọn của tham mưu trưởng Bào.

Tôi giúp anh Đăng kiểm tra quân số, trang bị, vũ khí từng đơn vị trong trung đoàn. Ghi lại những ý kiến của dưới đề nghị giải quyết các trường hợp chưa có có mặt : người đi phép, người đi viện, người đi công tác...

Quá nửa đêm, việc kiểm tra đã xong, các đơn vị dồn ra tập hợp vòng vức giữa bãi trống.

Trăng hạ tuần lên cao. Sương xuống hơi lạnh. Thiếu tá chính ủy trung đoàn Lê Ngọc Chân đứng đối diện hàng quân. Đầu anh sớm hói, hơi bóng lên dưới ánh trăng. Cạnh anh là lá cờ trung đoàn. Anh bước lên dăm bước, đồng dục, nghiêm trang : -

- Các đồng chí. Trung đoàn ta đã nhiều lần báo động, đó là tập. Còn hôm nay, chúng ta sắp có một

vinh dự lớn. Nguyên vọng khát khao của người lính là được chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân. Trên đất nước, còn một tên giặc, người lính chúng ta chưa được quyền nghỉ đến nghỉ ngơi. Hôm nay dưới lá cờ truyền thống của trung đoàn, tôi vui mừng được truyền đạt tới toàn thể cán bộ chiến sĩ trong trung đoàn ta: trung đoàn vừa nhận lệnh lên đường chiến đấu, giải phóng miền Nam thân yêu! — Anh cao giọng, nhấn mạnh từng chữ như để mọi người cùng nghe thật rõ. Hàng quân im phắc. Trong tiếng gió cuối năm, nghe xào xạc tiếng lá múa cọ vào nhau. Xã Hà Bắc nằm bên kia sườn đồi đang dội lên tiếng gà gáy, canh nhất nhiệm vụ chiến đấu địa bàn hoạt động, hành động tiếp theo đây của trung đoàn ta, các đồng chí chỉ huy đơn vị sẽ nhận cụ thể. Thay mặt Đảng ủy và ban chỉ huy trung đoàn, tôi xin nêu với các đồng chí một số điều — giọng chính ủy chuyển sang tha thiết, dịu dàng, vừa như tâm sự, vừa như diễn giải, thuyết phục. Anh nói về bước đường xây dựng, chiến đấu của trung đoàn, về chiến thắng chùa Cao vẻ vang mà trung đoàn mang tên, về những ngày tình nguyện giúp bạn Lào, về lớp người đi trước và thế hệ trẻ đang cầm súng ngày nay...

Nhiều năm tháng sau này, tôi nhớ mãi anh Chân và buổi tối nói chuyện ấy. Câu nói kết thúc của anh, tôi vẫn còn nhớ như in « Đối với chúng tôi — những người lính già, và các đồng chí — những người lính trẻ, nghĩa vụ trước mệnh lệnh là giống nhau: vừa là trách nhiệm, vừa là trái tim! »

Sau buổi lễ « tế cờ » ra quân ấy, trung đoàn tôi di chuyển sang vị trí tập kết mới và hành quân luôn cho tới tận hôm nay vẫn chưa có dịp trở về khu doanh trại cũ của mình ở thị trấn Bim Sơn.

Tôi là một trong số ít người ở lại : người quá yếu sức chờ ngày giải ngũ ; người trông coi bảo quản khu doanh trại ; người ở lại giải quyết tiếp một số việc rồi được theo trung đoàn sau ; người chờ đi học đào tạo tại các trường xa để đáp ứng cho yêu cầu lâu dài, tôi nằm trong số này.

Ba ngày sau, anh Đảng chia tay tôi, cùng nhóm người cuối cùng đuổi theo trung đoàn. Lúc này tôi mới được biết : ngay tối hôm trung đoàn báo động, đại đội tôi cũng tập kết tại khu B và hiện nay đã hợp điểm với trung đoàn tại một nơi cách đây 3 ngày đường. Trọng đi rồi, tôi đi Đò Lèn làm gì nữa. Lá thư của Bảo vẫn cùm cùm trong túi áo ngực tôi. Gửi cho ai ? Trọng đi chưa có địa chỉ, Bảo đi học cũng chưa có địa chỉ.

Nhưng tôi tin sẽ có dịp gặp Trọng để đưa lá thư đó. Nhất định là như vậy, quả dặt tròn mà !

Tôi mang ba lô lên nhà khách sư đoàn nghỉ, chờ ngày đi học.

..

Khóa đào tạo sĩ quan của chúng tôi vừa khai giảng được mấy tháng thì giặc Mỹ ồ ạt ném bom miền Bắc. Trong những ngày tháng 2 năm ấy, máy bay Mỹ tập trung đánh phá ác liệt nhiều nơi, trong đó có Hàm Rồng và Đò Lèn — những địa danh rất quen thuộc của tôi. Ngồi học đó mà lòng chúng tôi như có lửa đốt. Mặt trận chống chiến tranh phá hoại, bảo đảm giao thông trở nên vô cùng ác liệt và cấp bách. Chương trình học của chúng tôi là 3 năm, nay rút xuống còn 9 tháng. Mặt trận đang cần rất nhiều cán bộ công binh. Lễ tốt nghiệp khóa sĩ quan công binh năm ấy tiến hành sau một tuần lễ

thực hành bắc cầu và ghép phà qua sông Cầu. Nhận quân hàm và quyết định điều động hôm trước, hôm sau, chúng tôi lên đường ngay. Tôi được điều về một đơn vị công binh vượt sông đang làm nhiệm vụ tại bến phà Đò Lèn.

Theo quyết định điều động, còn ba ngày nữa tôi phải có mặt tại đơn vị. Thời gian đó quá đủ để tôi ghé qua nhà thăm mẹ tôi.

Chuyến tàu đêm dừng lại ở ga Ninh Bình. Nhà ga chính bị giặc Mỹ đánh bom tan tành. Ga sơ tán dựng tạm cạnh núi Cảnh Diều, sát khu trường cấp 3 ngày xưa chúng tôi học. Cảnh vật lạ quá, mới chưa đầy một năm về trước, khi con tàu đưa tôi từ Bim Sơn qua đây trên đường đi học, thị xã còn trù phú, đông vui. Tiếng chị phát thanh viên còn lạnh lạnh vang trên hệ thống loa của tàu: « Quý khách đang qua cầu Ninh Bình, bên phải đoàn tàu là núi Cảnh Diều có hình một thiếu nữ nằm ngủ, phía trái đoàn tàu là sông Vân, cạnh sông là núi Non Nước - một thắng cảnh nổi tiếng ». Tôi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm lúc thiếu thời. Chưa đầy một năm, chiến tranh làm thay đổi nhiều quá, phố xá ngồn ngàng hố bom, nhà đổ, cột điện gãy...

Trường chúng tôi học năm xưa bây giờ sơ tán về đâu? Bạn bè cùng phố tôi, bây giờ ra sao? Và gia đình tôi, mẹ tôi, chị gái tôi, các cháu - con chị tôi?

Tôi lặng lẽ trong đêm về ngôi nhà cũ. Phố vắng, nhà nào cũng vắng, tất cả im lặng và tối tăm như giữa bãi tha ma. Nhà tôi cửa khóa chặt, lại buộc thêm bằng một đoạn dây thép, nút buộc xoắn tay trái - kiểu buộc của mẹ tôi. Cả nhà chỉ có mẹ tôi thuận tay trái. Tôi vào nhà bằng lối cửa sau. Trong nhà càng tối và hơi ẩm. Mẹ tôi đi sơ tán đâu đó chắc đã lâu. Vài ba tháng lại

đây tôi không nhận được thư nhà. Tôi treo võng giữa 2 cây cột, bên hàng hiên nằm suy nghĩ miên man Nhớ làm sao những kỷ niệm tuổi thơ ở ngôi nhà này.

Buổi sáng hôm sau, tôi đọc được trên tấm cánh cửa trước nhà một hàng chữ bằng phấn : nhà đi sơ tán. Địa chỉ liên lạc : « Xưởng cơ khí Hoa Lư Ninh Bình ». Nét chữ chị tôi — chắc anh rê tôi đã cùng xưởng di chuyển về đó. Bác Hồng — dân phòng khối phố cũng cho biết mẹ tôi sơ tán về một xã tận huyện Lạc Thủy Hòa Bình. Hỏi nhà Trọng về nhà Bảo cũng di sơ tán từ mấy tháng trước rồi. Tôi tìm trong nhà được một viên phấn âm viết xuống dưới hàng chữ của chị gái tôi : « Con về, gấp quá, lại đi ngay, chưa có địa chỉ mới. 2-10-1965 -- Trang ».

Chiều hôm đó tôi lại xốc ba lô ra tàu về Đồ Lèn trước hẹn hai ngày.

Tôi được bổ nhiệm làm trung đội trưởng một trung đội cần thuyền, chuyên bắc cầu cho xe qua sông Đồ Lèn. Cầu của chúng tôi là loại cầu nổi chế thức, được ghép lại bằng những chiếc phao sắt rỗng, chế tạo theo một mẫu thiết kế thống nhất và đồng bộ, ô tô chở các phao sắt đó đến bến thả xuống sông rồi ghép lại với nhau sẽ thành những chiếc cầu hoặc phà tùy theo ý định. Khi cầu, phà muốn di chuyển, xe ô tô lại tiếp cận bến, có một bộ phận tự động tới kéo các phao nổi đó lên sàn xe và hành quân.

Ở bến cầu Đồ Lèn ác liệt này, chúng tôi đã sáng chế ra kiểu bắc cầu nổi tiếng toàn binh chủng : ghép cầu quay trong hành tiến. Chiếc cầu nổi vắt ngang sông

Lên - rộng trên dưới 120m, chúng tôi ghép hết chừng 14 - 15 phút. Về sau thời rút dần xuống còn 8 - 9 phút. Và kỷ lục nhanh nhất chúng tôi đạt được khi tôi lên chỉ huy đại đội là 7 phút 40 giây. Bằng ấy thời gian trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ là vô cùng lợi hại. Có người tính rằng, sau trận đánh phá bến vượt, máy bay Mỹ bay về căn cứ hạm đội, hạ cánh, phi công chưa rời khỏi khoang lái, cầu chúng tôi đã bắc xong. Bắc với tốc độ ấy đơn vị tôi tháo cầu còn nhanh hơn. Sau tín hiệu báo động, chỉ 5 tới 6 phút sau, cầu đã dỡ và cất giấu xong. Bến sông lại vắng tanh. Chính vì thế mà hơn nửa năm ở bến Dò Lèn, ngày ít nhất cũng chịu 4 - 5 trận bom, cả đơn vị tôi không một ai bị thương, vong, không một phao thuyền nào trúng đạn, không một xe nào bị cháy.

Đêm nào chúng tôi cũng lăn lộn với sông, với biển. Dòng sông Lèn, mới hơn năm về trước trong xanh đôi bờ lúa vàng và có những đàn trâu ne cỏ lững thững về thôn trang, bây giờ hai đầu bến tan hoang, chiếc cầu sắt gãy gục. Khu doanh trại đơn vị cũ của tôi xây dựng cạnh một ngôi chùa, nay bom đạn cũng san bằng. Chỉ còn lại một phần cái tháp tam quan, tường vỡ từng mảng. Một con đường mới làm dành cho ô tô chạy giữa làng Kim Ngọc ra bến phá cắt qua khu doanh trại ấy.

Tôi tìm gặp chị Minh - chị kết nghĩa của tôi và Trọng. Chị đưa tôi xem lá thư của Trọng viết về cách đây gần 10 tháng Trọng cho biết đang trên đường đi B, dừng lại bắc cầu ở một bến sông trên đường hành quân. Thư Trọng viết vội, vẫn chưa có địa chỉ.

Tôi và Trọng xa nhau quá rồi. Hơn một năm trước, từ Bism Sơn về đây, nếu tôi dẫn lên, chạy về đưa cho Trọng lá thư của Bảo. Đề Trọng được đọc, được biết

ngoài hậu phương lớn có một người bạn gái đang dõi theo, đang mong chờ Trọng. Tôi biết, tay Trọng hằng mơ khi nào hết ba năm nghĩa vụ, Trọng sẽ về, thi tiếp vào đại học, trở thành kỹ sư hóa. Trọng mơ ước thành nhà hóa học. Cậu ta bảo thế kỷ này chưa thấy hết cái kì diệu của hóa học đến thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của hóa học. Lúc ấy chúng mình mới hơn 50 tuổi – cái tuổi đang cống hiến.

Ít lâu nay nghe rục rịch bên mạn Hậu Lộc, ngay đây có trường y trường được từ Thanh Hóa sơ tán về. Chắc Bảo học ở trường đó nhưng tôi không có điều kiện tìm gặp Bảo. Liệu Bảo có được tin tức gì của Trọng không?

Một thời gian sau, khi đại đội công binh tỉnh đội Thanh Hóa đã có thể tự mình bảo đảm giao thông ở bến Đò Lèn, đơn vị tôi rút đi làm nhiệm vụ ở nơi khác. Tôi được trên giao nhiệm vụ tổ chức một đại đội đi chi viện chiến trường. Trong cái náo nức và bận rộn của một cán bộ trẻ được đào tạo ở trường ra, tôi muốn được thử sức kiểm tra mình trong thực tế chiến tranh. Trọng cũng hành quân theo con đường chúng tôi sắp đi, cánh công binh chúng tôi cùng vào một chiến trường mà. Tôi còn có một niềm vui riêng: có thể tôi sẽ gặp Trọng, và chuyển lá thư của Bảo cho cậu ấy.

Đại đội tôi lên đường sau khi tổ chức được ít ngày. Đường Trường Sơn mở ra trước mắt tôi bao nhiêu mới lạ, kỳ thú. Qua một bến phà, nhịp cầu, một con đường, tôi đều tìm ra được dấu vết của đơn vị cũ.

Ở bến NT cũng con sóng rộng như sóng Lèn. Một đơn vị công binh quân khu 4 đang phục vụ. Hỏi ai cũng biết Trọng, một chiến sĩ trả lời tôi « Trọng Vàm cổ đồng chú gì? Chúng tôi nhớ lắm », « Chính đơn vị Trọng bán giao bến vượt này cho chúng tôi cách đây nửa năm ». Hỏi còn ở nhà, Trọng chơi ghi-ta khá, giọng hát của Trọng ấm và rất vang. Chắc « Vàm cổ đồng » là bài tú của cậu ta.

Tới một nhánh mới mở của đường 16, đồng chí gác « barie » cho biết là đơn vị Trọng mở đoạn đường này. Đạo ở đây, Trọng nuôi một con khỉ con, đi đâu nó cũng theo, rất tếu.

Tại bến B, anh em còn lưu truyền câu chuyện Trọng phá bom TN. Chiếc ca-nô phóng từ trường chạy tốc độ cao về dọn bến. Trọng đứng trên mũi ca nô, một quả bom nổ dăng ca-nô lên cao. Trọng bị hất tung lên một bãi cạn. Anh em ai cũng chạy ào đến, và nghĩ là Trọng đã hy sinh nhưng Trọng nhồm dậy luôn, hề hề cười.

Trọng còn làm thơ nữa. Một đồng chí công binh đáng lâu lĩnh cho tôi xem sổ tay của mình trong đó có chép lại bài thơ của Trọng. Bài thơ có đoạn kết :

« Rồi mai đây khi nước nhà thống nhất,
« Anh ghép cầu này bằng những nhịp bê-tông.
« Còn gỗ quý, anh bắc cầu du lịch
« Đề em dắt con thăm Tô quốc, được không ?

Đường chiến trường, càng vào sâu, dấu vết của đơn vị tôi của Trọng càng mới, càng rút lại gần nhau, chỉ cần cố thêm chút nữa, nhanh thêm chút nữa tôi sẽ đuổi kịp và sẽ bắt gặp những khuôn mặt thân quen, bắt gặp Trọng. Càng tìm đuổi, càng mong mỏi, Trọng càng trở

nên thân thiết đối với tôi. Tôi luôn mừng trọng tới nét mặt sùng sảng của Trọng khi đọc lá thư của Bảo. Lá thư tôi vẫn mang trong túi áo ngực.

Cuối cùng tôi đã đuổi kịp đơn vị cũ. Đại đội tôi trước đây, bây giờ đã phát triển thành một tiểu đoàn công binh. Lớp anh em cùng nhập ngũ có vài người không còn nữa, nhưng nói chung trưởng thành cả rồi. Khi gặp lại đồng đội cũ, tôi mừng quýnh. Hỏi đến Trọng, anh em cho biết cậu ấy bị thương trong một trận B52 «rải thảm» cách đây hơn một tháng. Vết thương vào đầu, khá nặng nhưng khỏi rồi, nay mai ra viện. Tôi nóng lòng không thể chờ lâu được, ngày hôm sau, tôi mang lá thư của Bảo, hỏi đường đến bệnh viện đã chẩn tìm Trọng. Lòng khắp khởi mừng thầm. Lần này thì chắc chắn gặp bạn cũ. Trọng sẽ không tưởng tượng nổi cuộc gặp gỡ bất ngờ này.

Tới bệnh viện, một y tá buồn rầu báo cho tôi biết Trọng mới gặp điều không may. Vết thương của Trọng ở đầu, não bị ảnh hưởng nặng. Đêm qua khi ra ngoài đi giải, chẳng may đầu Trọng bị va vào kèo nhà ngà bất tỉnh. Hiện Trọng đang bị trọng tình trạng hôn mê. Bệnh viện đang tìm mọi khả năng cứu chữa. Tôi tha thiết trình bày, các bác sĩ đồng ý cho tôi vào thăm Trọng. Trọng nằm đó, thêm thiếp, nước da tái nhợt, khuôn mặt gầy, võ vàng, trông Trọng như một cái xác. Tôi nắm bàn tay Trọng, hơi lạnh và như đã tê dại. Tôi định để lá thư của Bảo lại cho Trọng nhưng lại ngần ngại, biết bao giờ Trọng tỉnh. Các đồng chí ở bệnh viện cũng khuyên tôi chờ Trọng khỏe hẳn hãy đưa thư, lúc này cần hết sức tránh những xúc động mạnh. Tôi ngậm ngùi quay về.

Hai hôm sau được biết bệnh viện đã tổ chức một xe đưa Trọng ra tuyến ngoài. Nhưng sau đó, một tin sét

đánh làm tôi choáng váng: xe cứu thương đưa Trọng đi được hai cung đường thì bị trúng mìn, không còn ai trở về, cả lái xe, cả y sĩ đi hộ tống. Tôi đau lòng và âm thầm mang theo lá thư ấy trong túi ngực trong những ngày ở chiến trường phương Nam.

Sau chiến thắng 30-4-1975 tôi được gọi ra Bắc chuẩn bị đi học xa. Cũng là thời cơ tôi về thăm mẹ tôi sau 10 năm ở chiến trường. Ngôi nhà cũ của gia đình tôi ở thị xã Ninh Bình bị trúng bom sau chuyến tôi về thăm vợ và vàng ngày ấy. Khu đất phố tôi bây giờ là nơi sẽ quy hoạch xây dựng một nhà máy nào đó. Gia đình tôi ở lại trên Lạc Thủy Hòa Bình, không trở về Ninh Bình nữa. Anh chị tôi đã chuyển công tác ở một nhà máy cơ khí tận Thủ Đức. Bà con xóm giềng cùng phố trước đây cũng mỗi người mỗi nơi. Không sao biết chính xác tin tức của lớp bạn bè cùng lứa tuổi. Hòa bình gần năm rồi, không thấy Trọng về, cũng không có tin tức. Đã lâu, những lời đồn đại Trọng hy sinh càng trở nên có thực. Họ nói cái chết của Trọng cũng giống như tôi được nghe ở Trường Sơn. Bảo bây giờ ở đâu và ra sao cũng không ai biết?

Ngày lên đường sang Liên Xô học, trong những tư trang mang theo, tôi kẹp cẩn thận phong thư Bảo gửi cho Trọng khi xưa vào giữa cuốn nhật ký. Bây giờ nó là kỷ vật không thể đánh đổi được của người đã khuất. Ba bốn chục năm nữa, khi những vết thương chiến tranh trong lòng mọi người đã tạm lắng xuống, tôi sẽ chống gậy đi tìm Bảo ở một an dưỡng đường nào đó. Lúc đó chúng tôi đã trở thành những bạn già của nhau,

ngồi kể lại chuyện cũ và tôi sẽ mang theo lá thư này — lá thư gửi cho một người lính, nó đã theo một người lính đi gần nửa thế kỷ.

Hôm nay, tôi đã gặp lại Bảo, sớm hơn dự tính cũng chừng ba bốn chục năm. Bảo ngồi đó, khuôn mặt ửng đỏ vì cái rét phương Bắc và chưa hết xúc động vì cuộc gặp gỡ bất ngờ này.

Tôi pha trà nóng, cho thêm vào cốc mấy lát chanh vàng và chút đường — cách uống của người Nga mỗi khi trời rét. Bảo lặng lẽ khuấy đường — Im lặng, chỉ có tiếng thìa va lanh canh vào cốc. Dường như Bảo đang nghĩ miên man. Sau khi uống một hớp, Bảo phá tan sự im lặng :

— Em không thể nào tưởng tượng nổi lại được gặp anh ở đây. Lâu quá rồi, anh Trọng nhỉ. 16 — 17 năm rồi còn gì! Trông anh cũng chạc và thay đổi nhiều quá.

— Bảo cũng thay đổi nhiều chứ. Lúc đầu anh cũng ngỡ ngàng, nhưng càng nhìn, càng tìm thấy nhiều cái « hợp lý » quen thuộc của Bảo khi xưa. Tôi tếu một câu cho bớt căng thẳng đang đè nặng trong tôi. Tôi đang nghĩ tới Trọng « Giá Trọng còn sống... ». Tôi không muốn nhắc đến chuyện riêng, đến Trọng, sợ Bảo buồn.

— Kể từ cái buổi chiều cuối năm 1964 ấy, gặp anh ở Đò Lèn... Bảo khẽ khàng như nói với chính mình.

— Thôi, Bảo à, nhắc lại làm gì. Chiến tranh mà. Thế hệ chúng ta bị đảo lộn nhiều quá!

— Anh Trọng biết không, khoảng đầu năm sáu sáu, trường em sơ tán về Phong Mục — Hậu Lộc hỏi thăm

đơn vị công binh bên cạnh, biết có anh, em tìm đến thăm thì các anh đi nơi khác rồi.

- Anh ở Đò Lèn một thời gian rồi đi B ngay, cho tới tận ngày sang đây học, gần 4 năm rồi. Nhưng, Bảo biết không, anh đã không làm được cái việc Bảo nhờ. Lá thư của Bảo anh vẫn chưa đưa được cho Trọng. Bằng ấy năm ở chiến trường, anh đuổi theo Trọng. Cứ gần gặp được thì Trọng lại hành quân vào sâu hơn, xa hơn. Cho đến ngày, anh còn nhớ lắm, ngày 21 tháng 3 Trọng bị tai nạn sau hơn một tháng điều trị vết thương sọ não. Câu chuyện sau đó chắc Bảo đã rõ rồi. Có lẽ người ta cũng đã cho Bảo biết.

- Em rõ rồi. Đừng kể nữa anh Trang ạ. Em chịu đựng những mất mát và sẽ hy sinh hết cuộc đời em cho anh Trọng.

- ...

- Em muốn xin lại anh lá thư ấy...

- Không, Bảo ạ lá thư ấy đối với Bảo bây giờ không có ý nghĩa gì hết. Nó là kỷ niệm vô giá của anh - tôi cự tuyệt.

- Đối với em nó cũng có ý nghĩa không kém!

- Anh không còn một chút hiện vật gì thuộc về Trọng - tôi nói với Bảo mà như không tự chủ nổi mình. Định nói thêm: «Cuộc đời này, ngoài người mẹ già ra tôi chưa có và cũng không có gì hết, một mối tình, một người bạn gái... Những kỷ niệm của tôi về Trọng càng trở nên quý giá.»

Cặp mắt Bảo hơi ngơ ngác rồi bỗng như đoán ra ý tôi, ánh lên một vẻ tinh nhanh hóm hỉnh:

- Vậy, em xin đổi cho anh một thứ khác.

- Còn phải xem thứ đó là gì đã.

Bảo vội tay lấy túi xách, rút ra một tấm ảnh đưa tôi.

— Xin đời anh thứ này.

Tôi đỡ tấm ảnh, nhìn, một bức ảnh gia đình. Không thể tin ở mắt mình nữa. Người ngồi trong ảnh là Trọng, ống tay áo bên phải lếp xẹp buồng thồng, Trọng có giả đi đôi chút và hơi gầy. Người đứng cạnh là Bảo, tay bế một bé gái kháu khỉnh chừng 2 tuổi. Cặp mắt cháu bé trong sáng, to, tròn như cặp mắt Bảo. Khuôn mặt cháu lại giống hệt khuôn mặt Trọng. Tôi hiểu ra rồi.

— Trọng còn sống thật ư? Bảo không nhầm đấy chứ?

— Thế anh nói sao, anh Trọng chết rồi sao?

— Mọi người đều nói với anh như vậy.

— Lúc đầu, em cũng nghĩ như vậy. Ai cũng nói anh ấy hy sinh rồi. Nhưng sao em cứ tin là anh Trọng không chết, sẽ có ngày anh ấy trở về — Bảo sôi nổi kể cho tôi nghe như đã thuộc lòng — Em tin, nhưng cũng có cơ sở của nó. Gia đình anh Trọng không hề nhận được giấy báo tử. Lờ mờ đại thi nhiều, nhưng em ngờ có sự nhầm lẫn nào đó. Nhiều lần em hỏi thị đội không trả lời đích xác được. Giải phóng miền Nam xong, vẫn không thấy anh Trọng về, em càng lo. Em đến bộ chỉ huy quân sự tỉnh hỏi cũng không có một văn bản nào xác định về anh Trọng. Có một anh cho biết có thể anh Trọng đang ở một trại an dưỡng nào đó ở một tỉnh miền Trung. Cá tính và những tài vật của anh Trọng thì anh ta nói đúng lắm, nhưng người thì anh ấy tả không giống. Bảo tiếp tục dòng tâm sự: biết đầu chiến tranh đã làm người ta thay đổi vóc dáng và gương mặt thì sao? Cũng đã hơn chục năm chúng em xa nhau rồi. Theo địa chỉ ghi được em xin nghỉ phép năm đi tìm anh Trọng. Tới nơi, đúng là anh Trọng thật nhưng anh không còn như lúc ra đi. Một chân và một tay anh không còn nữa. Em thuyết

phục thể nào anh Trọng cũng nhất định không về quê ngay. Và khuyên em quên anh, ấy di, nên xây dựng với người khác vì gắn bó với anh, em sẽ rất khổ. Anh định dăm ba năm nữa, sẽ báo tin về gia đình, còn anh sẽ sống ở trại an dưỡng suốt đời. Về sau, đến mức em phát khóc lên, anh mới đồng ý về. Đơn vị làm thủ tục cho anh rất nhanh, em thay mặt gia đình đứng ra ký giấy bảo đảm đưa anh về nuôi. Cũng không hiểu sao lúc đó em mạnh dạn và quyết định nhanh đến thế. Chúng em, cả 2 đứa đã ai nói với nhau câu gì đâu. Lá thư trả lời anh Trọng thì anh còn đang giữ đó. Trên đường về, anh Trọng kể em nghe là sau cái đêm khủng khiếp ở bệnh viện dã chiến ấy, không rõ bao lâu nữa, anh tỉnh lại thấy mình nằm ở một đội điều trị. Người ta nói lại rằng xe cứu thương chở anh ra Bắc trúng mìn, người lái và y sĩ hộ tống ngồi phía trước đều hy sinh. Anh thoát chết có lẽ do nằm ở phía sau, lại nằm trên hai cái đệm mút. Không ai tin anh có thể sống nổi. Thế mà anh sống. Vết thương khỏi, anh về công tác tại một đơn vị địa phương của tỉnh. Một lần đi công tác bị lộ, anh bị trực thăng quây và bắt sống khi anh bị thương vì một quả M79. Chúng đưa anh ra Phú Quốc. Cánh tay phải anh bị mất vì chúng không chịu băng bó vết thương, cánh tay ấy sau này, bị hoại tử. Đầu năm 1973, được trao trả tù binh, anh xin về địa bàn cũ và cũng thật không may, một lần anh bị đập trúng mìn. Anh bỏ một chân ở đấy...

— Bây giờ Trọng ở đâu?

— Chúng em trở về Nam Định, nơi em công tác, nhà nước cấp cho chúng em một ngôi nhà nhỏ và chúng em cũng đã có một cháu gái. Bức ảnh này chụp năm ngoài khi em về phép.

- Tên cháu là gì?

- Chúng em đặt tên cháu là Thu Trang, để ghi nhớ anh đấy, anh Trang ạ. Anh Trọng nói thế.

Tôi mân mê tấm ảnh, trân trọng hạnh phúc của Trọng, trân trọng mối tình của Bảo.

- Định đổi anh tấm ảnh này. Liệu anh có bằng lòng không?

Bảo hỏi tôi.

- Sợ Bảo thiệt.

- Không, anh Trang ạ. Lá thư của chúng em, anh còn giữ tới ngày nay là tấm lòng của anh đối với chúng em đấy. Tình bạn và đồng đội là vô giá anh Trang ạ.

Tôi kẹp tấm ảnh gia đình Bảo vào giữa cuốn nhật ký và trao lá thư cho Bảo. Bì thư là một tờ giấy học sinh gấp lại, các góc đã sờn. Nét chữ trên bì rất mảnh mai, yếu ớt, nét chữ của một cô gái vừa học xong lớp 7. Lá thư đã theo tôi suốt bằng ấy năm, trên khắp nẻo đường chiến tranh và qua vạn dặm sang tận thành phố Leningrát này.

Bầu trời nước Nga tuyết vẫn rơi lả tả. Những ngày có tuyết là những ngày trời rất sáng và đẹp.

PHẠM BÙI TRUNG

ĐÊM VƯỢT SÔNG

Ký

Sắp đặt lại nơi ăn chốn ở xong, tôi đang mân mê cái điều đình làm một mồi thuốc cho ấm bụng thì một chiến sĩ đột ngột bước vào cửa, đồng dạc:

— Báo cáo đồng chí tổ trưởng. Tôi binh nhất Vũ Hà, tốt nghiệp lái xe khóa ngày.....tháng.....năm.....tại trường được bổ xung về tổ, có mặt.

Lần đầu tiên trước một chiến sĩ trẻ nghiêm chỉnh, tôi hơi lung túng. Tôi không đứng dậy đáp lễ được, vì cái áo đang lòa xòa ngoài quần, chưa đạt tác phong một chỉ huy «cỡ tôi»:

— Chú mày nghiêm túc quá. Tôi vẫn cầm cái điều trên tay. Đặt ba lô xuống đi làm gì mà cứ đứng như cây chuối thế kia. Tổ là Lượng. Nhớ tên tổ trưởng chưa nào?

— Rồi!

Ngay tối hôm ấy, tôi đã được biết sơ lược về chàng tân binh của tổ tôi. Hà là con một công nhân lái tàu hỏa, đang học dở lớp 10 đã bí mật làm đơn tình nguyện vào bộ đội. Đến ngày tập trung lên đường Hà mới báo tin cho mẹ. Tuy bà mẹ giận dữ, nhưng rồi bà tắt

tả làm bữa xôi gà, ấn đầy vào túi sách cho Hà. Đêm đầu tiên còn nằm ở phố huyện, Hà đã khóc, bồi hồi viết thư về xin lỗi mẹ và báo tin cho bố.

Biết tôi là lái xe bạc hai, Hà reo lên như bắt được của quý. Tuy không ưa gì khói thuốc缭绕 nhưng cậu ta cứ ném chần vào giường tôi đòi ngủ chung. Khi đã quen hơi bén tiếng nhau, tối nào Hà cũng bắt tôi phải kể một chuyện gì đó về xe máy, không thì cậu ta quấy rầy đến khó mà ngủ được.

Hôm chủ nhật, Hà xin ra thị trấn. Gần trưa, tôi đang đốc ngược cái túi lấy thuốc vụn thì Hà về. Vừa bước vào cửa, Hà đã khoe rối rít:

- Anh Lượng có quà nhé
- Chú em có món gì nào?
- Đố anh đoán được đấy - Hà hi hi cười, mặt cứ nghiêng nghiêng,

Mọi câu phỏng đoán của tôi đều sai cả. Khi thấy cậu ấy đưa ra năm gói thuốc缭绕 nhãn hiệu An Thái, thơm nức thì tôi không khỏi ngạc nhiên. Đạo ấy thuốc缭绕 đang là hàng « chiến lược » của cánh nghiện chúng tôi. Có thuốc phải phải truyền qua tay ba người, hút xong chẳng còn tí sai nào dính trên nõ điếu. Thế mà hôm nay Hà kiếm đâu ra những ngà này? Mấy anh chàng đang đánh bài ngủ thấy hơi thuốc xô cả lại, rõ tung ngay một gói ra vừa hút vừa ha hả cười và hất vắn:

- Chú mày kiếm đâu ra của quý đấy hả:
- Một miếng khi đói bằng một gói khi no chú mày quan tâm tới các anh quá đấy. Ha... ha... ha,
- Nhưng mua ở đâu mới được chứ? Hay chú em được nhà hàng ưu tiên giá « cắt cổ ».

Hà cứ mồm mỉm cười, đầu nghiêng nghiêng khiến hai cái tai to, bóng mượt như cánh mộc nhĩ cứ rung rung theo. Hà nhếch môi như khoe cái răng khềnh và kê lại:

— Các anh đoán sai hết—Hà giảo đầu bằng câu ấy—em vào cửa hàng mua cái bút chì xanh đỏ, trông thấy sốt thuốc lào dầy ắp nhớ ngay là anh Lượng đã hết thuốc. Quay ra ngoài soi mình qua cửa kính ngắm cái vô lăng ở cổ áo, chỉnh đốn trang phục đầu ra đẫy rồi mới bước vào. Em nói với cô bán hàng: «Tôi sắp được về phép, muốn mua gói thuốc lào về làm quà cho ông bố». Cô bán hàng đưa cặp mắt huyền vào ve áo em «Chà! Lúc ấy mặt em nóng ran lên và có lẽ phải đỏ như quả cà chua chín. Cô bán hàng mới hỏi «Cháu ở đơn vị nào?». Nghe cô em hỏi mà choáng cả tai chũ. Trông dáng cô ấy hơn em được mấy tuổi mà dám xưng hô như thế. Nghĩ tới anh Lượng, nghĩ tới các anh, em mới nén nỗi cơn «sĩ» lại và nói thực địa chỉ của mình. Cô gái bỗng lên một tiếng, đưa cặp mắt ranh mãnh nhìn em hỏi: Ở chỗ bác Lượng chú gì? Mua thuốc về biếu bố hay biếu bác đấy? Thấy cô ta «gỗ trúng tim», em trở nên lúng túng. Đang tính cách dảng sau quay thì cô ta lại hỏi: Bác Lượng sắp chuyển ngành rồi phải không? Em mới ngớ người ra và đành «thú» là mới về nên chưa biết.

Khi Hà kể tới đoạn câu ta đưa tay ra đón năm gói thuốc mà tim cứ gỗ thình thịch thì cả tờ cười rộ lên.

Hà có một bộ máy thính giác khá đặc biệt. Hai tai cậu ta to, dài tai lại chúc xuống trông rất ngộ nghĩnh. Biệt hiệu «Hà bát giới» Hà lại rất thính tai nữa. Cậu ta có thể phát hiện ra âm thanh của một còi kim rơi chạm đất. Đi đâu với Hà, tôi cũng thấy yên tâm như

có một «ra da» trong buồng lái. Xe đang chạy, cứ thấy cậu ta vênh cái tai qua cửa ắt là đã có sự cố, phải chuẩn bị tinh thần đối phó với một là máy bay, hai là pháo kích của địch. Khi Hà đã một mình sử dụng được một xe thì bao giờ cậu ta cũng phải đi tiên phong để làm cái chức năng «ra da» cho cả đoàn.

Càng về sau này tôi càng thấy Hà là một tay ham mê kỹ thuật. Có thể nói sự ham mê ấy hơn cả một chàng trai si tình Đầu giường, ba lô của Hà lúc nào cũng lủng củng những sách vở không biết chàng bình nhất ấy kiếm đâu ra cả những thứ sách mà tôi nhìn vào không đọc nổi một chữ. Hà có quyền sở dầy hàng dốt ngón tay. Chẳng mấy ngày không thấy cậu ta ghi ghi chép chép. Đang nằm trong chăn nghe tôi giảng giải về một chi tiết kỹ thuật nào đó Hà cũng vùng dậy ghi liền vào sổ, chẳng quản gì rét buốt. Gặp phải căn bệnh hóc búa của xe, chẳng bao giờ Hà hỏi tôi ngay mà cứ tự xoay xở, tìm cách chữa - tôi cũng cứ làm thinh. Đến khi thấy cu cậu ngồi thừ ra, đưa cánh tay miết mồ hôi trên trán, cặp mắt nheo lại nhìn lên một cành cây nào đó, tôi mới đến gõ mõ cho cậu ta. Hà im lặng mở tròn cặp mắt nhìn, cái đầu cứ nghiêng nghiêng, ngó ngó, nhưng chẳng reo lên bao giờ. Chỉ khi cùng nằm trong một chiếc chăn. Hà mới ôm lấy tôi thủ thỉ khen tôi tài giỏi vả nói lên những mơ ước của mình. Những lúc ấy tôi thường đưa bàn tay sờ sắn chai xoa lên làn da mịn, non tơ của Hà và tôi dụi dụi cái cằm râu vào má và cặp tai của Hà, chú bình nhất khúc khích cười, tụt xuống dụi dụi bộ tóc mềm mềm vào ngực tôi...

Tôi và Hà sống đầm ấm như thế được ba năm thì đơn vị chọn Hà đi học lớp đào tạo tiểu đội trưởng.

Sau đó thật không ngờ Hà lại trở về làm tiểu đội trưởng của chính tiểu đội tôi. Thấy Hà trưởng thành tôi cũng mừng và sen lẫn mềm tự hào nhỏ nhỏ nữa. Cậu ấy trẻ, lại có văn hóa và tha thiết yêu nghề nên tiến bộ là phải, có đâu như tôi, bây giờ ra đường tôi cũng giở sách, giở chú rồi, có học cũng khó mà theo kịp lớp trẻ, cốt sao hoàn thành nhiệm vụ, không để cho trên chê dưới trách là được. Cùng lắm thì chờ khi kết thúc chiến tranh sẽ chuyển về cơ quan nào đó. Nhận cái xe mà chạy cho đến lúc bạc tóc rồi về với vợ với con. Sự nghiệp của tập thể chẳng đến tay những tay như Hà thì đến tay ai. Cậu ta như cây gỗ quý được Đảng và quân đội gieo trồng, vun đắp, mình sẽ là người siêng năng góp công chăm bón. Thế chẳng phải là niềm hạnh phúc hay sao? Cứ nghĩ như thế nên từ trước đến nay tôi đã không tiếc gì công sức dạy nghề cho Hà. Điềm lại thì có « bảo bối » kỹ thuật nào của tôi, Hà cũng ghi vào cuốn sổ tay của cậu ta.

Nhưng rồi mâu thuẫn giữa tôi và Hà cứ dần dần nảy nở, dấu hiệu đầu tiên rõ nét nhất bắt đầu từ mùa huấn luyện năm bảy mốt. Đơn vị yêu cầu chiến sĩ lái xe phải trực tiếp tham gia luyện tập kỹ thuật bậc cầu ghép phá. Nghĩ mình đã có ba tuổi quân làm lính công binh, lại thấy đảng nào tiểu đội cũng phải để một người bảo quản xe máy và tăng gia nên tôi đề nghị ở nhà làm những công việc ấy. Hà nhất quyết không chấp nhận mà lại cử một người khác. Cậu ta lên giọng giải thích « Anh giỏi kỹ thuật công binh phải tham gia để nâng thành tích của tiểu đội ta, thành tích huấn luyện lần này là một chỉ tiêu thi đua của cả năm đấy ». Là tiểu đội phó, dấu sao tôi cũng phải chấp hành. Sau mấy ngày đầu thấy điềm thi đua của tiểu đội thấp

hơn một số tiểu đội bạn, Hà có vẻ cay cú. Họp tiểu đội Hà nêu ra nào là có phải tư tưởng coi thường huấn luyện, ngại rét, ngại khổ đã làm cho tiểu đội phải thua kém không. Biết tính hiếu thắng của Hà và cũng không muốn gây ra mâu thuẫn nữa, nên tôi chẳng buồn phát biểu gì mà chỉ nghĩ mình là lái xe mà cứ muốn giỏi kỹ thuật công binh hơn cả chiến sĩ công binh, thật lạ lùng!

Lại một lần vào buổi sáng thứ bảy, Hà phân công tôi đi dọn nhà xí—một công việc lâu nay mấy cậu trẻ tuổi, nhanh chân nhanh tay vẫn thường đảm nhiệm. Đang phải tranh thủ giặt chăn màn do trận mưa rào đột ngột đêm qua làm ẩm ướt, tôi nhờ Dự làm thay. Thế là Hà gọi ngay Dự đi làm việc khác. Cuối giờ tổng vệ sinh, cậu ta còn chạy ra nghiêng ngó kiểm tra. Giá tôi không tranh thủ dọn qua loa đi rồi, chắc ngài tiểu đội trưởng cũng chẳng nề. Vài hôm sau Hà còn vẽ ra một bản phân công. Từ đó cứ đúng đến lượt, tôi lại phải «tự giác» cầm chổi mà đi... Những lúc ấy quả thực lòng tôi cũng âm ỉc khó chịu.

Cho đến cuối năm bảy hai, giặc Mỹ điên cuồng bắn phá miền Bắc. Vào một đêm trăng, tiểu đội đang phải gấp rút chuyển một số khí tài bổ sung cho đơn vị làm nhiệm vụ ở tuyến đường X. Cả đơn vị đang tiến hành thì phải ngừng cả lại, trước một dòng sông, phương tiện đảm bảo vượt sông ở đây có bốn cái phà vừa bị địch bắn phá, mạch máu giao thông bị tê liệt. Bến sông vắng ngắt, nham nhở hố bom, nồng nặc hơi khét. Cây gạo phía hạ lưu vẫn thường làm xiêu cho phà cập bến bị đổ rạp xuống bật bộ rễ tua tủa lên trời. Tôi nhìn cảnh tàn phá ấy thì Hà bước đến hỏi.

— Ngầm Eo Lê ra sao anh?

— Cậu định quay lại đi đường một hả? Tôi hỏi —
muộn rồi, lúc này tớ đi sau thấy nước đã mấp mé ống
xả rồi.

Hà im lặng một lúc rồi đột nhiên hỏi:

— Ghép phà vượt sông: chỉ còn cách đó thôi, anh
thấy thế nào?

— Tôi đang ngăn người ra trước câu hỏi thì Hà lại
lên tiếng

— Phác tính số khí tài trên các xe của mình đủ ghép
một cầu phà, anh em mình đều ít nhiều biết kỹ thuật.
Chả lẽ ta lại chịu để dòng sông này cản đường hay
sao?

— Cậu tính kỹ đi — tôi bảo

— Phải xuống kiểm tra bến bãi đã anh ạ!

Hà xồng xộc đi xuống bến. Tôi định can ngăn nhưng
lại nghĩ chưa cần thiết nên thôi.

Không gian mờ ảo dưới ánh trăng vàng ố. Chỉ một
thoáng bóng Hà đã lẫn trong màn sương. Một cơn gió
bắc ò đến. Tôi rùng mình ớn lạnh. Dòng sông trắng
bạch, mờ mịt sương đêm. Con tắc kè đầu đay bỗng cất
tiếng, nó chậm rãi điềm nhíp « Tắc... kè » nhíp kêu thưa
dần, yếu ớt. Tôi đoán chắc nó bị thương trong trận bom
vừa rồi. Nghe tiếng kêu của nó mới lạnh và dễ thương
làm sao!

Thấy Hà đi lâu, tôi sốt ruột gọi hai ba lần mà chỉ thấy
tiếng cậu ta đáp lạnh lạnh ở mãi tận hẻm núi phía
thượng lưu. Tôi bước vội xuống thấy Hà, vội hỏi liền:

— Không có ea nô, cậu định lấy gì đưa phà sang
sông?

— Khó nhất là việc ấy đấy anh ạ — giọng Hà vui vẻ —
nhưng em tìm được một cách rồi. Này nhé: lợi dụng

đường dây mắc qua sông vẫn còn. Đấy, anh cứ rập người xuống là nhìn thấy đường dây rất rõ, ta sẽ cố định phà vào dây cáp nó mắc pu-ly đang lòng thòng ngoài sông kia, thế rồi đưa xe lên và chỉ còn việc đẩy sào cho thật khỏe.

Tôi nhận ra ngay là Hà định ứng dụng phương pháp của công nhân bến phà này vẫn dùng. Tôi thầm nghĩ «Cứ dễ như dây con thuyền gỗ sang sông ấy»; Tôi đoán cuối cùng Hà sẽ phải hỏi ý kiến của tôi.

— Không dễ dàng như thế đâu — tôi bảo

— Sao? Hà làm bộ ngỡ ngàng

— Phải lượng được sức mình chứ, anh thấy (không hiểu sao tôi lại gọi Hà là anh như thế). Cả đại đội phải có đủ khí tài và phải có ít nhất một ca nô mới có thể ghép phà vượt dòng, tiểu đội mình đây có hơn chục người, lại toàn lái xe với nhau. Anh em thì mấy đêm mất ngủ rồi. Trời lại giá lạnh, liệu vượt sông được hay lại bị dòng sông cuốn cả khí tài này ra biển.

— Anh có cách nào khác không? Hà hỏi lại

Tôi nghĩ một lúc rồi trả lời:

— Tính cả rồi: Mình đang trong thế tiến thoái lưỡng nan. Phía trước dòng sông chặn đường. Phía sau ngầm nước lũ cản lối. Phương án vượt sông của cậu thấy cũng khó thực hiện được. Mà ai yêu cầu mình làm như thế đâu. Lái xe, tắc đường thì tìm chỗ mà sơ tán. Mai kia bến phà ở đây người ta phải có trách nhiệm lo lắng cho mình chứ.

— Ôi! Hà kêu lên — Tìm chỗ mà sơ tán! Đơn vị sắp bước vào chiến dịch rồi. Anh không thấy số khí tài này không đưa đến kịp thì đơn vị chỉ có mà bó tay thôi à? Kế hoạch vượt sông của các đơn vị xe-tăng.

pháo binh sẽ bị ngừng trệ. Mà chiến trường đạo này đang cần thiết những gì thì chắc anh cũng rõ.

— Nhưng có phải do mình đâu ?

— Anh định đổ tội cho thằng Mỹ chứ gì ? Hay tại bến phà ? Vì gì đi nữa thì anh cũng đừng quên là ta đang nắm phương tiện vượt sông trong tay.

— Đúng là mình đang có phương tiện vượt sông thật. Tôi nhấn mìn : nhưng tôi hỏi anh, tại sao lần ở đèo Yên Ngựa, tôi với anh lại phải nhịn đói mà nằm phơi mình ra giữa đường để cho thằng F4 nó đến choảng bom đập cho vỡ cả hai cửa kính. Là vì mình không đủ tài mà trị được cái bệnh hóc búa trong bụng con tuần mã của mình chứ gì ? Đấy anh tưởng khó khăn nào cũng vượt qua được hả ? Trong lĩnh vực kỹ thuật, cái gì cũng phải có giới hạn của nó chứ. Dòng sông kia không phải là hiền lành đâu !

Thấy Hà nin lặng, tôi dụ giọng :

— Trong trường hợp này cậu nên nghe tớ, mào hiểm nhờ ngã là đau không gượng dậy nổi đâu. Mà cậu đau thì tớ cũng chẳng hay ho gì.

Hà vẫn lặng im, đi đi lại lại, thỉnh thoảng đưa mũi bàn chân miết xuống đất. Hai bàn tay bóp mạnh vào nhau kêu răng rắc. Rồi bằng giọng nhẹ nhàng Hà lại nói :

— Phải cân nhắc kỹ đã anh ạ.

Hơn một giờ sau, Hà vẫn quanh quẩn dưới bến. Vài cậu tù trước đến nay vẫn được xếp vào diện hăng hái của tiểu đội cũng chầu đầu bàn tính rồi xuống với Hà. Đa số anh em thì tỏ ra khó chịu, họ quây lấy tôi, bàn tán om xòm. Có cậu phát khùng nói toáng lên « Tiến lên được thì tiến, không thì gài sớ mà lùi chứ sao cứ giam nhau mãi ở đây ».

Từ dưới bến đi lên, Hà tập trung tiểu đội, phổ biến ý định vượt sông, mọi người đã nhao nhao ý kiến :

- A trưởng định nấn gân chúng tôi chằng ? Chúng tôi có phải cõng binh đâu mà bàn chuyện ghé phà.

- Thi đa số chúng mình chẳng từ công binh mà ra cả đấy à. Theo tôi hãy loại trừ những ý kiến bàn lùi ra đã.

- Nhưng không có ca nô bát thì chúng ta kéo phà tay vo hay sao ? Nhiệm vụ không phải, vạ gì mà quàng vào. Trót lọt thì phồng mũi lên một tý. Nhỡ xảy ra tai nạn, trôi mất khí tài có mà ăn đạn.

- Mày sợ đạn hả ? Thế thì ở nhà mà đuổi gà cho vợ cho xong.

- Thôi, thôi ! Làm gì mà nặng sị cả lên thế. Cậu nào có đồng hồ thử xem đã tới chín mươi chưa.

Câu nói của Sơn « Bà Lân » - Chả là cậu ta có lần đồ xe ở dốc Bà Lân - Thế mà cũng làm thay đổi được không khí cuộc họp. Tôi lăm vào tay Sơn ra hiệu để yên cho mọi người phát biểu nhưng cậu ấy lại khoái chí cười khanh khách. Đột nhiên Sơn vỗ vào vai tôi, giọng như « bát vỡ » :

- Phải đề cho quân sự Gia Cát định đoạt xem sao đã.

Cuộc họp càng trở nên im lặng. Mọi người như đang chờ đợi ý kiến của tôi.

Ngay từ đầu, tôi đã không hài lòng với thái độ của Hà. Cậu ta không cần nghe tôi nên đã bày ra cuộc họp này chứ gì. Thực ra đến lúc này tôi thấy ý định vượt sông của Hà không phải không có căn cứ. Mạo hiểm thật đấy, nhưng nếu cả tiểu đội dốc hết sức ra, thận trọng mà làm thì cũng có thể thực hiện được. Nhưng thực hiện rồi đề mà làm gì ? Trước hết là tự rước lấy

nguy hiểm, gian khổ vào thân. Cuối cùng có thành công thì cái cấp phó như tôi với anh em chiến sĩ được bằng lộc gì. Ngược lại xảy ra tai nạn, tội lỗi lại đổ cả vào đầu tôi chứ ai chịu thay cho tôi. Lại thấy âm ỉc với câu « mời » của thằng Sơn nên tôi chỉ « yêu cầu tiểu đội bàn bạc thêm » mà không phát biểu dài.

Hà chấn chỉnh lại cuộc họp rồi bắt đầu đưa ra phương án vượt sông. Giọng Hà đanh, chắc như tiếng dao chặt gỗ lim. Vừa nói Hà vừa chém chém bàn tay lên trước mặt. Điều bộ như không gì ngăn nổi quyết tâm ấy.

Cuộc họp lại xôn xao. Người bàn ra, kẻ tán vào nghe rối tai. Bỗng Hà cắt ngang một ý kiến. Giọng cậu ta sôi lên :

– Chúng ta bàn cãi thế là tạm đủ rồi. Bảy giờ ai nhất trí vượt sông theo tôi.

Quyết định đột ngột của Hà khiến tôi hồi hộp. Tiểu đội mười hai người, tám cái bóng bước đi. Sơn với hai cậu nữa ngấp ngừng một lúc rồi cũng bước theo nốt. Tôi đứng lặng người ngơ ngác như người bị lạc đường.

Ngồi một mình trong ca-bin, tôi chỉ còn biết lấy cái điều cây làm vui. Muốn hút một điều thuốc thật say để lim dim con mắt mà thiếp đi một giấc. Nhưng hút mãi vẫn chỉ thấy chối cổ họng, đầu óc vẫn tỉnh khô. Tiếng xe nổ ì ầm. Tiếng người hô hét gọi nhau, tiếng va chạm của khí tài, và tiếng gió rít đồn dập dội vào tai tôi. Ca-bin như rỗng hẫng trống trải, càng ngồi càng thấy lạnh. Mỗi tia gió lọt qua các khe hở như có hàng chục mũi kim châm vào thân thể. Ngả đầu, ngửa mặt nhìn lên nóc ca-bin tôi đắn đo : Chả lẽ cứ ngồi mà chờ đợi hay sao? Với tiểu đội ít ra mình vẫn là một tiểu

đội phó ; với Hà mình vẫn phải là một thắng anh của nó cơ mà ! Ý nghĩ ấy đã giục tôi mở cửa xe, bước xuống bến.

Hà thấy tôi chỉ hỏi qua một câu nhưng không giao việc. Tôi tự tìm công việc cho mình. Anh em tiểu đội thấy tôi xuống thì vui hẳn lên. Không khí làm việc càng thêm sôi nổi.

— Cái dầm này nằm ở vị trí số mấy hả anh Lượng ?

— Kéo khoang thuyền anh Lượng vào— mau lên để mình anh ấy sẽ trôi mất bây giờ !

— Anh Lượng ơi, sao hai cái đầu dầm nó lệch nhau thế này ?

— Nối dầm nhé... kéo vào... ào... hai ba này... chỉnh lên... thế .. thế, được rồi.

Tôi bị cuốn vào công việc từ lúc nào không còn nhớ nữa. Chỗ này gọi, chỗ kia ơi ơi. Lúc ấy mới thấy hết giá trị vốn hiểu biết kỹ thuật công binh của mình. Ai hỏi, tôi cũng chỉ bảo đến nơi đến chốn và có lúc cũng quát tháo ầm lên. Cho đến khi sờ tay lên lưng áo thấy đã đầm sương đêm thì con phà được lắp ghép hoàn chỉnh.

Con phà nép mình vào bến và cũng những ô tô qua sông. Một chuyến, rồi hai chuyến...

Con phà cứ lăm lũi sang sông như con thoi. Những con sóng dềnh lên, đập vào mạn phà tung tóe. Nhịp hồ đây sào sâu trăm và rộn rã. Gió vẫn rít qua làn da thấm mồ hôi. Màn sương đêm mỗi lúc một dày, tưởng chừng ngửa tay hứng được. Nhưng chính lúc ấy, mỗi lần rạp lưng xuống dây sào cho phà nhích dần sang, tôi lại như thấy rõ đường gân của lưng con sóng, thấy rõ nhịp đập của trái tim mình.

Nước lũ triều dâng cuồn cuộn, phà vẫn niu chắc vào đường cáp, ung dung rẽ sóng. Một đàn vạc vỗ cánh xáo xạc qua đỉnh đầu, buông xuống những tiếng kêu thảng thốt xa dần.

— Khởi động cái điều chút đã anh Lượng ơi!

Lời rủ của Sơn bị ngay một câu khác áp đảo:

Động... động cái gì, mới nirt mắt cũng thuốc Lào sông sọc. Không thấy nước triều đang lên đấy à? Tranh thủ mà làm đi đã.

— Bà mẹ chồng ơi - Sơn đáp bằng quơ - làm gì mà quá quắt với nhau đến thế. Nhưng nhằng hàng tiếng đồng hồ chẳng sao, người ta hút điều thuốc Lào mà cũng om xòm cả lên.

Câu nói của Sơn làm tôi chợt dạ « Giá mình ủng hộ ý định của Hà ngay từ đầu thì công việc đã ổn rồi không »

Sơn tay cầm sào, tay cầm điều thuốc sẵn tới chỗ tôi ga găm:

— Làm điều chứ anh, mấy nữa mà xong

— Còn tôi khi tài lên nữa đấy cậu ạ

— Vâng thì tôi khi tài - Sơn vẫn lem lem - chuyển phà nữa, ba mươi phút, hai tiếng tôi khi tài, thế chứ mấy! Ba giờ là anh em mình ung dụng trông buồng lái rồi. Cứ số bốn, số năm mà quất, tôi đơn vị khéo mà trời lại chưa kịp sáng ấy chứ.

Tôi đang định móc túi cho Sơn gói thuốc thì bỗng thấy cây sào trong tay oai về đằng trước.

— Tuột dây! Ối!... tuột dây ghim phà rồi!

Tiếng kêu như một dòng suối xối vào lồng ngực tôi. Phà lừ lừ trôi. Tiếng hò của Hà nhều lại.

Tôi nghĩ thầm: « Thế là trôi, trôi hết cả, làm sao ghim phà lại được, Hà ơi, tao đã bảo mà. Giữa lúc ấy, một

công việc lóe lên trong óc như một tia chớp, tôi nhảy hồ đến chỗ Hà, vồ lấy cuộn dây gào to cho át tiếng sóng, bảo anh em buộc một đầu dây vào người, tôi nhảy xuống sóng, vừa bơi vừa buộc một đầu dây còn lại vào móc phà.

— Dốc sức dây sào nhanh lên, tiếng hô của Hà trở nên bình tĩnh hơn.

Giữa dòng nước xiết, tôi bơi phăng phăng. Không hiểu sao lúc ấy tôi lại có thể bơi khỏe như thế được. Từng đợt sóng cứ chồm lên như muốn nhấn chìm tôi xuống. Không còn nghe thấy gì trên phà nữa. Cũng chẳng biết mình đang nghĩ gì nữa. Hình ảnh cái dây cáp lòng thòng phía trước, như đang hút lấy tôi. Tôi khum khum hai bàn tay vục tới tấp xuống nước. Túm được đầu dây, quay lại thấy Hà cũng đang ngoi lên phía sau tôi.

Đoạn dây căng dần, cảm giác như ai đang giơ búa nện xuống đầu. Tôi cắn răng tóm chặt hai đầu dây chờ đợi. Con phà bỗng chồm lên. Hai mắt tôi nẩy ra muôn vàn tia sáng sắc sỡ. Hai cánh tay như bị bửa khỏi bả vai. Sóng lưng tê buốt, một cơn sóng tung nước lên mặt. Lúc ấy nếu không có Hà kịp thời lao tới thì có lẽ tôi không còn đủ sức chống đỡ với cơn giạt tiếp theo, đầu đã nhẹ hơn. Hà úp mặt vào tôi thở tung nước, hồn hèn nói không ra tiếng. Tôi thét tướng đến vỡ lồng ngực «Chống mạnh nữa lên! Chống mạnh lên. Hà cũng hô theo. 2 chúng tôi áp ngực vào nhau trở thành mối nối ghim giữ con phà... Bốn cánh tay từng nhịp rung lên. Từ trên phà nhịp hô dầy sào cũng dội tới hồi hả.

— Cố chút nữa anh—tiếng Hà lẫn trong hơi thở dồn dập.

— Thắng rồi—tôi trả lời và lại mím môi dồn sức vào hai cánh tay.

Con phà nhích dần lên. Đoạn dây ngấn dần lại. Nhưng sao con phà đang mờ dần đi thế kia. Tôi không tin vào mắt mình nữa. Những con sóng lại chồm lên trước mặt tôi. Trời tối sầm, toàn thân tôi nặng trĩu tôi đang chìm giữa lòng sông.

Một tiếng động mạnh từ đâu làm tôi tỉnh hẳn, mới biết mình đang nằm trên một chiếc xe. Muốn vùng dậy mà không nổi. Suốt từ cổ đến chân ề ề, rã rời.

– Anh Lượng tỉnh lại rồi! Tiếng Sơn reo lên

Tôi cất tiếng hỏi Hà đâu? Từ dưới bến Hà chạy lên rồi rít.

– Em đây, Hà đây! Giọng Hà nghẹn lại.

– Phà cập bến chưa – tôi hỏi

– An toàn cả rồi anh ạ!

Má tôi nóng hổi, một giọt lệ từ khóe mắt lăn tròn!

Trại viết KNSSCNCN

Quán khu 3

Tháng 11 năm 1977

GIA TÀI CỦA MẸ

Truyện

Thế là tôi rời lộ một, con lộ tráng nhựa phẳng lỳ, hai bên liên tiếp xóm ấp và các thị trấn lớn nhỏ tràn ngập hàng nhập cảng, con lộ mà một đồng chí trong đại đội tôi vừa được tranh thủ tại về thăm nhà ở Phan Thiết trở về đã tả lại một cách khá lả mả và một số đồng chí ở đơn vị khác, di dọc lộ một, cũng đã nói về sự sầm uất này mà tôi không thể hiểu.

Hôm nay, đơn vị công binh cầu phà chúng tôi, sau chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, được lệnh quay trở ra. Khi vô, chúng tôi «thần tốc» đi theo đường Trường Sơn. Bây giờ hoàn toàn thắng lợi chúng tôi đang hoảng kéo quân trên lộ một.

Quê tôi ở một ấp hẻo lánh phía tây con lộ ấy, vùng Phú Yên, cách chừng 20 ki lô mét. Tôi đã rời quê theo cha tập kết ra Bắc hồi Giơ-ne-vơ. Lúc đó tuổi mới lên mười. Ra đi mà khóc không còn nước mắt. Má tôi và bốn anh tôi cùng một chị gái đều ở lại. (Ba tôi thực sự không muốn đi, nhưng vì ông đau bệnh nặng, phải ra Bắc điều trị). Thế là đã 21 năm xa quê, nhưng tôi vẫn còn giữ nguyên trong mình hình ảnh một xóm ấp xanh rì, nhà cửa san sát. Đó là một vùng giải phóng trong

suốt cả thời kỳ chống Pháp. Tôi vẫn giữ nguyên vẹn hình ảnh một dòng sông xanh êm đềm. Tôi vẫn giữ nguyên vẹn hình ảnh mái nhà tranh ấm áp của gia đình với mảnh vườn rộng phía sau, giáp với dòng sông, đầy cây ăn trái...

Thế là tôi rời lộ một, con lộ tráng nhựa phẳng lỳ, hai bên xóm ấp, thị trấn liên tiếp, tràn ngập bùng hóa nhập cảng. Tôi rẽ vào một con lộ nhỏ, trái đá rất xấu. Thoạt đầu cũng ngạc nhiên. Sau càng đi, càng hiểu rõ: thị ra chỉ có những con đường chiến lược, chỉ có những con đường ấy thôi mới được tráng nhựa, mở rộng.

Tôi được tranh thủ về phép thăm nhà. Tôi hỏi hộp xiết bao. Mặc dầu tôi và ba tôi ở ngoài Bắc đã được tin khá rõ Má tôi đã ốm bệnh chết. Anh hai tôi bị khai hãm. Một thằng Mỹ đã đâm ngập một lưỡi dao găm giữa ngực anh. Anh Ba tôi bị bắt đày Côn đảo. Anh Tư đi giải phóng ở miền Tây. Chỉ còn chị Năm ở lại làng, nghe nói cũng đã bị tù đày, đánh đập nhiều lần. Hôm nay tôi có được gặp chị Năm không? Ôi chị Năm! Chị Năm! Ngày ra đi tôi vẫn giữ nguyên hình ảnh một cô gái mười lăm tuổi, với đôi mắt trong suốt tươi cười, với mái tóc xõa ngang vai...

Tôi đập miết. Chiếc xe mượn được của đơn vị. Càng xa lộ một, làng quê, đồng ruộng càng xơ xác. Quạ đen bay từng đàn trên bầu trời hoang vắng. Không còn một bóng cây to. Mặt đất như bị cào bằng. Loi ngoi những túm dứa nước, dăm bụi cây nhỏ. Đâu đâu cũng chỉ là những túp lều tồi tàn, lụp xụp lợp bằng mấy miếng tôn rách quây bằng dăm mảnh tranh cũ hoặc mấy miếng vải bạt nhà binh. Đâu đâu cũng thấy hố bom, vết đạn đạn bác, đâu đâu cũng có vỏ đạn, vỏ đồ hộp, giày linh cũ, nón sắt bẹp, thùng đạn vỡ... Lác đác vài con trâu còm,

Lác đác những bác nông dân liêu tụy, những chú bé
ngơ ngác... Dấu vết chiến tranh tàn phá vẫn còn
y nguyên.

Thì ra, ở đây hoàn toàn không giống như ven các con
lộ chiến lược. Thì ra, đây mới là bộ mặt thật của nông
thôn miền Nam đau khổ này! Tôi cũng nhớ lại: kkk! tôi
được trên cho biết tôi được phép tranh thủ về thăm
nhà, có cậu đã reo ầm lên: « Chuyển này về tha hồ qua
cáp nhè », hoặc « Chỉ toong teng cái ba lô thôi ư? Phải
dầm cái túi lưới nữa mới bỏ chứ!.. » Tôi đã biết anh
bạn tôi làm rồi. Anh mới chỉ đi qua những nơi « tú
kính ». Anh chưa có dịp đi sâu vào hai bên lộ như tôi
bữa nay.

Tôi vẫn đạp miết, càng đi vùng đất quê hương xưa
càng như thêm xa lạ. Xa lạ đến đau lòng. Tôi phải dừng
lại từng quãng để hỏi đường về ấp cũ. Bà con cô bác,
nhiều người nhìn tôi bằng cặp mắt se sắt buồn:

– Đúng! Quê hương bị tàn phá bằng ấy năm trời còn
chỉ mà nhớ được!

– Châu đi hướng này, gặp bãi bom thì quẹo tay mặt..

– Tới cái ấp nhỏ bị đốt trụi hết cây cối, châu quẹo
tay trái, càng đi, càng chỉ như thấy đất hoang và...
đất hoang.

Nhưng rồi tôi cũng tới được xóm cũ. Và rồi tôi cũng
tìm thấy được chị Năm tôi trong một túp lều lợp bằng
tôn và bao bố ở cuối xóm. Một lá cờ Giải phóng bay
sáng cả mảnh vườn cọc cầu, trơ trụi cũ.

Hai chị em tôi chỉ còn biết ôm chầm lấy nhau mà
khóc. Khóc mãi rồi chị đi nấu cơm. Chị lại khóc. Khóc
rồi cười. Mái tóc chị đã úa bạc khá nhiều. Chị gầy khô.
Cẳng tay, cẳng chân teo lại. Thoạt mới gặp, tôi ngỡ chị

là một bà già nào đó. Hai mươi năm qua, chị toàn sống dưới hầm. Nhiều khi chỉ có nắm rau lang, mấy chiếc bắp cầm hơi để bằm đất, xây dựng lại cơ sở. Hầm rằng chị đã gầy gàn hết. Thiếu chất dinh dưỡng và bị tra tấn quá nhiều lần. Chị đã lấy chồng trong những năm đen tối cũ. Anh đi du kích. Hai vợ chồng chưa có được một mụn con thì anh hy sinh. Cuộc sống đầy bão táp. Chị vẫn cần có một người nương tựa. Chị đã đi bước nữa. Chị lấy một đồng chí huyện ủy. Đám cưới làm ở trên rừng. Chưa quá 1 năm sau, đồng chí huyện ủy lại bị địch bắt. Chúng cắt đầu anh treo trước ấp... Từ đó, chị không bao giờ nhắc tới việc chồng con nữa...

— Chị ơi, chị cho em đi thăm mộ mẹ ngay đi, chị!

— Khoan đã, em! Ăn hột cơm vô bụng cho đỡ đói đã! Mẹ nằm cũng không xa đây lắm đâu!

Tôi ngồi ngắm mãi tấm thân còm cõi của chị, ngắm mãi túp lều rách nát! Tôi mơ tới ngôi nhà xưa, mảnh vườn xưa, mơ tới tất cả những ngày thơ ấu êm đềm cũ... Mơ mà nước mắt chảy dài.

Cơm xong, bữa cơm dọn bắp cùng mấy lát cá kho mặn, chị Năm thu dọn lại gian lều rồi sửa soạn đưa tôi đi thăm mộ mẹ. Chị cúi húi mở một chiếc rương gỗ đã cũ, một lúc tìm lấy ra một chiếc túi vải nhỏ. Mặt chị thoát tái đi, nhưng đôi mắt lại sáng lên và long lanh có ngấn nước. Chị mở túi vải. Đôi bàn tay chị lóng ngóng mãi. Chị lấy ra một chiếc khăn tay cuộn tròn. Chị lại run rẩy mãi mới mở được chiếc khăn, rồi chia ra trước mặt tôi. Tôi trở mắt nhìn. Trên chiếc khăn tay là mấy vật gì màu xám đen, khô quắt tựa như mấy hạt cau khô. Tôi không hiểu. Tôi ngẩng lên nhìn chị.

— Em không hiểu là phải! Nhưng cứ thử đoán xem...

Tới lúc ấy, một cái gì bỗng như từ một cõi xa xăm nào đó mọi bắt đầu le lói trở lại trong trí nhớ vẫn còn khá mù mờ, của tôi. Tim tôi rộn lên. Tôi ngờ ngợ. Sau đó tôi đã nhận được ra mấy vật nhỏ khô đen ấy là những cái gì rồi. Đó là những cái núm rốn trẻ sơ sinh. Tôi bàng hoàng. Và tôi nhớ rõ rồi! Mẹ tôi xưa có một thói quen, mà hồi nhỏ tôi không sao hiểu, và bà con làng xóm cũng cho là kỳ cục: cứ mỗi lần sinh được một đứa con, tới khi đứa con rụng rốn, mẹ lại cắt kỹ chiếc núm rốn đi. Một bữa nào đó, hồi còn thơ bé, tôi đã được mẹ chìa cho xem chiếc núm rốn của chính mình:

— Bè cưng! Đây này, núm rốn của bé đây!

Tôi cười và cầm ném tót ra sân. Mẹ vừa la vừa nhào ra nhặt lên, thổi phù phù cho sạch bụi.

— Má! Má giữ làm chi? Vứt đi!

— Không. Giữ lại chứ, bé!

— Giữ làm chi?

— Má giữ lại hết! Đứa nào má cũng giữ, lớn lên, chúng bay sẽ hiểu. Má thương chúng bay. Má lo cho chúng bay suốt đời! Phải biết thương yêu nhau, đùm bọc nhau, con à!...

Và sau đó, mãi cho tới khi lên tám, lên chín, tôi mới được biết rõ hơn tại sao mẹ tôi đã giữ lại từng cái núm rốn của các con của mẹ.

... Quê nội tôi vốn gốc ở một làng thuộc vùng đất sâu hơn nữa kia — vùng đất mà các cụ ngày xưa vẫn cho là cứng đầu cứng cổ, không chịu khuất phục cường quyền, vùng đất sinh lắm anh hùng, nhưng cũng là vùng đất họ mạc hay bất hòa. Chẳng phải do « đất » hay một sự ngẫu nhiên nào đó mà mấy chị trong họ tôi cũng có bất hòa. To thì từ thóa mạ nhau đến gây sát đầu mề

trán nhau; nhỏ thì tranh lẫn mấy bờ tre gốc dứa, bằng mặt chẳng bằng lòng nhau. Cũng chính vì bất hòa sâu sắc với bác lời mà cha tôi đã bỏ làng, lia họ đến vùng Phú Yên này kiếm ăn. Họ đang đông người bỗng thành đơn độc lẻ loi. Những ngày giỗ tết, chính tôi, hồi thuở bé đã đôi ba lần trông thấy cha tôi thần thờ ngoài ngõ, hướng về niệt đất cũ, nước mắt lưng tròng. Mẹ tôi thương cha tôi không sao nói hết. Cũng do đó mẹ tôi thường bảo chúng tôi: « Mẹ không mong mai sau lù bay giàu sang chi hết. Chỉ mong sao anh chị em đoàn tụ, thương yêu, đùm bọc nhau. Thế là nhà có phúc rồi!». Bởi vậy để dứa con nào mẹ cũng giữ nùm rốn để rồi khi lớn lên hiểu được chút ít, mẹ lại lấy nùm nùm rốn ra, lại dạy một câu mà anh chị em chúng tôi đã thuộc lâu: « Anh chị em phải biết đùm bọc nhau!».

Nhìn những chiếc nùm rốn chụm vào nhau giữa lòng bàn tay, tôi bật khóc thành tiếng. Chị Năm cứ mặc cho tôi khóc. Tôi khóc vì thương nhớ mẹ. Cả vì niềm kính yêu, tự hào đối với mẹ. Tôi đã hiểu tất cả gia tài mẹ để lại chỉ có thế này, nhưng quý báu biết bao nhiêu, giàu có biết bao nhiêu! Đây là tình thương yêu mệnh mong. Đây là niềm hy vọng, đây là tất cả lời nhắn nhủ khuyên răn của mẹ. Mẹ ơi! Con biết nói sao đây? Con biết cách nào để giải bày tất cả niềm đau khổ và sung sướng của dứa con lúc này? Đúng là dù mất hết, nhưng niềm tin vào lời giáo huấn của mẹ không bao giờ mất! Mẹ ơi! Có được ngày chiến thắng hôm nay, chính vì đã có cả những người biết hy sinh, biết giáo huấn các con mình như mẹ...

Thế rồi hai chị em tôi ra cánh đồng và chúng tôi cùng ngồi thụp xuống bên một nắm đất, trên có chồng đắp nhiều viên đá lớn nhỏ. Không có hương. Chúng tôi chỉ

im lặng. Càng nghĩ về quá khứ, nước mắt tôi càng đổ ròng. Nhưng không phải chỉ có nghĩ về quá khứ. Mà chính lúc này đây, tôi đang sống trong những giờ phút đầu tiên của một cuộc đời mới đang mở ra rực rỡ ở phía trước.

Gió buổi chiều lộng lộng như ngựa hoang trên cánh đồng xơ xác đầy vết bom đạn, đầy dây kìm gai... Nhưng ngực tôi vẫn ấm, càng ấm hơn vì gói núp rốn của anh chị em tôi mà mẹ để lại.

Ngay hôm sau tôi trở ra lộ một, đạp xe đuổi theo đơn vị. Tôi muốn phóng về cho nhanh. Gặp đơn vị, tôi sẽ giơ túi núp rốn khô đen này, reo lên với đồng đội của tôi rằng: « Anh em ơi! Tôi có một món quà! Tôi đã có một gia tài của mẹ để lại! Một gia tài rất lớn!... ».

Và tôi cũng sẽ nói thêm với đồng đội của tôi những gì tôi đã thấy và đã suy nghĩ trên hai đoạn đường: đoạn ven lộ một và đoạn rời ven lộ Một đi vào tận miền thôn xóm quê tôi.

Tháng 12 năm 1975
Trại vượt Tiều đoàn 27 Công binh
Quân khu 3
L. H.

ĐÊM THỨ 100

Truyện ký

Ở bến sông này, đại đội tôi phụ trách bắc một chiếc cầu phao. Tôi là một tiểu đội trưởng được tin nhiệm nhất trung đội. Tôi làm việc chưa hề bị ai chê trách, kể cả các cấp trên của tôi. Tôi đã từng được khen là một người có nhiều sáng kiến. Đến đêm thứ 100 đại đội tôi rất sung sướng và kiêu hãnh vì đã bảo đảm an toàn cho cầu được bền bỉ như vậy. Đêm thứ 100 cũng là đêm trung đội tôi ra tác nghiệp giữ cầu, bảo đảm cho xe vào, ra. Tôi cũng hết sức phấn chấn.

Nhưng dùng một cái, trung đội trưởng của tôi bị ốm và phải đi viện quân y. Tôi tin chắc là thế nào đại đội cũng trực tiếp giao cho tôi thay anh phụ trách trung đội. Nhưng không ngờ đại đội trưởng đã bảo; tiểu đội trưởng Phát thay trung đội trưởng.

Tôi ngỡ người ra, và trọng tâm tâm không khỏi thấy như hẫng đi một cái gì đó. Rồi một nỗi buồn bực dần dần xâm chiếm tâm hồn tôi. Thế ra... cấp trên vẫn chưa thật tin tôi ư? Anh Phát là tiểu đội trưởng nuôi quân mới chuyển sang tiểu đội trưởng tiểu đội cầu phao này. Phát chưa quen lắm với công việc, với sông nước...

Nhưng nói ra nói vào sao được ! Tôi nín lặng cùng Phát và anh em ra bến. Ừ thôi, đã vậy, mọi việc anh Phát cứ lo liệu lấy, « thắng tiêu đội trưởng này có nghĩa lý gì đâu... »

...

Trên đường ra bến. Phát tỏ vẻ rất phấn khởi. Anh thật thà nói với tôi :

— Đem đầu tiên mình đi với tiêu đội cậu đấy ! Mình thích lắm ! Chưa kịp đề tôi trả lời, anh lại tiếp luôn :

— Đây cũng là lần đầu tiên mình đi phụ trách. Có gì bờ ngõ, cậu cứ mạnh dạn góp ý với mình nhé !

Tôi vẫn nín lặng. Tôi vẫn rất quý anh. Nhưng quả thật tôi không vui.

... Làm công tác chuẩn bị và nguy trang cầu xong, chúng tôi cho thông cầu. Chiếc xe đầu tiên phủ đầy lá cây như một cơn nhím khổng lồ, từ từ xuống bến, bám vào đầu cầu phía bờ bắc. Nhịp cầu chuyển mình. Bóng tối trùm nhanh kín bến sông. Xe qua cầu, bật đèn.

Bỗng keng báo động trên núi vang lên. Bọn giặc lái mò đến. Một chùm pháo sáng lơ lửng ngay trên đầu chúng tôi. Dưới cầu, chúng tôi vẫn bình tĩnh mức nước đồ lên mặt lá chuối trải trên mặt cầu, mặt cầu đắm nước. Dưới ánh pháo sáng, nhịp cầu hòa lẫn với dòng sông xanh.

Tôi nói với Phát :

— Làm thế này như bịt mắt chúng nó rồi, anh thấy không ?

Nhưng Phát vẫn có vẻ lo :

- Xem chừng bọn chúng lũng ruột cầu mình lắm thì phải cậu ạ.

- Chúng « làm phách » tý đấy thôi! - Tôi thân nhiên trả lời anh.

- Đứng chủ quan. Liễu ạ! Chúng định tìm bằng được cầu mình đấy!

Tôi cười nhếch cửa miệng. Đã bao đêm tôi làm nhiệm vụ ở cầu này, tôi thuộc lòng từng quy luật hoạt động của bọn giặc lái: giờ nào chúng đến và chúng đến thì giờ thủ đoạn gì? Mới là lần đầu tiên phụ trách trung đội, sao anh đã gán cho tôi bệnh quan liêu, chủ quan?

Có tiếng máy bay rit ngay trên đỉnh đầu. Pháo bảo vệ cầu thi nhau nổ ran. Một chiếc máy bay liều lĩnh lao xuống cất bom. Bom nổ dưới hạ lưu chát chúa vọng lại. Nước rồ lên đập vào bờ sông, đập vào thành cầu dữ dội.

Yên tĩnh được trở lại. Pháo sáng tắt lụn. Bóng tối ập đến. Tiếng xe qua cầu, rì rầm, rì rầm.

Đêm chuyền dần về khuya. Trời tối đen như mực. Bỗng ngoài khơi có tiếng ầm ầm như sấm vọng tới. Keng báo động của chúng tôi và các trận địa pháo dồn dập đồ hồi. Tiếng máy bay rờ dãn, rờ dãn, rồi rit ngay trên đầu như xé trời, xé đất, xé màn đêm tan ra. Lập tức ở các trận địa pháo, những đường đạn đỏ rực, căng thẳng lao vun vút lên trời. Hàng loạt pháo sáng bùng ra. Bến sông sáng bừng lên như một trưa hè. Đoàn xe pháo qua cầu bị đứt đoạn. Một chiếc xe kéo pháo đang cố gắng bò lên khỏi cầu. Phát vọt vã đến bên tôi.

- Liễu ơi, tình hình nguy quá! Nó phát hiện ra cầu mình mất!

Tôi lại bình thản trả lời :

— Anh chưa quen đấy ! Đã chín mươi chín đêm, đêm nào chúng không đến quấy rầy như vậy. Anh phải bình tĩnh, anh ạ !

— Ừ, mình lo lắm ! — Anh vẫn thành thực.

Bỗng tiếng máy bay rít ngay trên đầu. Tôi vừa kịp đẩy Phát ngã xuống, thì đã nghe những tiếng nổ lụp bụp, lụp bụp như đạn vãi ở thượng lưu. Tôi nhìn lên thấy những đốm lửa đang bập bùng cháy ở giữa dòng sông. Chỉ một chớp mắt, lửa đã dày đặc, bắt lại với nhau thành một tuyến lớn. Lưỡi lửa lem lém, ngang dọc. Khói cuộn đen, khét lẹt. Tôi lúc đó tôi hoảng thực sự. Đây là lần đầu tiên bọn Mỹ dùng thủ đoạn này. Thật là nguy hiểm ! Chỉ một loáng nữa thôi, từng mảng lửa ấy sẽ trôi xuống đây, đọng lại ở nhịp cầu sáng rực lên làm mục tiêu cho bọn giặc lái bầu lại bắn phá. Tôi căng óc ra cố tìm một biện pháp xử lý thích đáng. Tôi liếc nhìn Phát. Anh vẫn đứng như cây trơng. Tôi càng bối rối. Tôi càng cố nghĩ càng không ra kế gì hay nữa. Phát bỗng nói lớn, đầy vẻ căm giận :

— Bọn Mỹ xảo quyết thật ! — Rồi anh hỏi — Liễn, cậu định thế nào ?

Tôi đáp bừa :

— Phải tháo cầu ngay thôi anh ạ ?

— Làm như thế mất nhiều thời gian ẽ không kịp ? phải đập tan tuyến lửa ra, Liễn ạ !

Tôi ngạc nhiên :

— Chờ nó đến cầu mới đập à ? Như vậy thì đem nướng cầu chứ còn gì ?

- Xem chừng bọn chúng lùng riết cầu mình lắm thì phải cậu ạ.

- Chúng « làm phách » tý đấy thôi! - Tôi thân nhiên trả lời anh.

- Đừng chủ quan. Liễu ạ! Chúng định tìm bằng được cầu mình đấy!

Tôi cười nhếch cửa miệng. Đã bao đêm tôi làm nhiệm vụ ở cầu này, tôi thuộc lòng từng quy luật hoạt động của bọn giặc lái: giờ nào chúng đến và chúng đến thì giờ thủ đoạn gì? Mới là lần đầu tiên phụ trách trung đội, sao anh đã gán cho tôi bệnh quan liêu, chủ quan?

Có tiếng máy bay rít ngay trên đỉnh đầu. Pháo bảo vệ cầu thi nhau nổ ran. Một chiếc máy bay liêu lĩnh lao xuống cắt bom. Bom nổ dưới hạ lưu chát chúa vọng lại. Nước rồ lên đập vào bờ sông, đập vào thành cầu dữ dội.

Yên tĩnh được trở lại. Pháo sáng tắt lụn. Bóng tối áp đến. Tiếng xe qua cầu, rì rầm, rì rầm.

Đêm chuyển dần về khuya. Trời tối đen như mực. Bỗng ngoài khơi có tiếng âm âm như sấm vọng tới. Kẽng báo động của chúng tôi và các trận địa pháo dồn dập đồ hồi. Tiếng máy bay rồ dần, rồ dần, rồi rít ngay trên đầu như xé trời, xé đất, xé màn đêm tan ra. Lập tức ở các trận địa pháo, những đường đạn đỏ rực, cũng thẳng lao vun vút lên trời. Hàng loạt pháo sáng bùng ra. Bến sông sáng bừng lên như một trưa hè. Đoàn xe pháo qua cầu bị đứt đoạn. Một chiếc xe kéo pháo đang cố gắng bò lên khỏi cầu. Phát vọt vĩa đến bên tôi.

- Liễu ơi, tình hình nguy quá! Nó phát hiện ra cầu mình mất!

– Không! Phải đập tan ngay trước khi nó động lại cầu!

Nhìn tuyến lửa đang ngùn ngụt trôi lại cầu, tôi do dự:

– Anh không nghĩ liệu chứ? Liệu tính mạng anh em...

Hy sinh thì tôi và anh em không ngại. Điều chủ yếu là nhịp cầu có đứng vững ở cái đêm thứ một trăm này không?

Tuyến lửa đã trôi tới gần cầu. Tình hình rất khẩn cấp. Tôi định cứ ra lệnh cho anh em thực hiện kế hoạch của tôi là dỡ cầu thì nghe tiếng Phát hô lớn:

– Liệu cùng lỗ bốn ở lại... gạt lửa trên cầu! Còn tất cả anh em cầm gậy theo tôi!

Tôi tái mặt – « Anh cho mình là sợ hy sinh chăng? » Tôi đang lúng túng thì Phát đã vớ lấy cây sào, chạy như bay tới ngang tuyến lửa đang cháy bùng bùng, lao xuống nước. Tức khắc lửa vấy kín lấy anh. Tôi định lao theo anh. Không được! Mệnh lệnh của anh tôi phải chấp hành. Các chiến sĩ của tôi đã nhanh nhẹn cầm gậy, lao theo anh. Tôi miễn cưỡng dẫn tổ bốn ra mặt cầu.

Phía tuyến lửa. Phát lặn ngược lên phía thượng lưu. Đầu anh dội vào lửa bốc cháy! Anh hô lớn:

– Ra đây, các đồng chí! Hai người một khúc đập cho đứt ra từng đoạn!

Lập tức các chiến sĩ chia nhau ra từng khúc, đập túi bụi vào cái tuyến lửa cháy bằng một thứ hóa chất keo loãng.

Các trận địa pháo dồn dập bắn lên, hất bọn giặc lái lên cao.

Tuyển lửa đã đứt ra làm đôi, làm bốn... làm tám...

Bọn giặc lái vẫn điên loạn, quần đảo trên cao đề sẵn sàng lao xuống bắn phá khi tuyển lửa động lại chân cầu.

Đã có nhiều mảng lửa nhỏ trôi nhanh xuống cầu. Tôi phân công mỗi người chịu trách nhiệm một đoạn, lấy cành cây nhanh chóng gạt lửa rời khỏi chân cầu, luồn qua thân cầu, trôi về xuôi. Những khối lửa lớn tan vụn ra, ngày càng nhiều. Đầu anh Phát và các chiến sĩ dưới sông đều bị bắt lửa cháy lem lem. Họ lặn xuống rồi lại ngoi lên tiếp tục gạt đập túi bụi.

Lửa bập bùng khắp cả một đoạn sông. Hai phía thượng và hạ lưu đều có những mảng lửa trôi lênh bênh. Tôi càng lo. Những sáng kiến và hành động của anh Phát đã làm cho tôi nảy thêm ra một ý rất nhanh. Tôi gọi hai chiến sĩ đến giao nhiệm vụ. Hiểu rõ ý định của tôi, họ lao đi luôn. Một số lái xe cũng xuống mặt cầu cùng chúng tôi gạt lửa. Anh Phát vẫy vừng tã, xung hữu đột, phá hết khối lửa này đến khối lửa khác. Bỗng anh hét vang lên :

— Lặn xuống, xông vào giữa khối lửa mà đập !

Mọi người đều làm theo. Chẳng mấy chốc các khối lửa đều nát vụn ra. Tôi bỗng giật mình, tìm thất lại khi nhìn thấy anh Phát đang cố gắng bơi lại khối lửa cuối cùng. Hai cánh tay anh chới vói, yếu ớt, quờ quạng trên mặt nước. Không cảm lòng được nữa, tôi lao xuống sông, bơi ra chỗ anh, định điu anh vào bờ. Anh ầy tay tôi ra, giục :

— Kệ mình ! Cậu đập cho tan khối lửa kia đi !

Mấy chiến sĩ đã bơi lại gần tuyển lửa. Không chần chừ thêm nữa, tôi xốc chạt nách anh bơi lại cầu.

Lửa dưới sông tan vụn hết. Các chiến sĩ nhảy lên mặt cầu. Anh Phát lên đến mặt cầu vẫn còn lảo đảo, anh đã rút ra khỏi tay tôi, cởi áo đập túi bụi vào những đóm lửa bám ở chân cầu. Tôi cũng lúng túng làm theo anh.

Đóm lửa cuối cùng bị gạt ra khỏi chân cầu. Mọi người ùa lại xúm xít vây quanh anh Phát. Người trên cầu, người dưới sông ôm chầm lấy nhau, vui mừng không kể xiết.

Anh Phát đứng giữa anh em, áo quần tôi tả, tóc cháy quần xoắn, miệng vẫn nở nụ cười.

Đột nhiên tiếng máy bay rít ào ào. Một loạt bom nổ ở phía hạ lưu. Mọi người nhìn cả lại phía ấy—nơi hai chiến sĩ tôi cử đi, đã kịp thời chằng dây qua sông. Lửa đã đọng lại, hình thành một tuyến cầu giả. Anh Phát phẩn khởi reo lên:

— A ! « Dùng gậy của giặc mà đập lưng giặc ! » — Anh quay sang hỏi tôi — Bọn nào thế nhỉ ?

Tôi mừng rỡ trả lời :

— Chúng ta cả đấy !

— A ! Cậu thông minh quá ! Giải !

— Không. Tôi chỉ làm tiếp ý định của anh đấy thôi !

Đèn tín hiệu thông cầu bật lên. Đoàn xe pháo tiếp tục qua cầu giữa mùi khét nồng nặc, của chất cháy và bom giặc.

Thế là đêm thứ một trăm, nhịp cầu của đại đội tôi vẫn thông suốt !

Ngày 14 tháng 2 năm 1984

BỨC TRANH ĐƯỢC GIẢI

Truyện ngắn

(Tặng Nh và D 27 thân thiết của tôi)

Tôi đọc vội mẩu thông báo của Ban tổ chức cuộc vận động sáng tác tranh cổ động về đề tài các lực lượng vũ trang. Mặt nóng bừng, bối rối và lúng túng. Nửa như muốn khám phá một cái gì đó trong bản thông báo kia, nửa lại như muốn lẩn trốn cũng ngay chính bản thông báo đó. Điều đó cắt nghĩa thật đơn giản: tôi có tranh gửi tham gia cuộc thi. Lại là tác phẩm đầu tay.

Cách đây vài tháng, tôi đang là chiến sĩ công binh, được điều lên tiểu đoàn bộ làm trợ lý văn hóa. Việc đó xảy ra không lâu sau khi tờ báo tường của «bè», do tôi làm họa sĩ trang trí được giải trong cuộc thi toàn «dè». Thực ra, tôi không phải là người giỏi vẽ, mà chỉ mới ham vẽ. Từ bé tôi đã thích «món này». Lúc thì chiếc xe lãng, cái máy bay, chỗ thì anh bộ đội, cảnh hoa đào... nghĩa là rất nhì nhằng, bạ đâu vẽ đó. Có hình, tôi trông thấy ở đâu đó rồi vẽ lại. Có hình tôi cố tưởng tượng ra. Lúc đầu xấu, sau đẹp ra và giống dần. Những người xung quanh khen, tôi càng có hứng thú, càng say mê. Khi nhập ngũ tôi mang theo cả niềm say mê đó. Và obình cuộc thi báo tường vừa qua, tôi được tự do thỏa

sức trang trí cho tờ báo của « bê ». Mỗi bài báo của anh em nộp lên, tôi đọc cho thật hiểu nội dung rồi cố tưởng tượng ra một hình ảnh nào đó để minh họa. Chỗ thì tôi chấm phá vài nét rất thoáng, rất xa, nhưng rất có hồn kiểu anh Văn Đa. Chỗ thì cố vẽ khuôn mặt đôn hậu, chân chất như tranh của anh Huy Toàn. Có chỗ tôi cố tìm một nét bay bướm cách điệu kiểu tranh của chị Khuê... nghĩa là tôi học lỏm, chắp vá cách minh họa của tạp chí Văn nghệ quân đội.

Tờ báo đó của chúng tôi được giải, và tôi được mọi người biết đến với cái tên « Họa sĩ trung đội ». Cái tên đó do anh em ghép cho, lúc đầu, nghe trong tiếng gọi có một cái gì đó mát lạnh, xiêm nhạo, sau quen dần, tôi cũng mặc nhiên chấp nhận. Dù sao trong con người tôi cũng có máu mê vẽ cơ mà!

Hôm đeo ba lô về « dê hộ » nhận công tác, người tôi gặp đầu tiên là anh Lương, chính trị viên tiểu đoàn. Anh bắt tay rất chặt, cởi mở, thân tình, kéo tôi vào phòng làm việc, chỉ chiếc ghế đối diện rồi nói:

— « Dê » điều cậu lên để giao phó một việc mà có thể sẽ phù hợp với cậu. Rồi như tìm cách mở đầu câu chuyện, anh dùng lại mời tôi uống nước.

Qua buổi gặp ấy, tôi hiểu ý anh.

Tiểu đoàn công binh vượt sông chúng tôi mặc dù là một đơn vị trực thuộc quân khu, nhưng rất nổi tiếng toàn binh chủng về thành tích sẵn sàng chiến đấu và bảo đảm chiến đấu. Phương pháp bắc cầu nổi kiềng mới do chúng tôi cải tiến và hợp lý hóa thao tác đã rút ngắn thời gian tác nghiệp hàng chục lần, được Bộ tư lệnh binh chủng đánh giá cao. Bước sang năm thứ hai của cuộc « chiến tranh phá hoại », cùng với một đơn vị pháo phòng không, tiểu đoàn chúng tôi được vinh dự đại

diện toàn quân đón Bác Hồ đến chúc tết, vui xuân mới. Thành tích các mặt khác của chúng tôi cũng nổi tiếng không kém. Đội bóng chuyền lâu nay vẫn là đối thủ mạnh khó vượt qua của các đội bạn trong các trận tranh giải và giao hữu. Đã có năm đội đứng thứ nhất khối trực thuộc quân khu. Phong trào văn nghệ của tiểu đoàn thì khỏi chê rồi! Hội diễn năm nào cũng mang huy chương về cho đơn vị. Đội văn nghệ không chuyên của «dê» đã xây dựng được một chương trình phong phú, đa dạng và có chất lượng đủ biểu diễn hai tối. Thậm chí, vừa qua quân khu cho gọi đội lên phục vụ đại hội thi đua toàn quân khu. Năm ngoái, nếu không xảy ra một việc đáng tiếc – làm nổ một quả bom bi trong huấn luyện, gây bị thương cho hai người, thì tiểu đoàn có thể đã được đề nghị tuyên dương anh hùng. Trong đợt vận động sáng tác về những kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội, tiểu đoàn đã có 5 đồng chí có bài đoạt giải. Kết quả đó quả ngoài sức tưởng tượng của mọi người đối với một tiểu đoàn trực thuộc quân khu.

Lần này, hưởng ứng đợt thi sáng tác tranh cổ động về đề tài các lực lượng vũ trang, tiểu đoàn có ý định tham gia và việc tôi được điều lên «dê» bộ chính là để thực hiện ý định đó. Tôi sẽ là người «chấp bút» cho một bức tranh đã hình thành rõ rệt về nội dung, chủ đề tư tưởng, bố cục... Song đề hợp lý cho biểu hiện chế, tôi được mang chức danh «trợ lý văn hóa».

Biết tôi chưa có kiến thức cơ bản về hội họa, anh Lưỡng gửi tôi theo học cấp tốc một lớp ngắn ngày do Hội nghệ sĩ tạo hình mở. Vốn anh có một bạn chiến đấu cũ, sau ngày hòa bình được chuyển ngành, đi học và nay công tác trong ban chấp hành hội. Có sự giúp đỡ của anh, tôi được học với tư cách dự thính.

Sẵn có lòng say mê, tôi học như uống từng lời. Và kết quả đạt được cũng rất khá. Tôi đã nắm được một số khái niệm sơ đẳng về hình loại nghệ thuật rất sáng tạo này. Một số bức tranh của tôi được ban lãnh đạo lớp học có nhận xét tốt.

Trở về đơn vị, tôi muốn bắt tay vào sáng tác ngay. Nhưng anh Lương đã kiềm chế tình bùng bột của tôi. Anh rất thận trọng và chắc chắn trong từng bước và bắt tôi thực hiện rất nghiêm ngặt ý định do anh đặt ra.

Anh trao đổi với tôi ý đồ thể hiện 3 bức tranh mà anh đã nghiên ngẫm khá lâu: một anh bộ đội ôm bọc phá lao lên phá hàng rào kẽm gai, phía sau là xung kích ôm cờ sẵn sàng vượt qua cửa mở xông vào đồn địch. Phía xa, mù mịt trong khói súng là lô cốt giặc, trông thảm hại như một bóng ma. Anh Lương bảo tôi bố cục bức tranh này, anh phát triển ý của lời Bác nói: « Công binh mở đường thắng lợi ». Bức tranh thứ hai anh muốn phản ánh một cảnh bắc cầu phao, có dòng sông chảy xiết, trên trời vắt vồng vài chiếc máy bay địch. Bên kia sông vài khẩu pháo cao xạ đang nhả đạn, và bên này sông, một đoàn xe tăng đang nằm im lìm chờ qua cầu. « Đó, gần như là một cảnh có thật trong chiến đấu của đơn vị ta. Anh Lương nói vậy, và, bức thứ ba, tả một nhịp cầu sông, vài khuôn mặt chiến sĩ công binh khỏe, trẻ, rắn rỏi, kê vai nâng một nhịp cầu, phía trên có một đoàn xe đang chở hàng ra trận. Tôi ưng ý bức tranh thứ ba này hơn cả vì theo tôi, thể hiện nó ra tranh cổ động sẽ có cái gì đó khỏe khắn hơn, dễ cách điệu hơn. Còn hai bức trên, tôi cho là có thiên về tả cảnh, nhiều nội dung, gói ghém bằng ấy ý vào một bức tranh cổ động là quá nhiều, người nen tay nghề sẽ không đủ sức thể hiện.

Anh Lữ ông yêu cầu tôi phác thảo cả ba ý trên ra giấy để tranh thủ sự góp ý của tập thể thủ trưởng tiểu đoàn và trưng cầu ý kiến của quần chúng. Sau vài tuần lấy ý kiến tham khảo, bức phác thảo thứ ba được đa số tán thành.

Tôi chính thức bắt tay vào thể hiện bức tranh này. Trong quá trình vẽ, anh Lữ ông theo dõi rất sát và thường xuyên góp ý về nội dung, bố cục cho vừa phong phú, vừa chặt chẽ. Đến khi sắp xong, anh lại viết thư tay giới thiệu tôi lên Hà Nội gặp anh Tự là bạn cũ hiện là họa sĩ công tác ở Hội văn nghệ Hà Nội chỉ bảo thêm để hoàn chỉnh bức tranh.

Hôm tôi mang bức tranh đã hoàn thành về đơn vị, anh Lữ ông là người vui nhất, ngắm bức tranh hồi lâu, anh tỏ ra rất tâm đắc rồi hai hôm sau, cũng chính anh, nhân chuyến đi công tác Hà Nội, đã cầm bức tranh theo, tôi ban tổ chức, nộp dự thi.

Từ ngày nộp tranh, tôi cứ thắc thỏm chờ đợi, vừa vui mừng, vừa lo sợ, vừa hy vọng, vừa bối rối. Mong sao chóng tới cuối năm, dịp tổng kết cuộc thi, lại mong cuộc thi đừng bao giờ có tổng kết và công bố kết quả. Tâm trạng tôi như người lần đầu mua vé số số mà chắc hẳn thế nào mình cũng trúng độc đắc. Không lẽ mình lại có thể trúng giải như mọi người vẫn tấm tắc khen tranh và cả quyết như vậy.

Trong danh sách những người trúng giải, không có tên tôi. Điều đó, anh Lữ ông cũng đã biết. Anh tỏ ra thất vọng. Nhưng người thất vọng nhiều hơn lại là tôi. Vì một lúc, tôi đánh mất nhiều cái: cái ôm ấp say

sua bấy lâu của tôi; cái công lao đóng góp, trông chờ của toàn đơn vị; cái hy vọng đến non nao của anh Lương. Bây giờ tôi mới thật hiểu một điều: một bức tranh của tiêu đoàn trúng giải, dù là khuyến khích, đối với anh quan trọng biết nhường nào. Và cái chính là niềm tin của anh Lương – chính trị viên « đê » gửi gắm nơi tôi đã không được đền đáp xứng đáng.

Tôi trầm lặng hẳn xuống, mất hẳn những thói quen tự nhiên muốn lãng tránh mọi người. Tôi xin xuống tiêu đội trinh sát của « đê » bộ.

Tiêu đội tôi có nhiệm vụ trinh sát các bến vượt, đo đạc chất đất hai bờ, xác định lưu tốc dòng chảy, vẽ sơ đồ mặt cắt sông và thu thập, cung cấp các số liệu khác để đồng chí trợ lý tham mưu thiết kế, tính toán vật tư bắc cầu hoặc ghép phà. Đôi khi, bến bị thả bom, chúng tôi còn phải xác định loại bom, mức độ thiệt hại của bến, số lượng và vị trí bom chưa nổ, làm nòng cốt phá, gỡ những quả bom gây mất an toàn cho bến.

Một buổi chiều « đê » tôi đang bảo đảm giao thông ở bến Đò Lèn thì địch đến đánh phá. Cậu Ngự, chiến sĩ trinh sát đã quan sát được tới 24 quả bom chưa nổ ở khu vực bến. Cả tiêu đội chúng tôi bắt tay vào nhiệm vụ ngay khi máy bay địch vừa đi khỏi. Sau khi xác định tỉ mỉ điểm rơi của từng quả bom chưa nổ, chúng tôi thấy có 2 quả có thể gây nguy hiểm cho bến, đó là một quả trên cầu phía bờ Nam và một quả ngoài mép nước bên bờ Bắc.

Nhìn đười bom xảy sót lại gần đó và nhất là nghiên cứu kỹ nổ bom, chúng tôi biết ngay đây là loại bom mới mà chúng tôi mới được trên phổ biến chứ chưa được chứng kiến.

Tôi được phân công phá quả bom Bắc. Sau một thời lặn lụp, cáo bới dưới lòng sông, tôi đã đặt được lượng thuốc nổ vào cạnh kíp bom. Đó là những động tác khó khăn nhất, vất vả và nguy hiểm nhất. Còn sau đó thì, chỉ như trò chơi. Tôi lên bờ, về một căn hầm. Sau cái ấn nút, không khí như bị dồn ép lại, một tiếng nổ xé tai, một cột bùn, nước dựng lên rồi đổ xuống rào rào. Quả bom tôi phá khá gần bờ.

Tôi trườn xuống sông, bơi qua bên kia tương trợ tổ Ngự phá nốt quả bom Nam. Quả này ở trên bờ, đã xác định được lẽ ra phá dễ và nhanh hơn, không hiểu sao Ngự giải quyết chậm thế?

Bơi gần tới bờ Nam, một cảnh tượng vô cùng lạ lùng đập vào mắt tôi. Ngự — người chiến sĩ trinh sát công binh nổi tiếng gan lì của chúng tôi đang hăm hở đào quả bom. Dưới ráng chiều vàng lựng của thiên nhiên Thánh Hóa giữa một vùng đỏ rực vì bom đạn cây cối, khổ người Ngự hiện lên sừng sững, đỏ rực rỡ. Tấm thân trần đỏ lấm lên những cuộn thịt rắn chắc. Dưới chân Ngự là hố bom đen ngòm và bên cạnh là cái đuôi bom cũng đen kịt. Lưỡi xẻng của cậu ta bị phản lại bởi màu đỏ của ráng chiều và màu đen của hố bom lại trở nên xanh lóng lánh. Trông Ngự hết một bức tượng đồng đỏ lấm lấm, đẹp lạ lùng và đầy sức thuyết phục, vừa hư ảo, vừa chân chất. Mà lạ thật, chỉ 3 màu đỏ, xanh, đen không hơn không kém. Tôi vừa bơi, vừa ngắm bức tượng của mình, vừa nghĩ tới màu đỏ chiến đấu, màu tươi xanh của cuộc sống và cái màu chết chóc đen ngòm. Tôi bất chợt nhận ra mình vừa khám phá được điều mới lạ mà chỉ mấy giây trước đây mình không hề biết tới. Cầu mong đừng có tiếng nổ nào phá tan cái im lặng này và xóa đi cái bức tượng của tôi. Nếu quả bom

dưới chân Ngự kia bắt chợt trở mình... tôi không dám nghĩ nữa.

Nhưng tại sao chỉ có ba màu đó, tôi không tài nào giải thích được. Có lẽ chính cái im lặng sau trận đánh, cái rắng chiều đỏ ối, cái màu xanh ngắt của dòng sông Lèn, cái màu đỏ tươi của đất mới bị cây xói, cái màu da đồng hun của Ngự, tất cả trộn lẫn nhau hiện lên, khúc xạ qua ngàn vạn hạt nước do đôi cánh tay tôi đang bơi quạt liên hồi mà làm cặp mắt tôi nhìn ra ch ba màu đó chăng?

Nhưng cũng lạ thay, lên tới bờ rồi, trời đỏ chiều, hết rắng hình dáng Ngự không còn lửng thững, hư ảo như lúc tôi nhìn từ lòng sông lên nữa.

Tôi vỗ vai Ngự:

— Nhìn cậu như Xpác-ta-quýt vậy, Ngự ạ!

Ngự không cười mà tỏ ra nghiêm túc:

— Đứng tếu nữa, lui ra ngoài kia, để tớ gỡ nó về làm giáo cụ huấn luyện «Đê» mình chưa có loại đầu nỏ này. Phá đi tếc quá!

Tôi cụt hứng trước mệnh lệnh nghiêm túc của Ngự, lặng lẽ ra xa, nấp xuống một hố bom. Chốc chốc sốt ruột lại ngẩng lên nhìn. Ngự vẫn lúi húi phá quả bom. Nhưng không còn giồng pho tượng Xapac-ta-quýt đỏ lựng ban nãy nữa.

Chừng nửa giờ sau, Ngự gọi tôi lại, tay giơ cao cái đầu nỏ trông tựa quả nén may nỏ.

— Khóa được nó rồi!

Chúng tôi phát tín hiệu giải phóng bến. Anh em chiến sĩ câu phá đồ ra, lấp nấp hồi hải thủy | hao và ghép phá. Đêm đó đơn vị tôi chỡ trợn hai «E» tên lửa qua sông vào tuyến trong.

Hình ảnh Ngự với những bắp thịt cuộn lên đỡ ối dưới ánh sáng chiều cứ lớn dần mãi trong tôi. Tôi họa lại hình ảnh ấy vào sổ riêng và ngày ngày lại mở ra, xem lại, mừng tượng, thêm bớt. Việc làm đó trở thành niềm say mê, lời cuốn tôi khá lâu.

Sau đợt chiến đấu ở bến Đò Lèn, chúng tôi trở về hậu cứ, và một bức tranh cô động dựng lên hình ảnh Ngự đang đào bom ở bờ Nam sông Đò Lèn được hình thành. Màu của bức tranh, tôi cũng chỉ sử dụng có ba loại: đỏ, xanh, đen, đúng như cảnh tượng mà tôi nhìn được qua vài giây ngân ngủi khi đang bơi dưới sông. Hôm hoàn thành bức tranh, mọi người tùm tùm xem, người khen thì ít, người lặng im thì nhiều. Số này, tôi biết là họ chê đó. Người nói tranh quá cách điệu, không đúng sự thật: người cho rằng nét vẽ vuông vức quá, thành ra cứng đờ; người chê dùng màu không nhuyễn. Nhưng tôi cố làm như không nghe thấy những lời bàn tán, vẫn giữ ý nguyện ý của mình, để bức tranh thật giống cảnh mà chính mắt tôi cũng chỉ được nhìn thấy thoáng qua vài giây vào buổi chiều ở sông Đò Lèn.

Tô ngỡ ý với anh Lưỡng gửi bức tranh dự thi đợt hai. Anh im lặng, tỏ ra ngân ngừ. Rồi, có lẽ để an ủi công lao tôi nhiều hơn là tâm đắc, chờ đợi, anh nói:

— Thôi được, ít hôm nữa, có người đi Hà Nội, mình sẽ gửi dự thi.

Một điều bất ngờ đối với tôi và cả những người xung quanh, trong một bài viết giới thiệu đợt hai cuộc thi tranh cô động, báo Quân đội nhân dân đã đề cập đến tôi với những nhận xét rất đáng khích lệ. Cảnh đó, một trong ba bức tranh mình họa cho bài viết là bức tranh của tôi.

Ít lâu sau trong một đợt tuyên truyền, bức tranh đó cùng một số tranh khác được in khổ to, gửi đi toàn quân.

Nhìn tranh của mình, lần đầu được in, tôi cảm động và bối rối. Khuôn mặt người chiến sĩ công binh ấy, dấu răng do máy móc in ra, tôi vẫn nhận ra Ngự — chàng Xpac-la-quyt của tôi, pho tượng đồng đỏ au của tôi với cái cảm bình ra kiên nghị, bừng bình và cặp mắt to, sáng, nghiêm nghị.

Đối với tôi, còn giải thưởng nào cao hơn nữa? Tôi thầm cảm ơn Ngự — thần tượng của tôi, người mẫu của tôi, đã cho tôi được nhìn thấy, dù chỉ trong một khoảnh khắc giữa một khung cảnh đặc biệt. Nay Ngự đã có mặt khắp toàn quân mà chính Ngự cũng không biết: Ngự đã được điều về « xê » một và đi « bê » gần tròn ba tháng rồi.

NHẬT TRANG

NGUYỄN HẢI BÌNH

NHỮNG NGƯỜI DỰNG TƯỢNG ĐÀI CHIẾN THẮNG

Ghi chép

I

Bến sông M. một ngày xuân 1975.

Những đoàn xe nối đuôi nhau rầm rập qua cầu phao. Xe kéo pháo, xe tên lửa, xe xích, xe bọc thép, xe tải, xe ca, xe con đủ các kiểu xe các loại biển đăng ký quân sự và dân sự; miền Bắc và miền Nam. Xe nào xe ấy âm ập dầy bộ đội, dầy hàng hóa. Thỉnh thoảng một vài xe còn cắm cành lá nguyệt trang đã khô bám dầy bụi đường. Trên đường cờ đỏ sao vàng, cờ giải phóng, các cờ tín hiệu của thông tin, chỉ huy, giao thông phần phật bay trên xe cơ giới, rùng rờ chạy dài vô tận như một mũi tên đỏ lao nhanh về phía Sài Gòn. Tiếng đại bác, tiếng bom xa dần, chuyển phía nam.

— Tiểu đoàn trưởng Ngô Doãn đang gián mắt quan sát đoạn mở cầu bờ Bắc. Mấy chiếc đèn tăng cường sáng hôm nay lại có hiện tượng oằn. Số lượng xe qua cầu liên tục, bộ khí tài LPP cũ này đã chịu quá tải, nhất là mở đầu cầu. Anh đã sử dụng hết số khí tài dự bị kè

cả số lượng từ căn cứ đưa vào, và đã cho đi tìm kiếm
dầm sắt cũ vương vãi ở các bến phà để tạm thời tăng
cường. Một số khoang thuyền bị rò rỉ cũng hết
nhiên liệu để hàn vá. Số bu lông thuyền đã đứt quá 1/3
Đoàn đoán rằng ngày một ngày hai số lượng xe qua cầu
sẽ vẫn dần, anh sẽ cho cất cầu để sửa chữa lại, tạm
chạy phà thay thế. Nhưng rồi một tuần, hai tuần... trôi
qua, người, xe tấp nập không lúc nào ngừng. Niềm vui
phấn khởi trước khi thể điệp điệp trùng trùng của quân
ta, Đoàn càng lo lắng đảm bảo kỹ thuật cầu bắc
qua sông.

Anh đang băn khoăn nhìn nhịp cầu và lấy tay làm
tín hiệu cho các xe qua cầu giảm tốc độ lại. Bỗng từ
trạm Ba-ri-e đầu cầu có tiếng reo lên.

— Quân ta đây rồi! 19-5 phải không?

— A. hoan hô khi tải bỏ súng đến rồi. Đoàn ngừng
đầu lên thấy mấy chiếc xe quen thuộc đang tách ra khỏi
dòng xe và đậu ở trước trạm gác, một lái xe nhảy
xuống khỏi buồng lái, Đoàn chạy xô về phía xe đó
gọi to:

— Sự ơi! Kiền Hữu Sự ơi!

Sự nhận ra tiêu đoàn trưởng anh lao về phía Đoàn.

— Báo cáo tiêu đoàn trưởng, đoàn xe khí tài tăng
cường đã đến, gạo, lương gia, muối, rau, đường, chè, thuốc...
nói chung lương thực, thực phẩm nữa ạ! Đoàn ôm chầm
lấy Sự, ngạc nhiên reo lớn.

— Làm sao các cậu đi về nhanh thế được?

— Báo cáo thủ trưởng, thế mới gọi là tiến công thần
tốc chứ ạ.

— Hay lắm, các cậu đến rất đúng lúc, hãy tạm nghỉ
tý đã, nào... Đoàn kéo Sự vào trạm gác. Các chiến sĩ
công binh thường trực cầu và lái xe quây quần lấy
nhau, chuyện riu rít.

Đây là chuyến thứ hai, chuẩn úy lái xe Kiều Hữu Sự chỉ huy đoàn xe bổ sung khí tài và lương thực, thực phẩm từ căn cứ đuổi theo đơn vị hàng ngàn cây số.

Tiểu đoàn trưởng Ngô Doãn không sao khỏi ngạc nhiên, chỉ trước đây ít phút, anh không hy vọng trông chờ gì sự chi viện «ở ngoài ấy» có thể vào kịp và nhanh đến thế vì lẽ với số lượng người anh cho ở lại căn cứ rất ít ỏi, chỉ đủ canh gác doanh trại, chăm bón rau màu làm sao còn sữa chữa khôi phục được số khí tài ở nhà rồi. không ngờ lại còn đợt này tiếp theo lại cả lương thực, thực phẩm tiếp sức cho đơn vị một cách kịp thời và mau chóng nữa.

Đến khi nghe Kiều Hữu Sự kể anh mới biết rõ ngọn ngành câu chuyện.

Sau khi trao lá cờ truyền thống của tiểu đoàn cho tiểu đoàn trưởng Ngô Doãn và chính trị viên Nguyễn Hữu trong buổi lễ xuất quân và tiễn đơn vị lên đường. Chính trị viên Trần Huy quay về doanh trại bỗng cảm thấy lòng mình bàng khuâng. Đã hàng tháng nay anh đề nghị lên trên và chờ đợi, một chuyến đi dài, đi xa, nhưng anh được lệnh ở lại, cấp trên đã quan tâm cho anh được nghỉ chờ hưu, theo chính sách của Đảng đối với cán bộ đủ tuổi hưu, công việc bàn giao lại cho chính trị viên phó, Nguyễn Hữu lên thay và dẫn đơn vị lên đường. Anh cũng biết rằng sức khỏe của anh chưa phải là quá kém, nhưng tuổi ngoài 50 của anh không dễ gì chịu đựng nổi trong những đợt hành quân khẩn cấp và liên tục chiến đấu dài ngày. Anh biết ơn Đảng và cấp trên đã quan tâm tới anh. Một niềm vui lóe lên, ngày mai anh sẽ trở về quê hương, sum họp gia đình sau gần 30 năm chiến đấu, anh sẽ được hưởng đầy đủ các chế độ mà Đảng đã ưu đãi cho cán bộ về hưu.

anh sẽ trông nom nuôi dạy con cháu, vui thú điền viên với tuổi già...

Nhưng nỗi day dứt trong lòng anh lại bùng lên « Minh thật sự cần thiết đã phải nghỉ ngơi chưa ». Trong lúc này cả nước đang rầm rập khi thế tiến công thần tốc để giành toàn thắng, ước gì mình còn khỏe trẻ để trực tiếp đi cùng đơn vị, góp phần vào thắng lợi cuối cùng này ».

Sau giây phút mệt mỏi, Trần Huy lại bật dậy lại vùng lên, anh đi kiểm tra lại doanh trại. Anh sẽ ở lại đây, tình nguyện làm một chiến sĩ hậu cần của đơn vị, có biết bao công việc đang chờ đến anh. Anh hình dung thấy những khó khăn đơn vị sẽ gặp và những việc tồn tại ở nhà, thu dọn, bảo quản trang bị, tổ chức lực lượng chi viện tiếp theo, sửa chữa khí tài xe máy chi viện cho tiền phương, sẵn sàng chiến đấu chống bão lụt san xuất tự túc ở hậu phương, và tiếp tục xây dựng tượng đài Bác Hồ và nhà truyền thống theo nghị quyết của Đảng ủy tiểu đoàn. Đơn vị đang tiến hành dự định kế hoạch sẽ hoàn thành vào ngày 19/5, nhưng đơn vị đã lên đường chiến đấu, mọi việc đành bỏ dở.

Trần Huy đã ba lần được đón Bác Hồ. Lần thứ nhất anh là đại biểu của đơn vị đi đón Bác về thăm thị xã Ninh Giang, anh nhớ mãi lời Bác Hồ dạy về truyền lại cho đơn vị. Lần thứ hai anh lại là đại biểu đi đón Bác ở bến sông Hồng. Lần ấy anh đã có ước mơ được đón Bác về thăm đơn vị anh một năm sau ước mơ của anh, của toàn đơn vị đã trở thành hiện thực. Bác đã về thăm nhịp cầu chiến thắng của tiểu đoàn. Ba năm sau đơn vị lại được Bác tặng lẵng hoa. Những tình cảm của đơn vị, của anh với Bác đã trở thành nguyện vọng xây dựng tượng đài Bác ở đơn vị.

Một cuộc họp toàn bộ các cán bộ chiến sĩ được phân công ở lại căn cứ trông nom và quản lý cơ sở vật chất, doanh trại và một phân đội nhỏ lái xe xích ở nhà làm nhiệm vụ thường trực chống lụt của quân khu quân số. Mỗi đại đội mà chưa đầy một tiểu đội, phần lớn ốm yếu không hành quân được và một số chờ giải quyết xuất ngũ theo chính sách.

Trần Huy tổ chức và động viên lực lượng còn lại làm mọi việc, đề chi viện cho mặt trận và xây dựng xong trọng Bác và bảo tàng mới chịu về hưu. Các chế độ trực ban, tuần tra canh gác, giờ giấc ăn ngủ làm việc được các chiến sĩ ở lại duy trì chặt chẽ.

Việc đầu tiên là Trần Huy tổ chức ngay việc tu sửa xe máy, khí tài. Theo kinh nghiệm của anh, trong chiến đấu khẩn trương, không phải lúc nào cấp trên cũng chi viện đầy đủ kịp thời cho đơn vị được nhất là trong cuộc tiến công thần tốc này, vả lại, với bộ cầu cũ của đơn vị, dù đi xe máy, thì việc tự bổ sung khí tài vẫn là cần thiết, cố nhiên ít ngày sau, anh nhận được điện phải bổ sung khí tài gấp. Và đoàn xe của Kiều Hữu Sự ngay đêm đó đã nổ máy lên đường. Rồi chưa đầy một tháng sau Sự lại quay về căn cứ cùng với một số anh em thương binh, bệnh binh. Trong đó có chính trị viên phó tiểu đoàn Phạm Tiên Môn, anh bị sốt rét nặng nhưng thấy không khí lao động sôi nổi ở nhà, không khác gì ở chiến trường, tuy bom đạn không có, nguy hiểm không bằng, nhưng lại có phần nặng nhọc vất vả hơn, nhất là thấy chính trị viên Trần Huy suốt ngày lăn lộn, lúc thì khomng với vữa, vác gạch đá ở công trường Trường đại, lúc lại quai búa sửa chữa khí tài ở dưới trạm sửa chữa, lúc trồng cây, lúc rào kho, hay ngụp lặn dưới hồ mò từng cây tre khúc gỗ để làm nhà

bảo tàng... Môn thấy cảm động thương người thủ trưởng già đã từng dùi dật anh từ một chiến sĩ trưởng thành lên cán bộ tiêu đoàn, ngày nay tuy đã được nghỉ nhưng vẫn ở lại làm việc, giúp đỡ, chỉ viện kịp thời cho các anh ở chiến trường. Môn không đành lòng đi viện được, anh phải ở lại cùng chính trị viên. Mỗi lần cứ dứt cơn sốt rét, Môn lại lao ra công trường xúc đất, đánh vữa, vác dầm. Không khi đơn vị làm anh khỏe lại.

Được tin tiêu đoàn di chiến đấu gấp. Họ sĩ điều khiển trẻ tuổi Nguyễn Thành trở lại đơn vị cũ sớm hai ngày. Anh đang bị cơn sốt rét của những năm Trường Sơn và vết thương cũ tái phát lại, nhưng Thành không thể nằm yên để những cơn sốt và nỗi đau đớn hành hạ mình.

Điều lo lắng duy nhất của Thành là làm sao cùng đơn vị hoàn thành Tượng đài Bác Hồ kịp thời ngày 19-5, kỷ niệm 85 năm ngày sinh của Bác. Vợ là chiến sĩ cũ của tiêu đoàn được đi chiến trường từ ba năm trước đây, cái tên « công binh 19.5 » mãi mãi là niềm tự hào đối với anh đối với đơn vị cầu phà, mà còn là niềm tự hào của toàn binh chủng. Anh đã từng ước mơ được trở về làm chiến sĩ ở đơn vị cũ có truyền thống vẻ vang. Trong những năm ở chiến trường anh vẫn theo dõi đơn vị cũ trên đài, trên báo chí và còn gặp gỡ nhiều cán bộ, chiến sĩ nói về tiêu đoàn. Anh còn nhớ mãi truyền thống của đơn vị, nhưng anh cũng gặp nhiều người ở đơn vị khác không biết anh là người của đơn vị 19-5 nên họ đã khoe với anh về tiêu đoàn 19-5, nào là đơn vị ba xuất sắc, đơn vị có sáng kiến quay cầu năng suất nhanh gấp 12 lần mà các anh đã học tập và áp dụng. Nào là đơn vị được Bác Hồ về thăm, được Bác tặng lẵng hoa; Nào là đơn vị đã làm cầu Am nổi tiếng, được nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm. Nào là đơn vị được thưởng ba Huân chương Quân công, 18 Huân chương Chiến

công, và 1 Huân chương Lao động, 30 Huy chương vàng cho tập thể đơn vị và hàng trăm Huân chương các loại cho cán bộ chiến sĩ, đơn vị anh luôn luôn giữ kỷ luật huấn luyện cầu phá giỏi nhiều năm liền cả môn bắn súng bộ binh, họ cũng giành những kỷ lục toàn quân và nhất là họ đã có văn hóa văn nghệ sôi nổi trong toàn quân. « Nhịp cầu in dấu chân người » của công binh 19-5 đã vươn dài, khắp các chiến trường trên mọi miền của Tổ quốc. Cách đây vài tháng sau khi rời bệnh viện anh được chuyển ngành về một tờ tuần báo ở Hà Nội, nhưng những chủ đề, những hình ảnh công binh vẫn là sở trường trong tranh tượng và minh họa của anh.

Khi được tin đơn vị xây dựng tượng đài Bác Hồ anh đã không ngần ngại thu xếp công việc và sẵn sàng xuống đơn vị cũ mặc dù anh phải xin nghỉ không ăn lương, nhưng cũng không đặt một điều kiện gì với đơn vị cả đối với anh, đây là dịp để tỏ lòng kính Bác Hồ vĩ đại, cũng là một dịp để góp sức mình vào xây dựng đơn vị vẻ vang của binh chủng. Khi đơn vị đã lên đường chiến đấu, trong chiến dịch lịch sử này, thì việc xây dựng Tượng đài ở đây càng có ý nghĩa sâu sắc đối với anh, góp sức nhỏ bé của mình cho đơn vị đi chiến đấu thắng lợi. Với ý nghĩ đó Nguyễn Thành lao vào công việc thực sự như một chiến sĩ cầu phá, không dăm lát vãn, cùng với Đào Nhuận, vài ba chiến sĩ của đơn vị, anh vừa làm vừa kèm cặp bồi dưỡng họ, suốt ngày ở hiện trường, trên giàn dáo cao. Một cuộc chiến đấu, vật lộn gay go ác liệt, thực sự ở đây đối với Thành và các chiến sĩ đắp Tượng. Có lúc tưởng chừng như bỏ tay...

Sở là trước khi vẽ đơn vị, Nguyễn Thành cũng tưởng ở đây chỉ xây Tượng đài nhỏ 2-3 mét là cùng, nên

anh cũng chỉ xin cơ quan nghỉ 1 tháng. Nhưng đến đây chính trị viên Trần Huy đã lam anh hát hoảng trước bản thiết kế của đơn vị. Yêu cầu Tượng cao 7 mét và đặt trên nóc nhà bảo tàng cao 15 mét. Theo thiết kế phá thảo, Tượng phải dò bê tông cốt thép, nặng khoảng 10 tấn. Riêng về cỡ lớn của Tượng, đối với anh đã là một khó khăn, còn việc đưa Tượng lên cao thì anh chưa thể tưởng tượng nổi. Năm 1969, Nguyễn Thành đắp thành công tượng đài chiến thắng ở triển lãm toàn quân tại Bạch Mai, Đài cao 12 mét nhưng Tượng cũng chỉ có 2,5 mét, anh đã thấy rất vất vả khó khăn. Lần lộn liên tục gần 3 tháng trời, khi cát băng khai mạc, triển lãm thì Tượng đài cũng vừa mới xong và ngay sau đó anh đã bị ngắt, phải đưa đi cấp cứu và nằm viện 4 tháng. Nhưng dao đó còn có cả tập thể, nhiều kỹ sư cán bộ chiến sĩ, của Bộ Tư lệnh công binh với đầy đủ phương tiện hiện đại, xe máy, cần cẩu, trục tải... Còn ở đây một đơn vị nhỏ mà yêu cầu như vậy liệu có viên vông không? Và Lêu anh có làm nổi không? Chính trị viên Trần Huy hiểu hết tâm trạng của Thành, anh dẫn Thành đến công trường, leo lên khu nhà bảo tàng đang xây. Tầng một, tầng hai, rồi lên tầng ba, gió thổi lồng lộng anh hái bám vào giàn dáo mới bò lên được tầng bốn. Nhưng chính trị viên Trần Huy đã dắt anh và lại có Đào Nhuận, Phạm Văn Tiến, là cán bộ kỹ thuật của đơn vị dùng giũ thang đưa anh lên tận nơi đặt hệ tượng. Ở đây đã dựng lên một cốt thép lớn làm trụ tượng khá vững vàng.

Ở vị trí bệ tượng, Nguyễn Thành đã quan sát được toàn bộ công trường đang sôi nổi lao động diễn ra rất khẩn trương. Với số người khoảng chưa đầy một trung đội lao động mà cũng náo nhiệt rầm rộ như có hàng đại đội, hàng tiểu đoàn. Đó đây có vang tiếng hò, tiếng

hát, xen lẫn tiếng rờn rọc chuyển vật liệu lên cao, tiếng xe, tiếng máy, chỗ này xây, chỗ kia trát đồ bê tông, hàn, chỗ hòa thành một không khí nào. nhiệt tưng bừng. Nguyễn Thành đã hòa vào không khí đó.

Một tuần đắp tượng trời qua, tượng đất có lúc rơi xuống hàng mặng, hàng mét khối đất. Thời gian thì càng thời thúc. Sự chán nản trong giây phút lại lướt qua. Những tiếng xì xào gièm pha nhe nhè mà nhưc nhối. Những lúc đó chính trị viên Trần Huy bao giờ cũng có mặt.

— Hồng, ta làm lại. « Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền... » Bác chẳng dạy chúng ta như vậy là gì? Nào lại dỡ ra làm lại đi nào.

Nụ cười của anh thật hồn nhiên thật độ lượng: Trần Huy trực tiếp cuộc đất, tháo bươm, cùng Thành, Nhuận và cả tổ dựng lại khung, tăng cường chống, quấn thêm bươm, đóng thêm xương cốt, đắp rồi tượng lại hồng, lại vữa - cả tổ lại xúm nhau nghiên cứu tìm nguyên nhân bàn bạc kế hoạch như vào trận đánh. Tượng ngày lớn dần, vững vàng, chắc chắn. Trong lúc đắp tượng Bác những chiến công giòn giã của tiểu đoàn từ tiền tuyến bay về đã động viên, cổ vũ anh em trong đơn vị và tăng thêm nguồn sức mạnh cho Nguyễn Thành. Cả đơn vị tiến về phương nam hành quân khăn cấp, dây khó khăn gian khổ, cầu của đơn vị vốn đã cũ, xe máy hư hỏng nhiều, phần lớn gồm lái xe đào tạo cấp tốc mới ra trường. Trên đường xe bị hỏng « phụ tùng thay thế không có, hành quân chưa đầy một tuần, số xe hỏng thiếu phụ tùng đến 1/3, tình hình gay go. Nếu bỏ xe lại dọc đường thì lấy khí tài đâu mà bắc cầu cho đủ « Cán bộ chiến sĩ ban bạc nhau kiên quyết bảo đảm toàn bộ người, xe máy, khí tài đến bến an toàn. Anh em cho

mỗi xe kéo một xe, cuối cùng phải chia ra ba đoàn để « tăng bo ». Một đoàn do chính trị viên Nguyễn Hữu phụ trách, một toán do tiểu đoàn trưởng Ngô Doãn phụ trách, và một đoàn do tiểu đoàn phó Hoàng Anh phụ trách. Đoàn trước đi một chặng phải dừng lại tháo phụ tùng đưa lại lắp cho đoàn xe sau mới đi được. Cứ thế đơn vị cơ kéo dắt dúi, « bồng bế » nhau đã đưa toàn bộ người, xe tới đích an toàn đúng thời gian qui định.

Khi đến bến sông M. Đại đội 2 liên tục bảo quản cho xe qua cầu suốt ngày đêm hàng tháng trời. Lúc đầu còn có thời gian thay phiên nhau nghỉ, nhưng xe đi ngày càng nhiều, đội hình càng dày đặc, cầu bị hỏng không có thời gian sửa chữa, toàn đại đội phải thức liên tục để tát nước trong phao, có đồng chí vừa tát nước vừa ngủ gật rơi xuống sông rồi mới tỉnh, có đồng chí phải lăn xuống gầm thuyền để nút lỗ rò, trong khi bom đạn nổ xung quanh. Có lúc hàng trung đội phải lội xuống khiêng cả một đoạn cầu bị gãy để thay dầm khác trong khi xe vẫn rầm rập qua cầu.

Tiểu đoàn đến ngầm C, Đại đội 3 đứng thành hàng rào người suốt ngày đêm dẫn đường cho xe tăng vượt sông chiến đấu, nhiều chiến sĩ bị nước cuốn trôi, lại bơi vào bờ, trở về vị trí chiến đấu của mình.

Đại đội trưởng Lê Đức Tài dẫn đoàn xe vượt qua bom đạn, mở đường tăng qua bãi mìn để cả bộ binh tiến đánh Nha Trang, tiến vào Đà Nẵng và đang tiến về Sài Gòn...

Thành còn được anh em kể lại. Để giảm giá thành và có đủ gạch kịp xây dựng, đơn vị đã có sáng kiến khai thác đá ong tại chỗ ngay trong doanh trại và còn nghiên cứu thí nghiệm xây nhà cao tầng bằng đá ong. Phải tìm thuê thợ xây. Những toán thợ vùng Sơn Tây

xây đá ong nổi tiếng đến nơi đâu từ chối không dám nhận với lý do họ chưa xây nhà bằng đá ong bao giờ. Thế mà tiểu đội trưởng thợ lặn Nguyễn Xuân Hồng lái xe Nguyễn Văn Phúc, hỏi ở nhà mới học nghề thợ xây mà cũng mạnh dạn chỉ huy, hướng dẫn anh em xây nhà 4 tầng bằng đá ong cùng với tập thể đơn vị, các anh đã thành công, ngôi nhà đang sừng sững đứng đó chỉ còn chờ trọng tải đưa lên cao. Những hình ảnh lao động của Hồng, Phúc, Triền và nhiều cán bộ chiến sĩ ở đây đã thu hút Thành vào tổ đáp tượng. Cảnh thợ của Thanh thả đèn măng-sông làm đêm thì cánh của Hồng làm thông lăm liên tục mười tiếng, 12 tiếng đồng hồ, cảnh thợ đắp tượng không nghỉ trưa, cảnh thợ vá cũng không nghỉ chú nhận những tin chiến thắng dồn dập từ miền Nam bay về như thúc đẩy tiến độ thi công ở đây, đề sao cho kịp với ngày vai toàn thắng.

Trong giờ phút ở mặt trận trên bến sông C, Chính trị viên tiểu đoàn Nguyễn Hữu luôn luôn nhận được tin tức ở căn cứ hậu phương, theo những xe khí tài và lương thực, thực phẩm tăng cường đến. Khi thì có thư của chính trị viên Trần Huy hỏi thăm khen ngợi đơn vị, và nhắc nhở riêng anh những việc rất tử mỹ, như phải chú ý đến công tác phát triển Đảng ở ngay mặt trận, chú ý chính sách thương binh tử sĩ... Khi thì là báo cáo của chính trị viên phó Môn, phần nài là « Báo cụ Thành nghỉ, cụ không nghỉ, cứ quần quật suốt ngày đến ốm mất ». Có cả thư của chi đoàn địa phương gửi các chi đoàn đơn vị, có cả thư của các mẹ, các chị, các em gửi cho tập thể hoặc cá nhân chúc mừng thắng lợi. Nhưng phần khởi và cũng ngạc nhiên hơn cả là tin anh em ở nhà đã quyết tâm tiếp tục xây

dựng tượng đài và nhà bảo tàng. Anh em hứa sẽ hoàn thành đúng thời gian qui định theo nghị quyết của Đảng ủy tiền đoàn.

Tin đó được truyền lan đến các bến sông, các đại đội của toàn tiền đoàn, truyền đến cả phân đội lái xe của Nguyễn Văn Dân và đại đội trưởng đại đội 2 Lê Đức Tài chỉ huy, đưa những đơn vị của quân đoàn 1 đang cấp tốc hồi hải tiến vào Sài Gòn.

Quân ta đã giải phóng Sài Gòn!

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng!

Tin đó truyền lan khắp đất nước, truyền lan khắp năm châu bốn biển,

Ngay sau cuộc mít tinh « chào mừng đại thắng 30-4-75 » một cuộc thi đua « Thần tốc » của đơn vị 19-5 ở căn cứ hậu phương được phát động và cũng là giai đoạn gay go nhất: Giai đoạn dựng đắp tượng đài lên cao. Tối thứ 7, trời mưa, kỹ sư Nguyễn Lương một mình đội mưa đạp xe vượt 30 km đường rừng núi qua đèo Ba Chòm, dốc Boong từ công trường 75 mãi đến 10 giờ tối mới về đến đơn vị cũ. Ngày mai anh phải kiểm tra lại giàn dáo và các thiết bị lắp tượng lên cao.

Khác với chính trị viên Trần Huy, đối với Nguyễn Lương đây không phải là công trình cuối cùng trong quân đội, nhưng là công trình cuối cùng đối với đơn vị. Anh với chính trị viên Trần Huy đều không muốn để cho lớp người kế tiếp phải gánh vác những trách nhiệm nặng nề và dỏ dang. Nguyễn Lương và Trần Huy đều đảm nhận trách nhiệm đối với đơn vị về công trình này. Riêng anh còn trách nhiệm về bảo đảm kỹ thuật nữa. Anh được điều động về chỉ huy một công trường xây dựng một căn cứ quân sự lớn của quân khu, trước khi đơn vị di chuyển trường được ít ngày. Anh cho đó

là một thiệt thòi nhưng cấp trên đã thông, đây là công trình quan trọng đòi hỏi rất khẩn trương. Anh nhận trách nhiệm và lao ngay vào công việc, cố gắng sắp xếp công việc thật hợp lý để có thời gian về lại đơn vị cũ, chỉ đạo xây dựng tượng đài, nhà bảo tàng cho xong. Bè bạn có người bảo anh :

– Thi cứ đứng lại, khi đơn vị đi chiến đấu về sẽ làm tiếp đã sao. Mà cậu đã đi khỏi đơn vị rồi thì trách nhiệm gì đến cậu nữa – Anh chỉ mỉm cười trả lời :

– Đơn vị càng đi vắng, càng phải hoàn thành mau chóng. Càng đỡ cho các đồng chí sau này bớt khó khăn.

Cứ thế, Nguyễn Lương đi đi về về giữa hai công trường khi thì bằng xe ô tô tải, ô tô con, khi thì bằng xe đạp, thậm chí có lúc đi bộ. Có lần về chỉ một lúc, hội ý chớp nhoáng với chính trị viên Trần Huy hoặc chính trị viên phó Môn về kế hoạch tổ chức lao động, hoặc với Tiến về kỹ thuật, hoặc với Nhuận, Thành về các vấn đề của Tượng... Rồi lại đi. Cũng có lần về một vài ngày, phần lớn là ngày nghỉ, ngày chủ nhật, khi thì đo đạc tính toán, khi thì làm giàn dao vác sắt, làm phụ hàn.

Công trường 75 của anh vẫn tiến hành với tốc độ nhịp nhàng khẩn trương.

Tượng đài và nhà bảo tàng đơn vị đối với Lương, không những là tất cả tình cảm gửi lại đơn vị, còn là trách nhiệm đối với ước mơ của những người đã ra đi và những người đang ở lại, và ước mơ của chính anh. Đó còn là công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật của anh. Thế ới kể Tượng đài trên cao, sử dụng vật liệu đá ong vào những công trình kiến trúc nhiều tầng. Đó còn là một tình cảm thiêng liêng và cao quý đối với anh.

rồi bị thương, vừa qua anh được ra an dưỡng, nghe tin đơn vị xây dựng tượng đài, ích xin nghỉ phép một tuần lễ về thăm đơn vị cũ. Thấy sự chuyển biến lớn lao và nhanh chóng của tiểu đoàn, anh càng thêm ân hận với năm, tháng mất mát ở đây. Giờ đây anh cũng gánh vác trách vụ, vác sắt khiêng dầm với chính trị viên Trần Huy. Ích như muốn dùng hành động của mình để đền bù lại những lỗi lầm xưa của anh. Vừa lao động Ích vừa kể chuyện cho số anh em chiến sĩ mới nghe về đại đội 1 của anh đã giữ vững và phát huy truyền thống của tiểu đoàn, về tiếng vang và sự khâm phục tín nhiệm đối với đoàn công binh 19-5 và cả những ân hận day dứt trong lòng anh nữa.

Không khí lao động xây dựng tượng đài còn thu hút nhiệt tình của bà con dân bản ở đây và các cơ quan, đơn vị bạn xung quanh. Bác Xuân, cô Huệ ở cửa hàng ăn vào chơi thăm anh em bán giải khát và còn sẵn quần áo tham gia vác đất với cánh đắp tượng. Đơn vị thiếu xe ô tô vận chuyển bà con trong bản cho mượn xe cải tiến, xe trâu. Cụ Ca khó tính nhất bản cũng đưa chiếc xe mới cho anh em đại đội 2 mượn chở gạch. Kéo ở xí nghiệp với sẵn sàng cho đơn vị vay hàng chục tấn xi-măng, trường máy cho xe húc sang húc đất, san mặt bằng...

Trần Huy, Phạm Viết Môn đều hiểu rằng, những tình cảm của cán bộ và chiến sĩ, những nhiệt tình của nhân dân và cơ quan bè bạn không phải mỗi lúc mà có, đòi hỏi phải có sự tích lũy lâu dài. Xuất phát từ việc giữ vững và phát huy truyền thống đơn vị, từ mối quan hệ quân dân, quan hệ xã hội chủ nghĩa, vô tư và đứng đắn nhất của tập thể Đảng ủy, cán bộ chiến sĩ ở đây. Và một lần nữa Trần Huy lại nhận ra rằng: « Đừng sợ

đơn độc, hãy cứ làm đi, nếu đó là việc tốt thì sẽ có người giúp anh và cùng làm với anh».

Nguyễn Thành phải về cơ quan xin nghỉ phép thêm, cơ quan sẵn sàng ủng hộ anh dựng tượng Bác, nhưng anh lại bị ốm. Nằm trên giường bệnh mà lòng không yên, khi vừa mới dứt cơn sốt, anh lại lao xuống đơn vị, ra công trường. Kỹ sư Nguyễn Lương đang đứng ở dàn giáo trên cùng, chỉ huy việc dựng lắp tượng đài. Anh bỗng kinh ngạc, khi thấy công việc đã tiến hành gần xong. Chỉ trong vòng mấy ngày anh vắng mặt, một khung dàn giáo cao vút trên tầng 4 đã được dựng lên, rộng rãi và chắc chắn, với những tời, pu ly, dây cáp, dây leo, rất đơn giản nhưng bố trí thật khoa học, họ đã dựng lắp gần xong. Trong suốt mấy ngày nằm trên giường bệnh và ngay cả trên đường đi, anh vẫn băn khoăn chưa hình dung nổi mình sẽ phải đưa một khối lượng bê tông cốt thép nặng 10 tấn ấy lên cao bằng cách nào, trong khi các phương tiện hiện đại như cần cẩu cao không có, tháp tời cũng không, ngay cả cầu của đơn vị cũng đã mang đi chiến đấu phía nam. Một mối lo ngại mơ hồ ám ảnh anh, hay là công sức của anh đành phải bỏ dở dang (?) – Mãi đến bây giờ anh mới thấy hết sức mạnh của cán bộ chiến sĩ ở đây. Nguyễn Thành lại càng mừng thấy Đào Nhuận đã thay anh đảm bảo được phần mỹ thuật của Tượng, không có gì sai sót. Và bây giờ đứng ngắm tượng đài anh mới thấy tỷ lệ của Tượng và nhà bảo tàng thật rất cân xứng, có mỹ thuật và hợp lý, hài hòa, Nhuận, Nguyễn Thành thấy mình như khỏe hẳn lên: Anh chạy băng băng lên giàn dáo trên cùng với Nguyễn Lương.

Những ánh lửa hàn lóe lên trong tay thợ hàn Minh và Chuần từ ngoài đường 21 đến phố Chi Nê, cánh đồng

lúa, đến những nương chè sông Bôi, từ trường dân tộc đến trường máy kéo, mọi người đều hướng về ngôi nhà 4 tầng, họ hồi hộp theo dõi và chờ đợi từng phút hoàn chỉnh tượng đài. Ánh lửa hàn lóe mãi trong đêm, sáng cả một vùng đồi núi.

Tiểu đoàn 19-5 xây dựng xong Tượng đài Hồ Chủ tịch và nhà bảo tàng với quy mô lớn, trong dịp kỷ niệm 85 ngày sinh Bác, truyền đi rất nhanh. Nhân dân quanh vùng cũng tập nập kéo đến xem, nhất là những ngày nghỉ, người đến đông như trẩy hội. Đoàn xe của Nguyễn Văn Đán, Lê Đức Tài từ Sài Gòn chiến thắng trở về cũng khăn trương về kịp ngày kỷ niệm ở đơn vị. Tiểu đoàn 19-5 từ bến M, bến C lại được lệnh đi chiến đấu tiếp theo, đơn vị có nhiệm vụ triển khai bảo đảm giao thông ở chiến trường miền tây. Ngày kỷ niệm 19-5 sẽ do tiểu đoàn trưởng Ngô Doãn và tiểu đoàn phó Hoàng Anh chủ trì. Chính trị viên Nguyễn Hữu dẫn đầu đoàn đại biểu các đơn vị về căn cứ dự lễ khánh thành Tượng đài và nhà bảo tàng kỷ niệm 85 năm ngày sinh Bác và 17 năm ngày thành lập tiểu đoàn.

Nhà bảo tàng và tượng Bác cao lồng lộng và lớn lao, soi bóng trên mặt hồ trong xanh phẳng lặng, bài hát «Nhịp cầu in dấu chân Người» bỗng vang lên trong lòng Nguyễn Hữu. Niềm tự hào về Bác, về đơn vị, về đồng đội, về những người anh đi trước. Niềm tin yêu tha thiết dạt dào dâng lên trong lòng anh, anh bỗng nghẹn ngào rung động.

Chính trị viên Trần Huy đang chăm sóc vườn cây ơn Bác Hồ, nghe tiếng xe về anh vội ra đón chính trị viên Nguyễn Hữu và các đồng chí từ chiến trường về. Chính trị viên phó Môn, Đào Nhuận, Phạm Tiến, Hồng Phúc và đồng đủ anh em ở nhà đều có mặt ở đây. Cảm động

ngheñ ngào, vui cười hề hả, chính trị viên Nguyễn Hữu chạy ồm chầm lẩy chính trị viên Trần Huy rồi bế bổng anh lên và reo to :

— Hoan hô bố già ! Hoan hò các đồng chí. Cảm ơn các đồng chí — những người đã dựng lên Tượng đài Hồ Chí Minh, Tượng đài chiến thắng của tiểu đoàn ta.

Mọi người đều vỗ tay và reo lên : « Hoan hô, hoan hô » !

Chính trị viên Trần Huy mặt đỏ bừng, anh gỡ tay Nguyễn Hữu nhảy xuống đất, rồi bất ngờ anh công kênh một chiến sĩ trẻ mới ở chiến trường về lên vai và nói to :

— Hoan hô các đồng chí ở chiến trường về. Chúng tôi phải cảm ơn các đồng chí — Chính các đồng chí mới là những người dựng lên Tượng đài chiến thắng của tiểu đoàn.

Tiếng hò reo của chiến sĩ càng to hơn. Rồi không ai bảo ai, mỗi người đều chỉnh đốn hàng ngũ, với tư thế nghiêm trang ngược nhìn lên cao, kính cẩn chiêm ngưỡng Tượng Bác Hồ : Người là tượng đài chiến thắng của toàn dân tộc

NGUYỄN HẢI BÌNH

8-1975

MỤC LỤC
BẾN CẦU NỒI SÓNG

	Trang
— Lời giới thiệu	AN VIẾT ĐÀM 2
— Dấu ấn đồng bằng	NGUYỄN TRÍ HUÂN 5
— Bến cầu nồi sóng	LƯƠNG HIỀN 17
— Niềm tự hào của tôi	THÀNH TRUNG 53
— Tình người đã thấm trong tôi	NGUYỄN SƠN HẢI 63
— Lá thư trả lại người gửi	PHẠM BÙI TRUNG 72
— Đêm vượt sông	VŨ QUANG XUẤT 93
— Gia tài của mẹ	LƯƠNG HIỀN 108
— Đêm thứ 100	LƯƠNG DƯƠNG THẢO 115
— Bức tranh được giải	NHẬT TRANG 122
— Những người xây dựng tượng đài chiến thắng	NGUYỄN HẢI BÌNH 132